

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**TRẦN VĂN ĐẠT**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ  
TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**THÁI NGUYÊN - 2017**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

---

**TRẦN VĂN ĐẠT**

**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC  
VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH  
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ  
TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục  
Mã số: 60.14.01.14**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN**

**THÁI NGUYÊN - 2017**

## LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan, luận văn này là kết quả nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu sử dụng trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ một công trình khoa học nào khác.

*Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017*

**Tác giả**



**Trần Văn Đạt**

## LỜI CẢM ƠN

Với sự kính trọng và tình cảm chân thành, tác giả trân trọng cảm ơn:

Các thầy giáo, cô giáo trong Ban Giám hiệu, khoa Tâm lý - Giáo dục, phòng Đào tạo, trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên cùng các nhà khoa học, các thầy giáo, cô giáo trực tiếp giảng dạy đã tận tình giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt tác giả xin bày tỏ lòng kính trọng và biết ơn sâu sắc đến PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền người đã tận tình hướng dẫn trong việc định hướng về nội dung đề tài, phương pháp nghiên cứu khoa học, giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn.

Các đồng chí trong Ban Giám hiệu, các thầy giáo, cô giáo, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ đã tạo điều kiện thuận lợi và nhiệt tình giúp đỡ tác giả có được các thông tin cần thiết, hữu ích để phục vụ cho đề tài nghiên cứu của mình.

Người thân trong gia đình, bạn bè, đồng chí, đồng nghiệp thường xuyên động viên tác giả trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, nhưng với thời gian và kinh nghiệm nghiên cứu còn hạn chế, nên chắc chắn luận văn này không thể tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong muốn nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy giáo, cô giáo, các nhà khoa học và các bạn đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn !

*Thái Nguyên, tháng 6 năm 2017*

**Tác giả luận văn**



**Trần Văn Đạt**

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG .....	v
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Lý do chọn đề tài .....	1
2. Mục đích nghiên cứu .....	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu .....	3
4. Giả thuyết khoa học .....	3
5. Giới hạn nghiên cứu.....	3
6. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	4
7. Phương pháp nghiên cứu .....	4
8. Cấu trúc luận văn .....	5
<b>Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ .....</b>	<b>6</b>
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề.....	6
1.1.1. Trên thế giới.....	6
1.1.2. Ở Việt Nam.....	7
1.2. Một số khái niệm công cụ của đề tài .....	11
1.2.1. Quản lý.....	11
1.2.2. Văn hóa, ứng xử, văn hóa ứng xử.....	11
1.2.3. Giáo dục, giáo dục văn hóa ứng xử .....	16
1.2.4. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	18
1.2.5. Quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	18
1.3. Một số vấn đề về giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	18

1.3.1. Đặc điểm của học sinh dân tộc thiểu số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	18
1.3.2. Mục đích, ý nghĩa của giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	20
1.3.3. Nội dung giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	21
1.3.4. Các con đường giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	25
1.4. Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở.....	30
1.4.1. Lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở.....	30
1.4.2. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	31
1.4.3. Chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở.....	32
1.4.4. Kiểm tra đánh giá kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở .....	33
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở.....	34
1.5.1. Yếu tố chủ quan .....	34
1.5.2. Yếu tố khách quan .....	39
Kết luận chương 1 .....	41
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN .....</b>	<b>42</b>
2.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển của Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên .....	42
2.2. Thực trạng giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên .....	43

2.2.1. Khái quát về khảo sát thực trạng .....	43
2.2.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh .....	45
2.2.3. Thực trạng giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên .....	50
2.2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.....	60
2.3. Đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên ....	67
2.3.1. Về ưu điểm.....	67
2.3.2. Hạn chế .....	68
2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.....	69
Kết luận chương 2.....	71
<b>Chương 3: BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN .....</b>	<b>72</b>
3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp .....	72
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với mục đích giáo dục và đào tạo nói chung và mục tiêu giáo dục của nhà trường .....	72
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống .....	72
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa .....	72
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi .....	73
3.2. Biện pháp quản lý giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên .....	73
3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh.....	73
3.2.2. Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên năng lực giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh .....	75

3.2.3. Biện pháp 3: Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh.....	76
3.2.4. Biện pháp 4: Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh.....	79
3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh.....	84
3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý.....	87
3.2.7. Biện pháp 7: Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học.....	88
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp.....	93
3.4. Khảo nghiệm các biện pháp.....	93
3.4.1. Kết quả khảo nghiệm biện pháp theo ý kiến đánh giá của chuyên gia.....	93
3.4.2. Nhận xét.....	95
Kết luận chương 3.....	97
<b>KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ.....</b>	<b>98</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>102</b>
<b>PHỤ LỤC.....</b>	



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CBQL	: Cán bộ quản lý
CLB	: Câu lạc bộ
CMHS	: Cha mẹ học sinh
CSVC	: Cơ sở vật chất
DTNT	: Dân tộc nội trú
GD&ĐT	: Giáo dục và đào tạo
GĐVHUX	: Giáo dục văn hóa ứng xử
GV	: Giáo viên
GVCN	: Giáo viên chủ nhiệm
HĐGDNGLL	: Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp
HS	: Học sinh
KT - XH	: Kinh tế - Xã hội
NV	: Nhân viên
PTDTNT	: Phổ thông dân tộc nội trú
THCS	: Trung học cơ sở
TNCS	: Thanh niên cộng sản
TNTP	: Thiếu niên tiền phong
VH - XH	: Văn hóa - Xã hội
VH	: Văn hóa
VHUX	: Văn hóa ứng xử
XH	: Xã hội

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về khái niệm GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS .....	46
Bảng 2.2. Nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS .....	48
Bảng 2.3. Đánh giá của CBQL, GV về thực hiện mục tiêu GDVHUX cho HS .....	51
Bảng 2.4. Đánh giá của GV và HS về thực hiện nội dung GDVHUX cho HS .....	53
Bảng 2.5. Đánh giá của GV về mức độ thực hiện các con đường GDVHUX cho HS.....	55
Bảng 2.6. Kết quả xếp loại hạnh kiểm của HS trường PTDTNT THCS Đại Từ.....	57
Bảng 2.7. Những biểu hiện hành vi VHUX của HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.....	58
Bảng 2.8. Đánh giá của CBQL, GV và NV về việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDVHUX cho HS .....	60
Bảng 2.9. Đánh giá của CBQL, GV và NV về việc tổ chức thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS .....	62
Bảng 2.10. Đánh giá của CBQL, GV và NV về thực hiện các biện pháp chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động GDVHUX cho HS .....	64
Bảng 2.11. Đánh giá của CBQL và GV về việc kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS .....	65
Bảng 2.12. Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS .....	69
Bảng 3.1. Đánh giá của CBQL, GV trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái nguyên về tính cần thiết của các biện pháp GDVHUX cho HS .....	94
Bảng 3.2. Đánh giá của CBQL, GV trường PTDTNT THCS Đại Từ về tính khả thi của các biện pháp GDVHUX cho HS .....	95

## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Cách ứng xử có văn hóa, phép lịch sự trong giao tiếp là rất cần thiết trong đời sống xã hội Việt Nam. Đó là những biểu hiện tốt đẹp của lối sống chung, của ý thức tôn trọng lẫn nhau, là sự trao đổi cân bằng và sự quan tâm giữa người với người trong gia đình và ngoài cộng đồng xã hội. Phép lịch sự trong việc ứng xử là tổng hợp các nghi thức được biểu hiện ra trong giao tiếp, nhưng không phải là những ứng xử một cách máy móc, mà là những việc làm, lời ăn, tiếng nói linh hoạt, với từng hoàn cảnh, từng môi trường cụ thể và đối tượng giao tiếp.

Cách ứng xử có tình, có nghĩa là phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa của người Việt Nam giúp mối quan hệ giữa người với người trở nên thân thiện, gắn bó, văn minh, lịch sự.

Văn hoá ứng xử trong nhà trường có vai trò rất quan trọng để rèn luyện nhân cách và giáo dục thế hệ trẻ, những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp, vấn đề xây dựng văn hoá học đường phải được coi là trọng tâm và quan trọng nhất trong từng trường học. Nếu môi trường học đường thiếu văn hoá thì không thể làm được chức năng truyền tải những giá trị kiến thức nhân văn cho thế hệ trẻ.

Trong môi trường giáo dục hai mối quan hệ chính là quan hệ giữa thầy và trò và quan hệ giữa các trò với nhau. Trong đó, mối quan hệ giữa thầy và trò là mối quan hệ cốt lõi nhất để xây dựng môi trường giáo dục. Quan hệ thầy trò là mối quan hệ đáng kính và đáng trân trọng. Cách đây hơn hai nghìn năm Khổng Tử bàn đến mối quan hệ Quân - Sư - Phụ (*Vua - Thầy - Cha*) tức là học trò kính Thầy như kính Vua, kính Cha. Nhưng ngày nay một bộ phận học trò đã không thể làm đủ lễ nghi với thầy cô các em lại còn xuyên tạc, làm biến tướng các nghi lễ, thiếu sự tôn trọng với thầy cô, coi thường việc học. Văn hoá ứng xử giữa học trò với nhau mang nhiều màu sắc biến tướng, tình trạng kết bè, kết phái, đánh lộn lẫn nhau, học trò hiện nay yêu quá sớm, yêu nhiều đã để lại những hậu quả khó lường,... Đây là những vấn đề nhức nhối không những làm ảnh hưởng đến môi trường giáo dục mà còn làm cho xã hội quan tâm, lo lắng. Đã đến lúc chúng ta phải thấy được sự cần thiết của việc giáo dục tư tưởng đạo đức và lối ứng xử có văn hoá cho thế hệ trẻ. Xây dựng một thế hệ trẻ có

sức khỏe, có trí lực, lòng nhiệt huyết, luôn trau dồi về lý tưởng và đạo đức cách mạng. Ngoài ra trong cuộc sống luôn chấp hành nghiêm chỉnh các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, gương mẫu trong cộng đồng, làm tròn bổn phận của người công dân.

Trường PTDTNT THCS Đại Từ là đơn vị giáo dục chuyên biệt trong hệ thống giáo dục công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Thái Nguyên. Nhà trường có 37 CBQL, GV, NV và 240 em HS. HS của nhà trường là người DTTS thuộc các xóm (thôn/bản) vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, 100% HS nội trú, các em ăn, ở, sinh hoạt và học tập tại trường. Ở chung một mái trường, xa gia đình đó là thực tế chung của các em HS, mỗi em đến trường đều mang theo một phong tục, tập quán riêng của dân tộc mình. Với các em, thầy giáo, cô giáo tại đây không chỉ truyền thụ cho kiến thức (*người Thầy/người Cô*) mà còn là chỗ dựa tinh thần, hướng dẫn các em những kỹ năng ứng xử, ăn, uống, ngủ, nghỉ, tự chăm sóc bản thân để các em rèn luyện nên người (*người Cha/người Mẹ*). Trong mối quan hệ giữa các em HS, không chỉ đơn thuần là bạn học cùng lớp, cùng trường mà các em HS ứng xử với nhau như anh em ruột thịt một nhà. Mỗi CBGV, NV và các em HS của nhà trường luôn tâm niệm và nỗ lực để thực sự “*Trường học là nhà - Thầy/Cô là Cha/Mẹ - Bạn bè là anh em*”. Trong công tác giáo dục dân tộc và đời sống nội trú nói chung và GDVHUX cho HS nói riêng, nhà trường luôn gắn kết chặt chẽ giữa dạy chữ với rèn người. Nhà trường tổ chức thực hiện nhiều chuyên đề như giáo dục và chăm sóc sức khỏe vị thành niên; công tác vệ sinh cá nhân, bảo vệ môi trường; lao động trồng và chăm sóc rau xanh; vệ sinh an toàn thực phẩm; giáo dục và rèn luyện kỹ năng sống cho HS ở nội trú;... Mặc dù vậy, trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện vẫn còn bộc lộ những hạn chế, các biện pháp quản lý còn đơn điệu, thiếu đồng bộ, các tổ chức đoàn thể trong công tác chưa làm hết chức năng, các biện pháp quản lý chưa thật sự hiệu quả,... Thực tế qua theo dõi, bên cạnh phần lớn HS của nhà trường có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, nỗ lực cố gắng vươn lên trong học tập và rèn luyện vẫn còn một bộ phận HS chậm tiến bộ; trong ứng xử với thầy/cô còn thiếu lễ độ; trong ứng xử với bạn bè còn gian lận, thiếu trung thực, đùn đẩy trách nhiệm, thiếu kỹ năng chia sẻ, cãi vã, nói tục, chửi thề,...; vẫn còn HS vi phạm Nội quy của trường/lớp, Quy định của Nhà ăn, Ký túc xá, ...

Việc tìm ra các biện pháp để phát huy những kết quả tích cực đã đạt được, khắc phục hạn chế trong quản lý hoạt động GDVHUX cho HS nói chung và HS trường PTDTNT THCS Đại Từ nói riêng là rất cần thiết, nhằm góp phần rèn luyện nhân cách, lối sống cho HS, đáp ứng yêu cầu đào tạo cán bộ dân tộc miền núi, có năng lực cùng với những phẩm chất đạo đức tốt phục vụ quê hương, bản làng.

Xuất phát từ những lý do trên tác giả chọn đề tài: “**Quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**” làm đề tài luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, đề tài đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS.

## **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

3.1. Khách thể nghiên cứu: Giáo dục văn hóa ứng xử cho HS ở trường PTDTNT THCS.

3.2. Đối tượng nghiên cứu: Quá trình quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

## **4. Giả thuyết khoa học**

Hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ trong những năm gần đây đã được quan tâm thực hiện, tuy nhiên kết quả chưa được như mong muốn, điều này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thuộc về yếu tố quản lý. Nếu đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, phù hợp với đặc điểm HS trường PTDTNT THCS thì sẽ nâng cao hiệu quả GDVHUX cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS.

## **5. Giới hạn nghiên cứu**

5.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Mối quan hệ giữa HS với CBGV, NV; Mối quan hệ giữa HS với HS và trong việc chấp hành Nội quy, Quy chế của nhà trường.

## 5.2. Giới hạn về khách thể điều tra

Cán bộ quản lý: 09 (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó); GV: 14; NV: 14; HS: 240.

## 6. Nhiệm vụ nghiên cứu

6.1. Xây dựng cơ sở lý luận về quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS.

6.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng văn hóa ứng xử của HS, thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

6.3. Đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

## 7. Phương pháp nghiên cứu

### 7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận:

Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa các văn bản, tài liệu, công trình khoa học có liên quan đến đề tài để xây dựng cơ sở lý luận về vấn đề nghiên cứu.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn: Quan sát, điều tra, đàm thoại, chuyên gia, ...

7.2.1. Phương pháp quan sát: Quan sát các hoạt động GDVHUX của cán bộ quản lý, GV, NV và biểu hiện của HS thông qua hoạt động học tập, hoạt động tự học, hoạt động GDNGLL, hoạt động tập thể, trong sinh hoạt, ăn, ở tại Nhà ăn, Ký túc xá,... nhằm thu thập thông tin.

7.2.2. Phương pháp điều tra: Sử dụng hệ thống câu hỏi để khảo sát trên CBQL, GV, NV và HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nhằm tìm hiểu thực trạng GDVHUX và những yếu tố ảnh hưởng đến GDVHUX cho HS.

7.2.3. Phương pháp đàm thoại: Trò chuyện với một số CBQL, GV, NV và HS với nội dung xoay quanh vấn đề VHUX và thực trạng GDVHUX cho HS.

7.2.4. Phương pháp chuyên gia: Xin ý kiến chuyên gia, những nhà giáo dục trực tiếp làm công tác giáo dục HS về các biện pháp quản lý, về VHUX và những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động GDVHUX cho HS.

### 7.3. Nhóm phương pháp bổ trợ:

Sử dụng toán thống kê để xử lý số liệu khảo sát thu được.

## **8. Cấu trúc luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Khuyến nghị, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn gồm 03 chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS.

**Chương 2:** Thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**Chương 3:** Biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

**Chương 1**  
**CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG**  
**GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH**  
**TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ**

**1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

**1.1.1. Trên thế giới**

Năm 1949, White (Mỹ) trong tác phẩm “Khoa học về văn hóa: nghiên cứu con người và văn minh” đã khẳng định: Các vật thể văn hóa là các “biểu trưng”, văn hóa là sản phẩm của quá trình biểu trưng. Như vậy, những tri thức nhà trường truyền đạt cho người học phải giúp họ tạo nên các “dấu hiệu” trong não - các “công cụ” tâm lý trong đầu - nói một cách khác văn hóa là trong tâm hồn - làm cho con người trở thành con người văn hóa. Đó chính là mục tiêu của văn hoá học đường [dẫn theo 36, tr.188].

Trong các thập niên 60 - 80 của Thế kỷ XX, tại Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa Đông Âu vấn đề văn hoá, VHUX bắt đầu được các tác giả quan tâm nghiên cứu, tuy nhiên cách nghiên cứu tiếp cận VHUX tương đồng với lối sống [44, tr.9 - 10].

Từ thập niên 70, các tác giả U.C.Marienco, B.M.Kôrôp, I.A.Đôrôkhôp,... đã công bố các tài liệu liên quan đến lí luận về giáo dục văn hóa hành vi nói chung và giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa nói riêng cho HS. Trong các tác phẩm của mình, các tác giả đã chứng minh sự cần thiết phải giáo dục hành vi văn hóa cho HS, nhất là HS nhỏ tuổi [dẫn theo 61, tr.3].

Các nhà tâm lý học và giáo dục học của Liên Xô như L.S.Vugôtski, X.L.Rôbinstein, A.N.Lêônchiev, A.X.Makarencô,... đã nghiên cứu về lý luận khoa học của hành vi và giáo dục hành vi đạo đức nói chung, hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS nói riêng trong nhà trường như là cơ sở để hình thành phẩm chất đạo đức, nhân cách của người công dân [dẫn theo 10, tr.7].

J.Piaget trong công trình nghiên cứu về giáo dục văn hóa đạo đức cho trẻ em đã khẳng định: Cần chú trọng giáo dục văn hóa đạo đức cho trẻ để giúp trẻ nắm được các qui tắc ứng xử [dẫn theo 47, tr.43-44].

Trong những năm 1977 - 1978, Trung tâm nghiên cứu khoa học về thanh niên ở Bungari nghiên cứu về vấn đề giáo dục đạo đức cho thanh niên trong đó đề cập đến vấn đề GDVHUX, định hướng lối sống của thanh niên.



Năm 2012, báo cáo nghiên cứu mã số DFE-RR218 của Bộ Giáo dục Anh nghiên cứu về ứng xử của HS trong các trường học ở Anh quốc nhằm xem xét về bản chất và tiêu chuẩn của hành vi trong trường học tiếng Anh; tác động của ứng xử tiêu cực trên HS và GV; những điều mà nhà trường và GV có thể làm để phát huy tốt hành vi ứng xử của HS. Nghiên cứu của các nhà khoa học đã chỉ ra rằng: Có một mối liên hệ tích cực giữa bầu không khí lớp học (niềm tin, giá trị, thái độ) và ứng xử của HS. Một bầu không khí ứng xử nghèo nàn/không tốt sẽ dẫn tới những ứng xử xã hội xấu xí. Từ kết quả nghiên cứu, các nhà khoa học cũng nhận định: Việc ứng xử tốt sẽ mang lại hiệu quả làm việc cho đội ngũ lãnh đạo nhà trường. Ngoài ra, sự phối hợp của cha mẹ HS với nhà trường cũng mang đến những kết quả tích cực cho hành vi ứng xử của HS [44].

### ***1.1.2. Ở Việt Nam***

Trong tác phẩm “Cơ sở văn hoá Việt Nam”, tác giả Trần Ngọc Thêm (1997) đã xem xét văn hoá khởi đầu từ các điều kiện vật chất quy định và định vị văn hoá Việt Nam, qua đó nhận thức được cái tinh thần là văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, để rồi cái tinh thần đó lại tác động trở lại đời sống vật chất hình thành nên cách thức ứng xử giao lưu với môi trường tự nhiên và xã hội [66].

Tác giả Lê Văn Quán (2007) trong tác phẩm “Văn hóa ứng xử truyền thống của người Việt Nam” đã bàn về văn hóa ứng xử của người Việt Nam. Từ các nhân tố tạo nên các ứng xử, tác giả nêu lên các bình diện và phương châm ứng xử của người Việt theo nhân cách chân, thiện, mỹ [60].

Nhiều tác giả khi nghiên cứu về văn hóa nhà trường đã xem việc ứng xử phù hợp chuẩn mực của các thành viên trong nhà trường là một nội dung, một biểu hiện của văn hóa nhà trường hay còn gọi là văn hóa học đường. Chia sẻ quan điểm này có các tác giả: Phạm Vũ Dũng (1996), Trần Thái Hà (2009), Hoàng Thị Nhị Hà (2010), Hoàng Hoa Quế, Nguyễn Thị Hà Lan, Trần Quốc Thành, Lê Gia Khánh (2011), Phạm Văn Khanh (2013), Nguyễn Dục Quang (2016),... Theo các tác giả, VHUX trong nhà trường mang lại nhiều ý nghĩa: Tạo nên bản sắc của nhà trường, tạo dựng môi trường sư phạm lành mạnh, phát huy truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam và góp phần vào sự thành bại của nhà trường. Vì vậy, VHUX trong nhà trường là một

nét đẹp cần giữ gìn. Nghiên cứu của tác giả Nguyễn Dục Quang đã chỉ ra rằng, các mối quan hệ ứng xử trong nhà trường là một thành phần trong hệ thống các giá trị cốt lõi để phát triển văn hóa nhà trường. Mỗi nhà trường tự đề ra bộ quy tắc ứng xử và cụ thể hóa các quy tắc ứng xử có VH trong mọi hoạt động giáo dục để tạo bầu không khí nghiêm túc nhưng cởi mở, thân thiện trong mối quan hệ người - người: GV, HS, cha mẹ HS, khách đến trường,...; cũng như sự ứng xử phù hợp với môi trường, ở đó mọi người luôn hướng đến việc duy trì và phát triển môi trường nhà trường trở thành môi trường có VH, HS gần gũi với thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên, GV gắn kết chặt chẽ việc dạy học trên lớp với thực hành tại môi trường, tạo nên cảnh quan trường học luôn gần gũi với thiên nhiên [61].

Tác giả Nguyễn Thị Hằng Phương (2011) trong bài viết “*Xây dựng môi trường học đường văn hóa bắt đầu từ giao tiếp văn hóa*” đã công bố kết quả nghiên cứu cho thấy có một số biểu hiện ứng xử của GV khiến HS không hài lòng như: sự thiếu công bằng/bao dung, làm trầm trọng hóa vấn đề,... Những điều này đã gây ra tác động tiêu cực đến hứng thú học tập và hiệu quả nhận thức của HS. Do đó, tác giả cho rằng: Giao tiếp, ứng xử là công việc đầu tiên của các thầy cô đối với HS, với đồng nghiệp và đó là bằng chứng sống động, chân thực nhất về giáo dục văn hóa giao tiếp [dẫn theo 43].

Tác giả Hồ Thị Nhật (2009) với nghiên cứu “*Giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho HS trong nhà trường phổ thông*” đã chỉ ra cấu trúc của hành vi giao tiếp có văn hóa gồm 3 yếu tố: yếu tố nhận thức, yếu tố tình cảm, yếu tố ý chí. Ba yếu tố này có mối quan hệ chặt chẽ, tạo nên cơ cấu chính thể điều chỉnh hành vi con người trong các hành vi ứng xử hàng ngày thông qua các phương tiện giao tiếp: Lời nói, điệu bộ, cử chỉ [dẫn theo 36, tr.98]. Trong nghiên cứu của tác giả, nhóm giá trị trong mối quan hệ ứng xử với người khác là một nội dung của hành vi giao tiếp có văn hóa.

Tác giả Lê Gia Khánh (2011) định nghĩa VHUX học đường là “quan niệm, thái độ và cách thức của một cá nhân hay một tập thể trong việc tiếp cận và xử lý những mối quan hệ với các đối tác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của nhà trường” [dẫn theo 40, tr.69]; Tác giả Tô Lan Phương (2011) xem VHUX học đường là “các giá trị văn hóa, đạo đức, thẩm mỹ của mỗi cá nhân được thể hiện thông qua thái độ, hành vi, cử chỉ, lời nói của chính cá nhân đó.” [dẫn theo 40, tr.43].

Tác giả Lê Gia Khánh (2011) với bài viết “*Văn hóa ứng xử trong nhà trường - Một biểu hiện của văn hóa học đường*” cho rằng: VHUX trong nhà trường là biểu hiện quan trọng nhất của văn hóa học đường. Trình độ VHUX của một nhà trường cao hay thấp tùy thuộc vào toàn bộ nhân sinh quan và năng lực tổ chức của mỗi thành viên mà trước hết là ở hiệu trưởng. VHUXHĐ là tiền đề cho những thắng lợi, thành công của mỗi con người, mỗi cộng đồng, mỗi nhà trường [dẫn theo 40, tr.70]. Theo tác giả, VHUXHĐ thể hiện tập trung qua phong cách làm việc của hiệu trưởng và tập thể cán bộ, GV; qua cách thức tổ chức, triển khai công việc của nhà trường; ở quan niệm, thái độ, hành vi giao tiếp trong tất cả các mối quan hệ, các hoạt động mà chủ yếu là hoạt động dạy - học, hoạt động văn - thể - mỹ của các thành viên trong trường [dẫn theo 40, tr.71]. Tác giả cũng đã nêu ra các biểu hiện ứng xử phù hợp với vai trò, vị trí của các chủ thể; đồng thời chỉ ra những bất cập so với chuẩn mực và một số giải pháp khắc phục thực trạng.

Tác giả Lê Thị Bùng (2003) trong quyển “*Tâm lý học ứng xử*” đã chỉ ra những biểu hiện của ứng xử học đường. Đó là sự ứng xử trong mối quan hệ HS - HS, thầy - thầy, thầy - trò, thầy - cha mẹ HS. Tác giả cũng nêu lên những biểu hiện ứng xử cụ thể của mỗi quan hệ thầy - trò phù hợp với từng bậc học. Theo tác giả, đạo đức là yếu tố căn bản làm nên sự khéo léo ứng xử của GV, qua đó thể hiện nghệ thuật sư phạm. Yếu tố đạo đức được thể hiện qua lòng yêu thương hết mực HS, qua sự tôn trọng nhân cách và tự do của các em, qua niềm tin tưởng mạnh mẽ vào bản chất tốt đẹp và khả năng to lớn của thanh thiếu niên, qua những phẩm chất tốt đẹp khác của GV. Những phẩm chất đạo đức này giúp cho người GV cảm hóa được HS, gần gũi được với các em” [8, tr.65].

Tác giả Nguyễn Thị Việt Hương (2011) trong nghiên cứu “*Văn hóa ứng xử trong nhà trường hiện nay qua những thay đổi trong quan hệ thầy trò*” đã chỉ ra mối liên hệ giữa sự biến đổi những giá trị chuẩn mực trong các lĩnh vực của đời sống và sự thay đổi trong ứng xử thầy trò. Theo tác giả, trong XH có nền kinh tế thị trường phát triển, xu thế DH hướng vào người học đã làm thay đổi vai trò người thầy. Quan hệ thầy trò phần nào bị hiểu là quan hệ đáp ứng yêu cầu của qui luật cung - cầu trong lĩnh vực đào tạo. Từ đó, người học cảm thấy không cần giữ một khoảng cách đủ để

thể hiện sự kính trọng tuyệt đối đối với người thầy và dẫn đến những vi phạm trong ứng xử thầy trò. Tác giả cho rằng, cần có sự điều chỉnh của cả thầy và trò trên cơ sở nhận thức đúng đắn để tạo nên hành vi ứng xử phù hợp [dẫn theo 43].

Tác giả Tô Lan Phương (2011) với tham luận “*Ứng xử học đường trong thời kỳ hội nhập kinh tế toàn cầu*” đã nêu lên tầm quan trọng của VHUX trong nhà trường, chỉ ra những bất cập về VHUX trong nhà trường liên quan đến mối quan hệ thầy - trò, trò - trò . Xuất phát từ quan điểm cho rằng VHUX góp phần thể hiện hành vi đạo đức, diện mạo nhân cách của cá nhân trong XH, tác giả đã đề nghị xây dựng VHUX trong nhà trường thông qua sự gương mẫu của GV, sự tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm trong hoạt động sinh hoạt tập thể, sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình và nhà trường, sự hỗ trợ của cơ quan quản lý giáo dục. [dẫn theo 36, tr.46].

Tác giả Trần Quang Trung trong bài viết “*Một số biện pháp xây dựng nền nếp văn hóa ứng xử trong nhà trường*” đã xây dựng hệ thống lý luận ban đầu về VHUX, trong đó tác giả chỉ ra những đặc điểm của VHUXHĐ. Đó là tính truyền thống, tính công vụ, tính chuẩn mực, tính sư phạm, tính khoa học và phát triển, tính thiện và giá trị tốt đẹp, tính chất tâm lý đám đông và lây lan tâm lý. Từ quan điểm cho rằng VHUX có mối liên hệ hữu cơ, tác động tích cực đến sự phát triển và vị thế của nhà trường, cơ quan, công sở..., tác giả đã đề xuất hệ thống giải pháp hình thành VHUX trong nhà trường.

Tác giả Nguyễn Kim Hồng (2011) trong tham luận “*Văn hóa và xây dựng văn hóa giao tiếp trong nhà trường*”, cho rằng: “Vấn đề GDVHUX, giao tiếp trong nhà trường đang trở thành vấn đề cấp thiết. Trường học không chỉ mang đến cho HS kiến thức mà còn phải xây dựng cho các em nền tảng văn hóa giao tiếp, ứng xử, biết cách sống chan hòa với mọi người... VHUX trong trường học cần phải được bàn luận, được dạy và được học ngay từ khi trẻ bắt đầu đến trường... ; cần phải có những qui định rõ ràng về cách ứng xử sao cho có văn hóa” [dẫn theo 43, tr29].

Trong các công trình nghiên cứu nêu trên, các tác giả đều đã đi nghiên cứu và làm rõ VHUX, những biểu hiện của VHUX. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu những công trình nghiên cứu sâu về quản lý hoạt động GDVHUX cho HS THCS đặc biệt là HS trường PTDTNT THCS. Vì vậy, tác giả đi sâu nghiên cứu đề tài “**Quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**”.

## **1.2. Một số khái niệm công cụ của đề tài**

### **1.2.1. Quản lý**

“Quản lý” theo nghĩa thông thường là trông nom, bảo quản đối tượng nào đó theo yêu cầu nhất định: Quản lý nhà kho; quản lý trang trại; quản lý xí nghiệp; ... Trong nghiên cứu về quản lý xã hội, các nhà khoa học đã đưa ra khái niệm “quản lý” theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau:

Theo tác giả Nguyễn Quốc Chí và Nguyễn Thị Mỹ Lộc, quản lý là sự tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý (nhà quản lý) - trong tổ chức - nhằm làm cho tổ chức vận hành và đạt được mục đích của tổ chức. Cũng theo đó các tác giả còn phân định rõ hơn về hoạt động quản lý là quá trình đạt đến mục tiêu của tổ chức bằng cách vận dụng các chức năng kế hoạch hoá, tổ chức, chỉ đạo và kiểm tra [9].

Tác giả Nguyễn Minh Đạo thì cho rằng *“Quản lý là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý (người quản lý, tổ chức quản lý) lên khách thể quản lý (đối tượng quản lý) về các mặt chính trị, văn hoá, xã hội, kinh tế, ... bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp và các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển của đối tượng”* [22, tr.7].

Tác giả Nguyễn Ngọc Quang thì cho rằng *“Quản lý là tác động có mục đích, có kế hoạch của chủ thể quản lý đến tập thể người lao động (nói chung là khách thể quản lý) nhằm thực hiện được những mục tiêu dự kiến”* [62, tr.24].

Theo các tác giả Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Wehrlich: *“Quản lý là thiết kế một môi trường mà trong đó con người cùng làm việc với nhau trong các nhóm có thể hoàn thành mục tiêu”* [31, tr.29].

Từ những nội dung trên, có thể khái quát: Quản lý là quá trình tác động có định hướng, có mục đích, có kế hoạch và có hệ thống thông tin của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý, thực hiện các chức năng quản lý bằng các quyết định, các cơ chế chính sách và sử dụng các nguồn lực nhằm đưa hoạt động của tổ chức đạt các mục tiêu đã xác định trong những điều kiện nhất định.

### **1.2.2. Văn hóa, ứng xử, văn hóa ứng xử**

#### **1.2.2.1. Văn hóa**

Theo nghiên cứu của nhiều tác giả, thuật ngữ “Văn hóa” xuất hiện rất sớm ở Trung Hoa. Lưu Hưởng (Ước đoán 77 - 76 TCN) đời Tây Hán là người sử dụng thuật

ngữ “Văn hoá” trong sách Thuyết Uyên, bài Chi Vũ: "Bậc thánh nhân trị thiên hạ, trước dùng văn đức rồi sau mới dùng vũ lực. Phàm dùng vũ lực đều để đối phó kẻ bất phục tùng, dùng văn hoá không thay đổi được thì sau đó sẽ chinh phạt" [dẫn theo 55]. “Văn hoá” được hiểu như một cách giáo hoá đối lập với vũ lực, dùng văn để trị, để thay đổi, biến đổi. Hiểu theo nghĩa đầy đủ, văn hóa là sự giáo hóa, vun trồng nhân cách con người, làm thay đổi con người.

Trong ngôn ngữ Anh, Pháp, thuật ngữ này được viết thành “Culture” - có nghĩa là trồng trọt, canh tác, trau dồi, làm sinh lợi, mang lại lợi ích cho con người.

Theo UNESCO (2002), VH theo nghĩa rộng là một phức hợp tất cả các đặc trưng diện mạo về tinh thần, vật chất, tri thức, tình cảm khắc họa nên bản sắc của một cộng đồng, xóm làng, XH,... VH không chỉ bao gồm nghệ thuật, văn chương mà là những lối sống, những quyền cơ bản của con người, những hệ thống giá trị, những truyền thống tín ngưỡng [dẫn theo 13, tr.112].

Theo nhà nhân loại học người Anh Edward Burnett (1871), VH là tổ hợp các tri thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục và các năng lực, thói quen khác mà con người có được với tư cách là thành viên của xã hội [dẫn theo 56]. Ta thấy, khái niệm VH ở đây được giới hạn trong những yếu tố tinh thần, những giá trị phi vật thể do con người sở hữu hoặc tạo ra trong quá trình sống.

Cùng chia sẻ khái niệm của UNESCO, trong văn bản “Bản sắc văn hóa và sự hợp tác nhiều bên giữa các nước nói tiếng Pháp”, VH được đề cập như sau: “VH, tóm lại là tất cả những cái mà nhờ nó, một cộng đồng con người tự nhận biết bản thân và có thể được người khác nhận biết” [dẫn theo 34, tr.14]. Quan niệm này nhấn mạnh đến vai trò của VH trong việc làm nên bản sắc, tính cá biệt của một cộng đồng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh (1943) định nghĩa về VH như sau: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát sinh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là VH*” [dẫn theo 13, tr.431].

Theo tác giả Đỗ Long (2008), “*VH được xác định là toàn bộ các giá trị vật chất và tinh thần do nhân loại sáng tạo ra nhằm xây dựng và phát triển XH, điều*

*chỉnh các quan hệ của con người đối với thiên nhiên và XH, đối với người khác và chính mình” [dẫn theo 24, tr.73].*

Theo tác giả Nguyễn Văn Lê (2005), *“VH được xem là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử, quá trình hoạt động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và XH”*. [dẫn theo 17, tr.226].

Theo tác giả Trần Quốc Thành (2011), *“VH biểu hiện chủ yếu trong mối quan hệ giữa con người với con người, là một dạng chuẩn mực điều tiết mối quan hệ giữa người với người. VH quy định cách ứng xử giữa người với người, được con người thừa nhận, duy trì và phát triển nó”* [dẫn theo 13, tr.113].

Từ những phân tích trên, trong phạm vi đề tài này, theo tác giả: Văn hóa là toàn bộ sáng tạo của con người, tích lũy lại trong quá trình hoạt động thực tiễn - xã hội, được đúc kết thành hệ giá trị và chuẩn mực xã hội, biểu hiện thông qua vốn di sản văn hóa và hệ ứng xử văn hóa của cộng đồng, làm nên bản sắc riêng của một cộng đồng xã hội, có khả năng chi phối đời sống tâm lý và mọi hoạt động của những người sống trong cộng đồng ấy, được bảo tồn và truyền lại cho các thế hệ sau.

#### 1.2.2.2. Ứng xử

Hai tác giả Nguyễn Văn Hộ và Trịnh Trúc Lâm (2000) quan niệm *“Ứng xử là những phản ứng đáp lại đối với tự nhiên (theo nghĩa là thế giới vật chất bao quanh mỗi người và theo nghĩa là những con người khác, những mối quan hệ khác, kể cả những sản phẩm do con người tạo ra) theo cách này hay cách khác”* [dẫn theo 10, tr.10]. Quan niệm này xác định rõ phạm vi, đối tượng được tác động bởi sự ứng xử của chủ thể. Đó là thế giới vật chất xung quanh con người, con người, sản phẩm do con người tạo ra.

Theo tác giả Lê Thị Bùng (1997), *“Ứng xử là sự phản ứng của con người đối với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định. Nó thể hiện ở chỗ con người không chủ động trong giao tiếp mà chủ động trong phản ứng có sự lựa chọn, có tính toán thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng, ... tùy thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của con người nhằm đạt kết quả giao tiếp cao nhất”* [8, tr.12].

Tác giả Ngô Công Hoàn (1995) cho rằng: *“Ứng xử là những phản ứng, hành vi của con người nảy sinh trong quá trình giao tiếp, do những rung cảm cá nhân kích*

*thích nhằm lĩnh hội, truyền đạt những tri thức, vốn sống, kinh nghiệm của cá nhân, XH trong những tình huống nhất định” [36, tr.14].*

Như vậy, ứng xử là sự phản ứng có ý thức được thể hiện qua thái độ, lời nói, hành vi của con người trước một tình huống nảy sinh từ sự tác động của người khác hoặc từ môi trường, hoàn cảnh xung quanh.

Từ những phân tích trên, theo tác giả: Ứng xử là phản ứng của con người trước sự tác động của người khác hay môi trường tự nhiên đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định. Nó thể hiện ở chỗ con người không chủ động trong giao tiếp mà chủ động trong phản ứng có sự lựa chọn, có tính toán thể hiện qua thái độ, hành vi, cử chỉ, cách nói năng,... tùy thuộc vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của con người nhằm đạt kết quả giao tiếp cao nhất.

### *1.2.2.3. Văn hóa ứng xử*

Trong nghiên cứu của mình, tác giả Nguyễn Thanh Tuấn (2005) cho rằng: *“Trong nền VH Việt Nam cổ truyền, không có khái niệm văn hóa ứng xử. Khái niệm lối sống hay VH lối sống là tương đương với phạm trù VHUX. Thuật ngữ VHUX xuất hiện như là kết quả của quá trình cải biến XH nói chung và xây dựng con người mới, VH mới nói riêng” [73, tr.7, tr.8].*

Chia sẻ quan điểm trên, tác giả Lê Thi (2012) nêu rõ: *“Nếp sống VH chính là những ứng xử VH được coi là phù hợp với truyền thống VH, thuần phong mỹ tục, đạo lý của dân tộc, là những hành vi ứng xử giữa con người với con người và giữa con người với thiên nhiên. Nếp sống VH của người Việt Nam được biểu hiện trong nhiều lĩnh vực: Kinh tế, VH, XH qua nếp sinh hoạt, làm việc, đối nhân xử thế, sự quan tâm của mỗi cá nhân đối với đồng loại” [69, tr.23].*

Các định nghĩa về VHUX được thể hiện qua 3 hướng tiếp cận khác nhau về đối tượng ứng xử trong mối quan hệ với chủ thể:

Hướng thứ nhất, các tác giả xem hoạt động ứng xử được thể hiện trong mối quan hệ với người khác, với XH:

- Tác giả Nguyễn Đình Hòa định nghĩa VHUX là cách đối nhân xử thế thích hợp giữa người với người trong cuộc sống [dẫn theo 57].

- Theo tác giả Lê Thị Trúc Anh (2012), VHUX là hệ thống các giá trị và chuẩn mực của con người, thể hiện ở cách “phản ứng phù hợp” đối với các tình huống giao tiếp trong các mối quan hệ XH [dẫn theo 48, tr.110].



- Theo tác giả Đỗ Long (2008), “*VHUX là hệ thống thái độ và hành vi được xác định để xử lý các mối quan hệ giữa người với người trên các căn cứ pháp lý và đạo lý nhằm thúc đẩy nhanh sự phát triển của cộng đồng, của XH*” [dẫn theo 24, tr. 73].

Hướng thứ hai, các tác giả xem hoạt động ứng xử được thể hiện trong mối quan hệ với tự nhiên và XH, nhấn mạnh trách nhiệm của cá nhân trong sự tương tác với môi trường.

- Nguyễn Việt Chúc (2002) và các đồng tác giả đã định nghĩa: “*VHUX bao gồm cách thức quan hệ, thái độ và hành động của con người đối với môi trường thiên nhiên, đối với XH và đối với người khác. VHUX gắn liền với các thước đo mà XH dùng để ứng xử. Đó là các chuẩn mực XH*” [12, tr. 54].

- Theo tác giả Huỳnh Văn Sơn (2010), “*VHUX là cách ứng xử mà con người sáng tạo và xác lập để duy trì các mối liên hệ giữa người với người (quan hệ họ tộc, cộng đồng, làng xã, quốc gia, toàn cầu, ...) hoặc giữa người với thế giới xung quanh (với thế giới tự nhiên và với vũ trụ bao la). VHUX theo quan niệm hiện đại thể hiện ở cung cách ứng xử, sự xử lý mang tính VH tựu trung ở việc thực hiện những nguyên tắc ứng xử, những kỹ năng ứng xử trong những mối quan hệ và những tình huống ứng xử khác nhau*” [dẫn theo 34, tr.35].

- Theo tác giả Lê Thị Bích Hồng (2015), “*VHUX là tập hợp những nét đẹp thể hiện qua các thái độ, hành động phân xử, thế ứng xử, đối ứng với một thái độ, hành vi khác thể hiện triết lý sống, lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cá nhân, một cộng đồng người trong việc trong việc ứng xử và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với XH từ nhỏ đến lớn*” [dẫn theo 58, 66].

Hướng thứ ba, các tác giả xem hoạt động ứng xử không chỉ thể hiện với người khác, với thế giới xung quanh mà còn thể hiện với chính mình.

- Tác giả Nguyễn Thanh Tuấn (2005) quan niệm: “*VHUX là hệ thống các khuôn mẫu ứng xử được thể hiện ở thái độ, kỹ năng ứng xử của cá nhân và cộng đồng người trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên, XH và bản thân, trên cơ sở những chuẩn mực VH - XH nhất định, để bảo tồn, phát triển cuộc sống của cá nhân và cộng đồng nhằm làm cho cuộc sống của cá nhân và cộng đồng giàu tính người hơn. Khái niệm VHUX theo đúng nghĩa và đầy đủ của nó là hệ thống ứng xử có VH*” [73; tr.36]

- Theo tác giả Trần Nguyên Hào (2014), VHUX là cái đẹp, cái giá trị trong ứng xử, tức là ứng xử có văn hoá. Nó bao gồm: hệ thống thái độ, khuôn mẫu, khả năng ứng xử của cá nhân và cộng đồng người trong mối quan hệ với môi trường thiên nhiên, XH và bản thân, dựa trên những chuẩn mực XH nhằm bảo tồn, phát triển cuộc sống của cá nhân và cộng đồng người hướng đến cái chân, cái thiện, cái mỹ [dẫn theo 56].

- Theo tác giả Hồ Sĩ Vịnh (2012), thuật ngữ “văn hóa” đặt trước ứng xử có nghĩa là tô đậm chiều cao phẩm chất, chiều rộng quan hệ của người ứng xử. Có con người là có ứng xử, nhưng VHUX được hình thành từ khi văn minh phát triển ở một cấp độ nào đó nhằm diễn đạt cách ứng xử của con người đối với thiên nhiên, đối với XH và đối với chính mình [dẫn theo 6, tr.135]. Khái niệm này cho thấy mối liên hệ giữa VH và sự phát triển của XH, sự cần thiết của yếu tố VH, những yêu cầu đối với việc ứng xử trong một XH phát triển.

Như vậy, đối tượng của ứng xử được đề cập ở phạm vi rộng, hẹp khác nhau. Xem xét về mặt thực tiễn, ta thấy định nghĩa theo hướng xem việc ứng xử còn bao hàm cả ứng xử với bản thân có lẽ phản ánh đầy đủ nhất nội hàm của khái niệm này. Bởi vì bản thân mỗi người là một là một thành viên của XH, có quyền sống, quyền được tôn trọng và mưu cầu hạnh phúc. Để thụ hưởng quyền lợi ấy, con người không chỉ trông chờ vào người khác mà bản thân mình cần có những ứng xử phù hợp, đúng mực đối với bản thân trong những tình huống cụ thể, qua đó thể hiện ý thức và hành vi phù hợp đối với sự sống, sức khỏe, giá trị của bản thân, ...

Từ những phân tích trên, có thể hiểu: Văn hóa ứng xử là những chuẩn mực xã hội về ứng xử có tác dụng định hướng cho thái độ, hành vi của con người trong những tình huống ứng xử nảy sinh với bản thân, với người khác, với thế giới xung quanh. Văn hóa ứng xử là một nội dung của văn hóa lối sống, thể hiện trình độ đạo đức, thẩm mỹ, diện mạo nhân cách của một cá nhân trong tập thể, cộng đồng, một quốc gia, dân tộc. Hay nói cách khác, văn hóa ứng xử thể hiện trình độ phát triển của con người, của xã hội.

### **1.2.3. Giáo dục, giáo dục văn hóa ứng xử**

#### **1.2.3.1. Giáo dục**

Giáo dục (tiếng Anh: education) theo nghĩa chung là hình thức học tập theo đó kiến thức, kỹ năng, và thói quen của một nhóm người được trao truyền từ thế hệ này

sang thể hệ khác thông qua giảng dạy, đào tạo, hay nghiên cứu. Giáo dục thường diễn ra dưới sự hướng dẫn của người khác, nhưng cũng có thể thông qua tự học. Bất cứ trải nghiệm nào có ảnh hưởng đáng kể lên cách mà người ta suy nghĩ, cảm nhận, hay hành động đều có thể được xem là có tính giáo dục. Giáo dục thường được chia thành các giai đoạn như giáo dục tuổi ấu thơ, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học và giáo dục đại học.

Theo tác giả Phạm Hồng Quang (2006) khái niệm giáo dục được hiểu ở cấp độ xã hội và cấp độ nhà trường theo nghĩa rộng, hẹp khác nhau.

Ở cấp độ xã hội, theo nghĩa rộng, giáo dục được hiểu là một lĩnh vực của hệ thống kinh tế - xã hội, một thiết chế vận động theo một phương thức đặc thù (Mục đích phát triển nhân cách) với những giai đoạn diễn tiến cụ thể.

Theo nghĩa hẹp, giáo dục là những tác động nhằm làm thay đổi nhận thức hành vi của con người (những người) khác, ở phạm vi đạo đức, lối sống.

Ở cấp độ nhà trường, giáo dục theo nghĩa rộng là quá trình toàn vẹn hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh thông qua dạy học và giáo dục (theo nghĩa hẹp). Theo nghĩa hẹp, giáo dục là một quá trình bộ phận của giáo dục theo nghĩa rộng hướng đến việc hình thành các phẩm chất nhân cách của học sinh.

Trong phạm vi đề tài, theo tác giả: Giáo dục là quá trình toàn vẹn hình thành và phát triển nhân cách con người theo yêu cầu xã hội, được tổ chức có mục đích, có kế hoạch, được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của nhà giáo dục nhằm giúp đối tượng giáo dục phát triển về trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ, thế giới quan, nhân sinh quan, ... giúp họ biến kinh nghiệm xã hội - lịch sử thành kinh nghiệm của bản thân.

#### *1.2.3.2. Giáo dục văn hóa ứng xử*

GĐVHUX là một nội dung nằm trong giáo dục đạo đức. GĐVHUX là cung cấp các tri thức, thông tin thích hợp, nhằm giúp HS nâng cao nhận thức, sự hiểu biết, điều tiết cảm xúc bản thân, thay đổi hành vi theo hướng tốt đẹp hơn, từ đó định hướng những giá trị tốt đẹp trong VHUX, trong xã hội. Đồng thời trang bị kiến thức sống giúp các em hội nhập cuộc sống văn minh, hiện đại.

Như vậy, có thể hiểu: GĐVHUX là quá trình trang bị cho HS những tri thức, hiểu biết về khuôn mẫu ứng xử, những chuẩn mực hành vi đạo đức, phát triển khả

năng giao tiếp, giúp HS có thái độ, cách thức quan hệ, hành động và kỹ năng lựa chọn, ứng xử linh hoạt, phù hợp trong mọi tình huống đa dạng của cuộc sống.

#### ***1.2.4. Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

HS trường PTDTNT THCS là những thiếu niên người DTTS có hộ khẩu thường trú và định cư từ 03 năm trở lên (tính đến ngày tuyển sinh) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành (*không quá 5% trong tổng số chỉ tiêu được tuyển mới hằng năm là con em người dân tộc Kinh*). Các em được xét duyệt và cử tuyển vào học tại trường theo yêu cầu của địa phương. 100% HS được ăn, ở, sinh hoạt trong khu nội trú và được hưởng các chế độ ưu tiên, ưu đãi theo quy định của Nhà nước.

#### ***1.2.5. Quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

Quản lý hoạt động giáo dục là những tác động có mục đích, có kế hoạch của Hiệu trưởng đến tập thể giáo viên, học sinh, những lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm huy động họ tham gia, cộng tác, phối hợp trong các hoạt động của nhà trường, giúp quá trình giáo dục vận động tối ưu tới mục tiêu dự kiến.

Trong phạm vi đề tài này, có thể hiểu: Quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS là những tác động có mục đích, có kế hoạch của Hiệu trưởng trường PTDTNT THCS đến tập thể giáo viên, học sinh, những lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường nhằm huy động họ tham gia, cộng tác, phối hợp trong các hoạt động GDVHUX cho HS, giúp quá trình GDVHUX cho HS của nhà trường vận động tối ưu tới mục tiêu dự kiến.

### **1.3. Một số vấn đề về giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở**

#### ***1.3.1. Đặc điểm của học sinh dân tộc thiểu số trong các trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

HS trung học cơ sở (từ lớp 6 - 9) có một vị trí đặc biệt và tầm quan trọng trong thời kỳ phát triển của trẻ em, vì nó là thời kỳ chuyển tiếp từ tuổi thơ sang tuổi trưởng thành và được phản ánh bằng những tên gọi khác nhau như: “thời kỳ quá độ”, “tuổi khó bảo”, “tuổi khủng hoảng”, “tuổi bất trị”, ...

Đây là lứa tuổi có bước nhảy vọt về thể chất lẫn tinh thần, các em đang tách dần khỏi thời thơ ấu để tiến sang giai đoạn phát triển cao hơn (người trưởng thành) tạo nên nội dung cơ bản và sự khác biệt trong mọi mặt phát triển: thể chất, trí tuệ, tình cảm, đạo đức,... của thời kỳ này.

Ở lứa tuổi thiếu niên có sự tồn tại song song “vừa tính trẻ con, vừa tính người lớn”, điều này phụ thuộc vào sự phát triển mạnh mẽ về cơ thể, sự phát dục, điều kiện sống, hoạt động,... của các em.

Mặt khác, ở những em cùng độ tuổi lại có sự khác biệt về mức độ phát triển các khía cạnh khác nhau của tính người lớn - điều này do hoàn cảnh sống, hoạt động khác nhau của các em tạo nên.

Trong những giai đoạn phát triển của con người, lứa tuổi thiếu niên có một vị trí và ý nghĩa vô cùng quan trọng. Đây là thời kỳ phát triển phức tạp nhất, và cũng là thời kỳ chuẩn bị quan trọng nhất cho những bước trưởng thành sau này. Thời kỳ thiếu niên quan trọng ở chỗ: trong thời kỳ này những cơ sở, phương hướng chung của sự hình thành quan điểm xã hội và đạo đức của nhân cách được hình thành, chúng sẽ được tiếp tục phát triển trong tuổi thanh niên.

HS DTTS trong các trường PTDTNT THCS vừa mang đầy đủ những đặc điểm tâm lý của HS bậc THCS nói chung vừa mang đậm tính dân tộc.

HS DTTS luôn có tính thẳng thắn, thật thà và tự trọng. Các em HS DTTS có gì không vừa ý thường tỏ thái độ ngay. Ngôn ngữ là công cụ giao tiếp quan trọng, có ảnh hưởng sâu sắc đến quá trình học tập của HS. Trước khi đến học tại các trường nội trú, các em thường giao tiếp bằng tiếng của dân tộc mình. Chính vì vậy, nhiều em còn nói chưa sôi tiếng phổ thông, nhiều em còn nói sai ngữ pháp, sai dấu... Trong quá trình giao tiếp với thầy cô, bạn bè nhiều em còn nói trống không, không biết thưa gửi hoặc không thể diễn đạt được một câu cho hoàn chỉnh. Đặc điểm thẳng thắn và thật thà cộng với khả năng diễn đạt bằng tiếng phổ thông còn hạn chế, có những lúc làm cho GV khó xử; nếu như GV thiếu am hiểu tường tận và thông cảm sâu sắc thì dễ kết luận đó là những hành vi “thiếu lễ độ”.

Các em HS DTTS thường có lòng tự trọng cao, nếu các em gặp phải những lời phê bình nặng nề, gay gắt hoặc khi kết quả học tập kém, quá thua kém bạn bè

một vấn đề nào đó trong sinh hoạt, bị dư luận bạn bè chê cười,... các em dễ xa lánh thầy cô giáo và bạn bè hoặc bỏ học. Nếu GV không hiểu rõ thì có thể cho rằng các em hay tự ái.

HS luôn có niềm tin sâu sắc vào GV và thực tiễn. Các em thường dễ dàng nghe theo những người mình đã tin cậy, đặc biệt là GV. Khi các em đã tin GV, các em thường quyết tâm thực hiện cho được những công việc GV giao, nhiều khi các em còn bắt chước tác phong, cử chỉ, ngôn ngữ,.. của GV.

Thực tiễn có tác dụng thuyết phục rất lớn đối với các em. Các em sống rất thực tế, những điển hình gần gũi đều có tác dụng thuyết phục rất lớn. Trong các hoạt động giáo dục, những vấn đề kiến thức có liên hệ thực tế đến bản thân HS thì sẽ sôi nổi và hiệu quả.

Ý thức cao từ bạn bè và dư luận tập thể. Bạn bè và dư luận tập thể có tác dụng chi phối việc học tập của HS. Nhìn chung những ý kiến tán đồng hoặc chê cười của bạn bè và tập thể đều có ảnh hưởng đến quá trình suy nghĩ và hành động của HS.

HS DTTS thường ít nói, e dè và dễ xấu hổ. HS DTTS đến trường với lòng ham học hỏi, niềm tin sâu sắc về tương lai phía trước. Đa số các em đều là con em các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, điều kiện kinh tế vô vùng thiếu thốn. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng giáo dục và việc duy trì số lượng HS trên lớp.

Truyền thống văn hoá lâu đời của bà con các DTTS vẫn được các em HS duy trì. Các em rất thích các hoạt động như: Lao động, TDTT, văn nghệ,... Nhiều HS có năng khiếu âm nhạc dân tộc như: Thổi khèn, thổi sáo, chơi đàn,...

HS DTTS hạn chế về nhu cầu vươn lên trong học tập. Chất lượng học tập của HS còn thấp.

### ***1.3.2. Mục đích, ý nghĩa của giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

VHUX trong nhà trường thể hiện diện mạo giáo dục, trình độ dân trí của một vùng miền và trong đó còn thể hiện chất lượng giáo dục và đào tạo. Văn hóa học đường là văn hóa ứng xử. Xét trên nhiều khía cạnh, văn hóa ứng xử tương đồng với

văn hóa giao tiếp, văn hóa hành vi (trong môi trường học đường). GDVHUX trong nhà trường nhằm:

Giúp HS có được nhận thức đúng đắn để có hành vi ứng xử giao tiếp có văn hóa trong học tập, sinh hoạt và trong các môi trường xã hội khác nhau. VHUX giúp mọi người gần gũi, thân thiện, hòa hợp với nhau, có sự đồng cảm, chia sẻ từ đó làm cho quan hệ giữa người với người trở nên tốt đẹp hơn, nâng cao ý thức cộng đồng.

GDVHUX làm cho văn hóa học đường trở nên tốt đẹp, xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, trong sáng, đầy tính nhân văn, có sức cảm hóa, sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội từ đó góp phần hình thành và phát triển nhân cách con người mới.

GDVHUX sẽ tạo ra môi trường học tập, rèn luyện có lợi nhất cho HS, giúp các em cảm thấy tự nhiên, thoải mái, vui vẻ, ham học trong môi trường văn hóa đích thực. Với HS, có được môi trường thể hiện đúng nghĩa VHUX trong nhà trường là có được niềm vui, niềm tin khi đến trường. HS khi được tôn trọng, thừa nhận sẽ thấy mình có giá trị, thấy rõ trách nhiệm và “công học tập”. Môi trường ứng xử có văn hóa sẽ giúp các em tích cực khám phá, trải nghiệm, tích cực tương tác và hợp tác hiệu quả với GV, nhóm bạn, nỗ lực đạt thành tích học tập, rèn luyện cao nhất.

Tạo ra môi trường thân thiện cho HS, giúp các em cảm thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu, hoàn cảnh khác nhau. Nếu VHUX trong nhà trường được thực hiện sẽ mở ra phong trào khuyến khích HS phát biểu và bày tỏ quan điểm cá nhân, tư duy sáng tạo được thúc đẩy. Thực hiện VHUX trong nhà trường chính là tiến hành xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết, học hỏi lẫn nhau giữa thầy và trò một cách đích thực.

### ***1.3.3. Nội dung giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

VHUX là một phạm trù rất rộng, có thể hiểu VHUX là thái độ và cách ứng xử của con người đối với môi trường, đối với xã hội và đối với chính mình. Văn hóa học đường là hành vi ứng xử của các chủ thể tham gia hoạt động giáo dục - đào tạo trong nhà trường, là lối sống văn minh trong trường học, thể hiện như:

Ứng xử của thầy/cô giáo với HS, thể hiện: Sự quan tâm đến HS, biết tôn trọng người học, biết phát hiện ra ưu điểm, nhược điểm của người học để có phương pháp giáo dục phù hợp, thầy/cô luôn gương mẫu trước HS, ...

Ứng xử của HS với thầy/cô giáo, các cô/chú NV nhà trường, thể hiện: Sự kính trọng, lòng biết ơn, yêu quý của người học với thầy/cô giáo, các cô/chú NV nhà trường, hiểu được những chỉ bảo, giáo dục của thầy cô và thực hiện điều đó một cách tự giác, có trách nhiệm, ...

Ứng xử giữa lãnh đạo với GV, NV, thể hiện: người lãnh đạo phải có năng lực tổ chức các hoạt động giáo dục. Người lãnh đạo có lòng vị tha, độ lượng, tôn trọng GV, NV, xây dựng được bầu không khí lành mạnh trong tập thể nhà trường, ...

Ứng xử giữa các đồng nghiệp, thể hiện: Sự tôn trọng những quy tắc sống trong tập thể, thân thiện, giúp đỡ, chia sẻ cùng nhau những khó khăn, đồng viên chúc mừng nhau khi thành công trong công việc. Quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của từng thành viên trong tập thể. Mỗi người làm việc hết lòng vì HS, vì tập thể. Ngược lại, cả tập thể chăm lo đời sống cho từng cá nhân, từng gia đình để mang lại niềm vui, hạnh phúc cho mọi người trong đơn vị. Trong tập thể có sự học tập lẫn nhau về tác phong quản lý, tác phong lao động, về các hành động tốt đẹp, ...

Ứng xử giữa HS với HS, thể hiện:

- Có cử chỉ nhã nhặn, lịch sự khi giao tiếp với bạn bè, biết “cảm ơn”, “xin lỗi” kịp thời, đúng lúc, đúng nơi. Giữ đúng lời hứa, giờ hẹn với mọi người.

- Chú ý đến những người xung quanh, quan tâm chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với người thân, bạn bè trong và ngoài lớp. Sẵn sàng giúp đỡ mọi người trong học tập và trong cuộc sống. Luôn khiêm tốn, thật thà.

- Có thái độ bất bình trước những hành vi thiếu văn hóa. Góp ý phê bình một cách tế nhị, khéo léo, tránh gây ức chế, xúc phạm người được góp ý phê bình. Tôn trọng sở thích, cá tính của người khác nếu cá tính của họ không ảnh hưởng xấu đến những người xung quanh.

- Tôn trọng danh dự, nhân cách, lợi ích của mọi người.

- Có lòng tự trọng, tự nhận trách nhiệm trong công việc và cuộc sống. Có lòng nhân hậu, thái độ lạc quan, yêu đời.

Ứng xử của HS đối với việc chấp hành Nội quy của nhà trường, thể hiện: Nghiêm chỉnh chấp hành tốt Nội quy của nhà trường, các quy định của lớp học, Ký túc xá, Nhà ăn,... Tích cực tham gia các hoạt động của Đoàn - Đội phát động.



Tất cả các ứng xử trong nhà trường là nhằm xây dựng một môi trường sống văn minh, lịch sự trong nhà trường.

Trong phạm vi đề tài này, tác giả chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu VHUX của HS trong mối quan hệ giữa HS với thầy/cô giáo, giữa HS với HS và cách ứng xử trong việc thực hiện các Nội quy, Quy định của nhà trường. Với phạm vi như vậy, theo tác giả GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS bao gồm những nội dung sau:

#### *1.3.3.1. Giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trong mối quan hệ với thầy/cô giáo*

Người Việt Nam có truyền thống “Tôn sư trọng đạo” - đây là một nét đẹp trong VHUX của dân tộc. Cha mẹ có công sinh thành, còn thầy cô có công dạy bảo chúng ta nên người, công lao đó sẽ càng ngời sáng khi chúng ta có lớp lớp thế hệ HS có hiểu biết và kỹ năng thực hành VHUX trong và ngoài nhà trường. Nền giáo dục nước nhà hưng thịnh hay không, câu trả lời không chỉ ở thành tích, điểm số học tập, bằng cấp, học hàm học vị mà còn ở chính thái độ, phong cách, bản lĩnh văn hóa trong ứng xử hàng ngày.

HS của trường PTDTNT THCS là người DTTS, bản thân và gia đình chủ yếu sinh sống ở vùng rừng núi, vùng sâu, vùng xa, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, khí hậu khắc nghiệt, giao thông đi lại khó khăn, ít tiếp xúc với xã hội bên ngoài, nhất là điều kiện để tiếp cận với xã hội hiện đại bị hạn chế nên trình độ dân trí thấp. Cuộc sống của người DTTS sống gắn bó với thiên nhiên, phụ thuộc vào thiên nhiên, lao động thủ công là chủ yếu. Các hoạt động kinh tế vẫn là tự cung tự cấp ít có hoạt động sản xuất hàng hóa nên thu nhập không cao, chất lượng cuộc sống thấp. Bên cạnh đó, vốn ngôn ngữ phổ thông ở HS người dân tộc thiểu số cũng bị hạn chế. Tốc độ nói chậm, phát âm không chuẩn, nói ngọng, nói mất dấu, sai ngữ pháp, diễn đạt rời rạc,... Đây có thể coi là khó khăn lớn nhất làm hạn chế khả năng giao tiếp của các em HS người DTTS. Trong giao tiếp với thầy/cô giáo các em thường khép kín, ít bộc lộ. Vì vậy, trong hoạt động học tập và các hoạt động sinh hoạt khác các em thường bình thản, ít tham gia nên GV khó nắm bắt được tâm lý của HS. Tuy nhiên, HS DTTS luôn có niềm tin sâu sắc vào GV, các em thường quyết tâm thực hiện cho được những công việc GV giao, nhiều khi các em còn bắt chước tác phong, cử chỉ, ngôn ngữ,... của GV mà mình tin tưởng.

GĐVHƯX cho HS trong mối quan hệ với thầy cô là giúp các em hiểu, nhận thức được đúng vị trí, vai trò, công lao của thầy cô đối với quá trình hình thành và phát triển nhân cách của mỗi HS. Thấy được sự hy sinh, cống hiến của người GV đối với sự nghiệp giáo dục của nước nhà. Trong giao tiếp với thầy cô luôn thể hiện đúng giá trị tôn sư trọng đạo, nói năng lễ phép, khiêm tốn, trung thực. Trong học tập có tinh thần ham học hỏi, cầu tiến, biết tiếp thu, lắng nghe sự dạy bảo của thầy cô.

#### *1.3.3.2. Giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trong mối quan hệ với bạn bè*

Mối quan hệ với bạn bè của HS trong trường PTĐTNT THCS có vai trò vô cùng quan trọng. 100% các em HS ở nội trú, cùng học tập, sinh hoạt trong một mái trường. Mỗi em HS đến trường mang theo nét đặc trưng của dân tộc, địa phương mình sinh sống. Khi mới nhập trường, các em HS thường e dè, nhút nhát, sống khép kín, ít giao tiếp và bộc lộ bản thân,... Do đặc trưng là trường PTĐTNT, trường học là ngôi nhà thứ hai của các em, ngoài giờ học trên lớp, các em cùng ăn, ở và tham gia các hoạt động tập thể tại trường. Khi đã hòa nhập với cuộc sống tập thể, các em HS trong trường rất biết quan tâm, chia sẻ cùng nhau cố gắng, vươn lên trong học tập và rèn luyện.

VHƯX của HS trong mối quan hệ với bạn bè, thể hiện trong giao tiếp, cư xử với bạn, trong việc cùng tiến hành hoạt động tập thể, tổ chức đời sống nội trú, ...

Cần giáo dục cho HS có kỹ năng giao tiếp, thể hiện là người có văn hoá ngay trong cách xưng hô với bạn. Trong giao tiếp với bạn luôn cần tạo dựng là hình ảnh đẹp trong mắt của bạn, muốn vậy phải biết quan tâm, chia sẻ, biết lắng nghe, tôn trọng bạn, có thái độ ứng xử hài hoà, thân thiện, nói năng nhẹ nhàng, không nặng lời, không nói tục, chửi bậy, không làm việc xấu hại bạn...

Trong khi tiến hành hoạt động chung với bạn, cần phải biết cách hoà đồng, không ích kỷ, vụ lợi vì bản thân mình, phải biết sẵn sàng chia sẻ với bạn, giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn,... Thấy bạn có lỗi tế nhị nói cho bạn hiểu về lỗi lầm của bạn, để bạn khắc phục, sửa chữa.

Ngoài những cách ứng xử truyền thống, chúng ta cần xác lập và giáo dục cho HS cách ứng xử mới, phù hợp với hoàn cảnh mới, có văn hoá, phải đảm bảo tính giá trị của văn hoá, góp phần làm cho quan hệ giữa những người giao tiếp được tốt hơn.

### *1.3.3.3. Giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trong việc chấp hành nội quy, quy định của nhà trường*

Trong mỗi nhà trường, bên cạnh những quy định chung mang tính bắt buộc, thì ở mỗi trường khác nhau, tùy theo tính chất, đặc điểm và điều kiện cụ thể sẽ có những nội quy, quy định khác nhau đối với HS như: Quy định về việc thực hiện nề nếp học tập, thi cử; Quy định khi tham gia các hoạt động của nhà trường; Quy định về trang phục khi đến trường, Quy định về việc khai thác sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường, giữ gìn, bảo vệ cảnh quan của nhà trường,...

Đối với trường PTDTNT THCS Đại Từ, ngoài những quy định giống với các trường THCS khác, nhà trường còn có những quy định mang tính đặc thù như: Quy định về việc thực hiện nề nếp tự học; Quy định về gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; Quy định trong giao tiếp, ứng xử với thầy cô, bạn bè; Nội quy HS ở ký túc xá; Nội quy nhà ăn;...

Tất cả những nội quy, quy định của nhà trường đối với HS đều nhằm mục đích giáo dục cho HS có ý thức tổ chức, kỷ luật tốt, có tính tích cực, có lối sống trong sáng lành mạnh,...

Vì vậy, đối với mỗi HS, việc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường cũng chính là thể hiện cách ứng xử có văn hoá, là cách rèn luyện cho mình những phẩm chất tốt của một người công dân, người lao động chân chính.

### ***1.3.4. Các con đường giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

#### *1.3.4.1. Thông qua hoạt động dạy học*

Quá trình dạy học là quá trình sư phạm được tổ chức có mục đích, kế hoạch trong đó dưới vai trò chủ đạo của GV, HS tự giác, tích cực, chủ động tiến hành hoạt động nhận thức nhằm lĩnh hội hệ thống tri thức, kỹ năng kỹ xảo phát triển năng lực hoạt động trí tuệ, góp phần hình thành phát triển nhân cách. GDVHUX cho HS thông qua hoạt động dạy học là lồng ghép, tích hợp nội dung GDVHUX vào môn học đặc biệt là một số môn học có ưu thế như Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân,... để giảng giải cho các em hiểu và nắm bắt những giá trị đạo đức, cách sống và lối sống lành mạnh, biết kính trên nhường dưới,... giúp HS biết tự giác điều chỉnh hành

vi, biến kiến thức đã trang bị thành hành vi cụ thể, để thể hiện với mọi người xung quanh, cái tốt thì học, cái xấu phải biết tránh xa, loại bỏ. Dạy cho các em cách giao tiếp có văn hoá, cách cư xử với mọi người trong cuộc sống hàng ngày, ý thức chấp hành nội quy, quy chế, chấp hành pháp luật,... Thực tế cho thấy việc bỏ quên các giá trị lịch sử ở giới trẻ sẽ khiến các em đánh mất các chuẩn giá trị của văn hóa dân tộc từ đó có thể đưa các em đến chỗ có những hành vi sai lệch, đi ngược lại chuẩn mực, giá trị, đạo đức xã hội.

#### *1.3.4.2. Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*

Mọi hoạt động giáo dục được tổ chức trong nhà trường phổ thông đều nhằm thực hiện mục tiêu hình thành và phát triển nhân cách toàn diện cho HS, giúp HS lĩnh hội hệ thống tri thức khoa học, rèn luyện các kỹ năng, kỹ xảo cần thiết, phát triển tư duy sáng tạo và nhân cách.

HĐGDNGLL có một vị trí rất quan trọng trong hoạt động giáo dục:

Là một bộ phận hữu cơ của hệ thống hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Nếu tổ chức có hiệu quả, HĐGDNGLL sẽ giúp gắn liền nhà trường với đời sống xã hội, góp phần phát huy vai trò của các lực lượng giáo dục trong nhiệm vụ giáo dục.

Quá trình giáo dục không những được thực hiện qua các hoạt động giáo dục trên lớp mà còn qua các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Thực tế, HS phổ thông ngày nay có những bước phát triển nhảy vọt về thể chất và tinh thần. Các em mạnh dạn hơn, suy nghĩ táo bạo hơn, có nhu cầu mới hơn, đặc biệt là nhu cầu về hoạt động. Mặc dù hoạt động học tập là hoạt động chủ đạo, song nội dung và tính chất học tập ở lứa tuổi này khác nhiều so với trước đó. Nó đòi hỏi ở các em tính năng động, độc lập và tư duy logic cao hơn. Những yêu cầu đó vừa phải thực hiện trong hoạt động học tập, vừa phải được cụ thể hóa trong các hoạt động tập thể. Việc tổ chức HĐGDNGLL với những hình thức đa dạng do HS quản lý và điều khiển có vị trí rất quan trọng ở lứa tuổi này. Đây là hoạt động không thể thiếu, có tác dụng thiết thực đối với việc hình thành và phát triển nhân cách của các em.

HĐGDNGLL là một bộ phận của quá trình giáo dục trong nhà trường phổ thông, nó giữ vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục toàn diện nhân cách HS theo mục tiêu giáo dục đề ra.

HĐGDNGLL là sự tiếp nối hoạt động dạy học trên lớp, với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng, diễn ra trên bình diện rộng. HĐGDNGLL tạo môi trường gắn lí luận với thực tiễn. Trong HĐGDNGLL HS có điều kiện sử dụng kiến thức, kinh nghiệm tri thức đã học, khắc sâu kiến thức, mở rộng vốn hiểu biết, hình thành kỹ năng, kỹ xảo, kích thích sự phát triển tư duy.

HĐGDNGLL là môi trường rèn luyện phẩm chất, nhân cách, tài năng, thiên hướng cá nhân, hình thành các mối quan hệ giữa con người với đời sống xã hội, với thiên nhiên và môi trường sống. Các hoạt động thực tiễn về khoa học kĩ thuật, lao động công ích, hoạt động xã hội, hoạt động nhân đạo, văn hóa, văn nghệ, vui chơi giải trí... cùng tập thể có tác động mạnh mẽ, sâu sắc tới đời sống tình cảm của các em. Có thể nói HĐGDNGLL là môi trường tốt cho việc phát triển toàn diện nhân cách cho HS, là điều kiện tốt nhất để các em phát huy vai trò chủ thể, chủ động, sáng tạo trong quá trình rèn luyện và học tập, góp phần hình thành tình cảm và niềm tin đúng đắn ở các em.

HĐGDNGLL tạo điều kiện để HS hòa nhập vào cuộc sống xã hội. Khi tham gia các HĐGDNGLL, các em được hòa mình vào sự vận động chung của đời sống xã hội phong phú phức tạp và sôi động. Chính HĐGDNGLL đã bước đầu đặt HS trước những vấn đề của thời đại, của xã hội, của đất nước cũng như những thách thức thực tiễn mà các em sẽ phải tiếp cận và đối mặt,... Từ thực tế đó các em hiểu được sâu sắc hơn sự cần thiết phải chuẩn bị cho mình hành trang để đảm đương trách nhiệm làm chủ bản thân, chủ nhân tương lai của đất nước, của xã hội đang ngày càng phát triển.

#### *1.3.4.3. Thông qua sinh hoạt tập thể*

Có nhiều con đường để giáo dục HS về văn hóa ứng xử, thông qua sinh hoạt tập thể sẽ thu hút được đông đảo HS tham gia. Trong trường PTDTNT THCS con đường giáo dục này có nhiều ưu thế. Trên thực tế, định kỳ trong một tuần các em có một tiết sinh hoạt lớp vào ngày thứ bảy, một buổi sinh hoạt nội trú vào tối thứ sáu và các buổi sinh hoạt tập thể khác theo chủ đề. Thông qua sinh hoạt tập thể được thực hiện theo từng chủ đề, nội dung nhằm trang bị cho các em phát triển toàn diện về mọi mặt. Các buổi sinh hoạt tập thể là cơ hội các em chia sẻ, tâm sự với thầy cô và các bạn. Có nhiều hình thức sinh hoạt tập thể có thể thông qua các trò chơi, các buổi

ngoại khóa... mục đích tạo ra sự thân thiện, gần gũi, đoàn kết, học hỏi và giúp đỡ lẫn nhau. Sinh hoạt tập thể diễn ra theo lớp, theo khối dưới sự hướng dẫn của thầy/cô, các cô/chú quản sinh, cấp dưỡng hoặc cán bộ lớp. Qua các buổi sinh hoạt tập thể HS sẽ đúc rút cho bản thân nhiều kinh nghiệm, vốn kiến thức trong cuộc sống, cách ứng xử với thầy/cô, với các cô/chú NV trong trường, với bạn bè, trong hoạt động học tập hay trong việc chấp hành các nội quy, quy chế của nhà trường.

#### *1.3.4.4. Thông qua tự rèn luyện, tu dưỡng của bản thân học sinh*

HS DTTS ngay từ khi còn bé các em đã được tiếp xúc nhiều với thiên nhiên nên đối tượng tri giác của các em là các sự vật, hiện tượng gắn liền với tự nhiên, thiên nhiên. Chẳng hạn tri giác về không gian hay thời gian các em thường gắn với những quy ước mang tính cộng đồng như khoảng, buổi, thay vì các đơn vị đo như tháng, ngày, giờ,...

Hơn nữa, do sống trong điều kiện tự cấp, tự túc, năng xuất lao động phụ thuộc vào thiên nhiên, ít va chạm và thỏa mãn với những gì đã có nên trong tư duy của các em thể hiện những đặc trưng về tư duy hình ảnh trực quan sinh động hơn là khả năng tư duy ngôn ngữ. Các em thiếu thói quen suy nghĩ theo chiều sâu. Biểu hiện trong học tập là không phát hiện những mâu thuẫn cần giải quyết, suy nghĩ thiếu sâu sắc, nhiều em không hiểu bài nhưng cũng không biết mình không hiểu ở chỗ nào, gặp khó khăn trong cuộc sống không biết tháo gỡ từ đâu, có thói quen suy nghĩ một chiều và dễ dàng thừa nhận những gì người khác nói. Óc phê phán còn hạn chế biểu hiện là trong quá trình học tập và hoạt động thường làm qua loa, không suy nghĩ thấu đáo đã bắt tay vào làm nên dễ dàng nhầm lẫn hoặc sai sót.

Cuộc sống của HS DTTS ở các trường nội trú còn nhiều khó khăn, các em phải sống xa gia đình trong khi chưa chuẩn bị đủ cho cuộc sống tự lập. Điều này cũng dẫn đến tâm lý tự ti, mặc cảm, sống thu mình, khép kín,...

Tự rèn luyện, tu dưỡng của bản thân HS trong trường PTDTNT là rất cần thiết. Các em HS lớp 6 nhập trường ở tuổi 12. Ở lứa tuổi này, bạn bè cùng trang lứa vẫn trong vòng tay chăm sóc của cha/mẹ, người thân thì các em HS DTTS học ở trường PTDTNT phải dần làm quen với cuộc sống nội trú, làm quen với cuộc sống tự lập, tự chăm sóc bản thân,... dưới sự hướng dẫn của các thầy/cô giáo, các cô/chú NV trong

trường. Để các em thích nghi với cuộc sống mới mỗi CBGV, NV trong trường PTDTNT phải thực sự tâm huyết với nghề, coi các em HS như những người con, người em của bản thân, tận tình dạy dỗ, chỉ bảo các em từ những việc làm nhỏ nhất như: Biết tự chăm sóc bản thân, vệ sinh cá nhân, sắp xếp phòng ở, phân bố thời gian tự học tập, lao động, vui chơi, ...

Tự học tập, tự du dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của HS là con đường để giáo dục HS về văn hóa ứng xử. HS là lớp người trẻ, khoẻ, có nhiệt tình, nhạy cảm với cái mới, cái tiến bộ. Phát huy tinh thần của HS trong tự học tập, tự tu dưỡng đạo đức lối sống là biện pháp quan trọng giúp các em nhanh chóng tiến bộ, trưởng thành. Đó còn là điều kiện quyết định kết quả rèn luyện của mỗi cá nhân. Trước hết phải hình thành cho HS nhu cầu, động cơ phấn đấu, rèn luyện đúng đắn, làm cho mỗi người có ý thức làm chủ, ham học hỏi, cầu tiến bộ, vươn lên tự khẳng định mình. Cần tạo mọi điều kiện thuận lợi để HS phấn đấu, rèn luyện; đồng thời phải thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả, định hướng phấn đấu cho HS. Quan tâm đáp ứng những nhu cầu chính đáng của HS về vật chất, tinh thần; giao nhiệm vụ phù hợp với sở trường, năng khiếu đặc điểm tâm, sinh lý của họ sẽ tạo điều kiện tốt để thanh niên rèn luyện đạo đức, lối sống và văn hóa ứng xử.

Mỗi HS người DTTS ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường phải xác định rõ trách nhiệm bản thân trước quê hương, thôn/xóm và nhân dân. Các em HS đến trường nhập học đều qua xét tuyển và địa phương cử tuyển đến trường để học tập và rèn luyện. Bằng những kiến thức, kinh nghiệm học tập được các em vận dụng vào cuộc sống để góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, quê hương. Bản thân mỗi HS phải sống có lý tưởng, có hoài bão, khát khao vươn tới cái mới, cái tiến bộ, tự giác rèn luyện, biết tự kiểm chế, biết vượt qua những cám dỗ và tiêu cực xã hội, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ, thực dụng,... HS cần phải tự tin vào chính mình, giữ vững niềm tin trong cuộc sống, vào các giá trị chân, thiện, mỹ; vượt qua mọi khó khăn, gian khổ,... hình thành và phát triển toàn diện nhân cách.

#### **1.4. Một số vấn đề lý luận về quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở**

Quản lý hoạt động GDVHUX cho HS chính là việc thực hiện các chức năng của nhà quản lý đối với các hoạt động giáo dục, cụ thể là:

##### ***1.4.1. Lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

Kế hoạch quản lý hoạt động GDVHUX cho HS là cơ sở để GV thực hiện các nhiệm vụ trong hoạt động GDVHUX. Do đó người Hiệu trưởng cần quan tâm xây dựng và triển khai có hiệu quả trong việc xây dựng kế hoạch này. Mặt khác GDVHUX không phải là một môn học chính khoá, không có chương trình khung mà chỉ là một vấn đề quan trọng của giáo dục trong nhà trường. Bên cạnh những nội dung cơ bản giống nhau thì GDVHUX lại có những nét riêng tùy theo đặc điểm của nhà trường, đặc điểm của vùng miền của nhà trường. Do đó kế hoạch quản lý hoạt động GDVHUX cho HS của nhà trường chính là khung chương trình cơ bản để GV và các tổ chuyên môn triển khai, thực hiện các nhiệm vụ của mình. Khi đó kế hoạch có tính bắt buộc phải thực hiện, là cơ sở thực hiện nhiệm vụ giáo dục và đánh giá hiệu quả hoạt động của nhà trường và các thành viên trong nhà trường về GDVHUX.

Nội dung cơ bản trong kế hoạch của hiệu trưởng gồm:

- Xác định mục tiêu giáo dục, nội dung GDVHUX cho HS.
- Lựa chọn các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, các biện pháp GDVHUX cho HS.
- Xây dựng chương trình hoạt động, dự kiến các điều kiện cần thiết để thực hiện chương trình.

Khi lập kế hoạch phải chú ý:

- Đảm bảo tính thống nhất giữa mục tiêu GDVHUX với mục tiêu GD trong nhà trường.
- Cần phối hợp hữu cơ, chặt chẽ với kế hoạch dạy học trên lớp.

Lựa chọn nội dung hình thức hoạt động đa dạng, thiết thực, phù hợp với hoạt động, đặc điểm tâm sinh lý HS DTTS để có hiệu quả GD cao.



Trên cơ sở đó, người Hiệu trưởng cùng các bộ phận giúp việc phải xây dựng các loại kế hoạch sau:

Kế hoạch tổng thể về GDVHUX cho HS.

Kế hoạch hoạt động theo chủ điểm.

Kế hoạch GDVHUX thông qua dạy học các môn học.

Các kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động XH, hoạt động tập thể.

Xây dựng kế hoạch tài chính, CSVC, phương tiện để phục vụ các công tác GDVHUX.

Các kế hoạch đảm bảo tính vừa phải, vừa có tính bao quát vừa cụ thể đối với sự hoạt động của nhà trường và đảm bảo tính khả thi.

#### ***1.4.2. Tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

Là quá trình Hiệu trưởng tiếp nhận và sắp xếp nguồn lực theo những cách thức nhất định nhằm hiện thực hóa các mục tiêu đã đề ra theo kế hoạch, cụ thể:

Xây dựng bộ máy quản lý GDVHUX cho HS: Sau chỉ đạo các bộ phận lập các kế hoạch hoạt động, Hiệu trưởng tổ chức sắp xếp xây dựng bộ máy quản lý hoạt động GDVHUX để thực hiện kế hoạch đã đề ra:

Nhà trường phải thành lập Ban chỉ đạo về GDVHUX và phân công nhiệm vụ cụ thể, đúng việc.

\* Thành phần của Ban gồm:

Hiệu trưởng - Trưởng ban.

Phó Hiệu trưởng hoặc Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh: Phó ban thường trực.

GV chủ nhiệm - Ủy viên.

Đại diện Ban quản lý nội trú - Ủy viên.

Thường trực Ban đại diện cha mẹ HS - Ủy viên.

Mời thêm sự cộng tác của đại diện của: Đoàn cấp trên, hội Chữ thập đỏ, công an đóng trên địa bàn, đại diện của chính quyền... tùy từng đợt hoạt động theo chủ điểm.

Trên cơ sở các kế hoạch và bộ máy quản lý đã có, người quản lý thực hiện các công việc cụ thể chỉ ra những nhiệm vụ, chức năng của từng thành viên, thiết lập các

mối quan hệ trong mọi hoạt động, đồng thời ra các quyết định giao việc cho các bộ phận và cá nhân thực hiện các nội dung cụ thể.

Ban chỉ đạo GDVHUX cho HS thực hiện các nhiệm vụ sau:

Giúp Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch quản lý các hoạt động;

Tổ chức các hoạt động theo các kế hoạch đã định, phối hợp các lực lượng giáo dục khác trong việc GDVHUX HS;

Giúp chủ nhiệm lớp, chi đoàn, Liên đội tiến hành các hoạt động ở đơn vị mình có hiệu quả;

Xây dựng củng cố đội ngũ GVCN thành lực lượng GD nòng cốt;

Khai thác các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia công tác GDVHUX HS;

Giúp Hiệu trưởng kiểm tra đánh giá các hoạt động.

#### ***1.4.3. Chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

Trên cơ sở văn bản kế hoạch và công tác tổ chức đã có Hiệu trưởng thực hiện việc hướng dẫn công việc, theo dõi giám sát động viên và uốn nắn kịp thời các hoạt động của mỗi bộ phận và từng cá nhân thực hiện bản kế hoạch đã đề ra, cụ thể cần chỉ đạo:

Chỉ đạo và yêu cầu các bộ phận và cá nhân thực hiện đầy đủ các nội dung GDVHUX cho HS.

Chỉ đạo việc GDVHUX thông qua dạy học các môn học.

Chỉ đạo GDVHUX thông qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động XH, đây là việc rất quan trọng đối với HS, giúp các em hăng hái tham gia hoạt động tập thể hơn, tránh xa những tệ nạn xã hội.

Chỉ đạo tốt sự phối hợp giữa GVCN với cha mẹ HS, thực hiện tốt sự kết hợp nhà trường, gia đình, xã hội.

Chỉ đạo các bộ phận sử dụng linh hoạt các phương pháp GDVHUX.

Chỉ đạo và yêu cầu các bộ phận và cá nhân vận dụng các hình thức GDVHUX và sử dụng triệt để các cơ sở vật chất, các phương tiện nhằm thu được kết quả cao nhất.

Trong việc chỉ đạo các hoạt động GDVHUX thì chủ thể quản lý - Hiệu trưởng phải vận dụng linh hoạt các phương pháp quản lý như: Phương pháp tổ chức hành

chính; các phương pháp kinh tế; các phương pháp tâm lý - xã hội để tác động vào các lực lượng tham gia GDVHUX nhằm đạt mục tiêu đề ra.

Ngoài ra việc chỉ đạo hoạt động giáo GDVHUX cũng yêu cầu các bộ phận, cá nhân phải thực hiện đúng các nguyên tắc của GDVHUX. Đó là các nguyên tắc: Phải bảo đảm tính mục đích, tính thống nhất trong toàn bộ hoạt động GD; Phải thông qua hoạt động thực tiễn; Phải phù hợp với lứa tuổi giới tính và đặc điểm riêng của HS; Phải phát huy tính tích cực, khắc phục thiếu sót; GD trong tập thể và bằng tập thể; GD gắn với thực tiễn của địa phương; Tôn trọng nhân cách và yêu cầu hợp lý đối với HS.

#### ***1.4.4. Kiểm tra đánh giá kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở***

Hiệu trưởng xây dựng các tiêu chuẩn hay những chỉ tiêu thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ. Kiểm tra việc thực hiện chương trình giảng dạy, việc thực hiện quy chế chuyên môn,... trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua tổ trưởng chuyên môn.

Kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục có thể từ khâu kiểm tra trực tiếp hoạt động của GV hoặc từ kết quả trong nhận thức, trong thái độ hành vi của HS. Kiểm tra được coi như một nguyên tắc của mối liên hệ ngược. Nguồn thông tin này giúp cho Hiệu trưởng có cơ sở điều chỉnh kế hoạch, biện pháp chỉ đạo, bổ sung kế hoạch.

Hiệu trưởng phải có kế hoạch cụ thể quản lý việc kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giáo dục văn hóa học đường. Hiệu trưởng phải quản lý việc kiểm tra của GV đối với HS và kết quả giảng dạy của GV, tránh kiểm tra qua loa, hình thức, không đưa ra hệ thống tiêu chuẩn để trên cơ sở ấy đánh giá. Hiệu trưởng cần phân công bộ máy quản lý tổng hợp việc kiểm tra đánh giá kết quả theo định kỳ và chính Hiệu trưởng nhà trường cần phải có kế hoạch định kỳ kiểm tra, đánh giá hệ thống của mình đối chiếu với kế hoạch đã vạch ra.

Có quan điểm cho rằng: Quản lý mà không kiểm tra, đánh giá thì coi như chưa quản lý. Thông qua thao tác này để nhà quản lý biết các công việc có thực hiện theo Nghị quyết và Kế hoạch hay không, đối với công tác quản lý GDVHUX tập trung vào các công việc như sau:

Kiểm tra công tác tổ chức, triển khai nhiệm vụ của Ban chỉ đạo GDVHUX cho HS.

Kiểm tra các hoạt động cụ thể theo kế hoạch.

Kiểm tra xem xét việc đánh giá xếp loại hạnh kiểm của HS theo tháng, kì, năm học và so với năm học trước.

Kiểm tra dư luận HS, GV, CMHS, nhân dân địa phương, sự đánh giá của các cấp chính quyền, các cấp quản lý.

Kiểm tra chính việc kiểm tra của nhà quản lý công tác GDVHUX cho HS.

Trong công tác kiểm tra phải có nhận xét, đánh giá một cách đầy đủ, khách quan về những ưu điểm, những mặt còn hạn chế của các tổ chức, các cá nhân trong hoạt động GDVHUX cho HS. Từ đó kịp thời uốn nắn những sai sót, động viên những thành tích và rút ra những bài học để điều chỉnh các hoạt động, đưa ra những biện pháp phù hợp nhằm thực hiện tốt mục tiêu đã đề ra.

### **1.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở**

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục của Hiệu trưởng.

#### **1.5.1. Yếu tố chủ quan**

##### *1.5.1.1. Năng lực quản lý của Hiệu trưởng*

Hiệu trưởng là người lãnh đạo và dẫn dắt nhà trường thực hiện sứ mạng của mình, khác với người quản lý là người thực thi các quyết định của lãnh đạo nhà trường và đưa những quyết định đó thành kết quả thực tế. Vì thế, Hiệu trưởng phải là người có tầm nhìn xa, bởi đó là một trong những điều kiện tiên quyết để nhà trường có thể đi đúng hướng và đi xa. Một năng lực quan trọng của Hiệu trưởng phải là khả năng đánh giá đúng người khác, và khả năng thu phục nhân tâm, vì nhiệm vụ trọng yếu bậc nhất của Hiệu trưởng là đặt đúng người vào đúng chỗ. Để có thể thu phục nhân tâm, Hiệu trưởng phải là người chính trực, chân thật, và có khả năng truyền cảm hứng. Chính trực và chân thật được hiểu là nhất quán giữa suy nghĩ, lời nói và hành động. Họ phải có một nhân cách ổn định, có niềm tin vững chắc vào những giá trị đạo đức cốt lõi, nói năng cẩn trọng. Những phẩm chất này giúp Hiệu trưởng tạo ra sự đồng thuận và tinh thần cùng chia sẻ mục tiêu chung của nhà trường. Hiệu trưởng là người phải ra quyết định trong nhiều vấn đề trọng yếu của nhà trường, vì thế người ta chờ đợi Hiệu trưởng là người kiên định trong mục tiêu, đồng thời mềm dẻo trong giải

pháp. Đặc biệt, Hiệu trưởng phải cân nhắc mọi quyết định trên cơ sở lợi ích của nhà trường chứ không phải lợi ích của nhóm nhỏ và càng không phải là dựa trên được mất của cá nhân mình.

Hiệu trưởng sử dụng những cách thức dưới đây để dẫn dắt, lãnh đạo phát triển VHUX trong nhà trường:

Xây dựng bầu không khí dân chủ: Cởi mở, hợp tác, cùng chia sẻ hỗ trợ lẫn nhau; mọi người đều được tôn trọng, luôn được coi trọng và có cơ hội thể hiện, phát triển khả năng của mình;

Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, khen thưởng hợp lý thúc đẩy mọi người nỗ lực làm việc;

Mỗi CBQL, GV, NV trong trường đều có bản mô tả công việc, rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ;

Hiệu trưởng tăng cường dự giờ, trao đổi chuyên môn với GV đứng lớp về cách dạy và học;

Làm cho HS biết là các em được yêu thương, được quan tâm chăm sóc;

Cố gắng bảo đảm cho HS có một tương lai xứng đáng với sự đầu tư của cha/mẹ các em;

Hiệu trưởng chia sẻ quyền lực, mạnh dạn trao quyền cho GV trong đó đề cao vai trò lãnh đạo hoạt động dạy học của GV;

Cho mọi người thấy là bạn đang làm việc với cương vị là một Hiệu trưởng, đầy nhiệt tâm, luôn trách nhiệm và đầy tình yêu thương học trò;

Hiệu trưởng nên có mặt thường xuyên trong trường và lớp học; tham gia dự càng nhiều những sinh hoạt của HS thì càng tốt;

Hiệu trưởng thường xuyên trau dồi kỹ năng giao tiếp; lắng nghe tất cả mọi người;

Khuyến khích HS tham gia HS vào các hoạt động giáo dục của trường và làm cho HS hiểu rõ vai trò của họ;

Hiệu trưởng luôn suy nghĩ để học hỏi, để đổi mới và nâng cao uy tín của mình trong trường.

Tóm lại, người Hiệu trưởng phải là người có tâm và có tầm thì mới lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các hoạt động giáo dục trong đó có hoạt động GDVHUX đạt kết quả cao được.

### *1.5.1.2. Năng lực tổ chức hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh của đội ngũ giáo viên, nhân viên*

Hai nhiệm vụ chính, tồn tại song song trong hoạt động của trường PTDTNT đó là “Nuôi và Dạy”. Bên cạnh việc truyền đạt kiến thức cho HS, chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ cho các em mỗi GV, NV trường PTDTNT còn có một trọng trách cao cả là “Dạy các em làm người”. Chính vì vậy, đòi hỏi mỗi GV, NV phải thực sự có lòng yêu nghề và yêu người cùng với việc áp dụng các nội dung, biện pháp, hình thức tổ chức thích hợp để có thể giáo dục các em HS có tri thức, văn hóa, nhân cách và đạo đức tốt.

GV, NV cần gần gũi, thấu hiểu quan tâm đến từng HS. Quan tâm đến các em bằng tấm lòng nhân ái, bao dung như người cha, người mẹ. Cần nắm bắt thông tin cá nhân HS từ đầu năm học, thấu hiểu hoàn cảnh của từng HS trong lớp về những thuận lợi, khó khăn, chú ý quan tâm đến HS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Do 100% các em HS ở nội trú, ăn, ở, sinh hoạt và học tập tại trường, mặt khác các em là người DTTS thường e dè, nhút nhát nên mỗi GV, NV cần gần gũi, tiếp xúc trò chuyện với các em nhiều hơn, tạo sự thân thiện, tin tưởng để các em bộc lộ tình cảm, giúp kịp thời phát hiện, uốn nắn và ngăn chặn các sai lầm ở các em, phải luôn có ý thức rèn luyện nhân cách để trở thành một tấm gương sáng cho HS noi theo.

Một điều quan trọng nữa đó là mỗi GV, NV cần phải phối hợp chặt chẽ với BGH, GV bộ môn, với phụ huynh HS, và các tổ chức đoàn thể trong và ngoài nhà trường. Bởi giáo dục HS là trách nhiệm của nhà trường, gia đình và toàn xã hội. Mỗi GV, NV cần tạo mối quan hệ mật thiết với cha mẹ HS, kịp thời liên lạc với phụ huynh HS khi các em đến trường nhập học không đúng giờ mà không có lý do hoặc có những biểu hiện tiêu cực: không học bài, không làm bài tập, thiếu tập trung trong giờ học... để phụ huynh biết, quan tâm nhắc nhở giúp các em sửa sai. Các trường hợp khó khăn trong giáo dục cần có sự tham mưu kịp thời với Ban giám hiệu, các tổ chức đoàn thể để khuyến răn, giáo dục. Đồng thời, GVCN cần phải thường xuyên trao đổi với GV bộ môn, NV trong trường về tình hình của lớp, về khả năng của HS. Thông qua GV bộ môn, NV trong trường và các hoạt động đoàn thể, GVCN sẽ nắm bắt HS một cách toàn diện hơn.

Bên cạnh đó mỗi GV, NV trong đối xử với HS phải công bằng, xử phạt nghiêm minh, khen thưởng kịp thời, biết kết hợp cương - nhu trong mọi tình huống. Khi các em đạt thành tích trong học tập, rèn luyện và tham gia các hoạt động xã hội phải động viên khuyến khích, tuyên dương, khen thưởng kịp thời để các em thấy được sự cố gắng của mình đã được thầy/cô giáo, các cô/chú NV và các bạn ghi nhận, từ đó các em luôn cố gắng vươn lên đạt nhiều thành tích xuất sắc hơn. Tuy nhiên, không dễ dãi, hời hợt để các em có tư tưởng thỏa mãn, dừng lại bằng lòng với bản thân, cũng không quá khắt khe gay gắt để dồn các em đến chỗ tự ti, chán nản. HS hư thì phải phạt nhưng khi phạt, phải phân tích phải trái, đúng sai có lý, có tình để các em thấy rõ cái sai của mình mà sửa. Đối với HS chưa tiến bộ cần gặp gỡ, trao đổi để biết thêm về những mong muốn, những khó khăn hoặc những điều các em chưa hiểu để vừa nhắc nhở vừa thuyết phục các em phát huy những yếu tố tích cực và khắc phục những khuyết điểm.

Quan tâm xây dựng lớp học, phòng ở đoàn kết, biết chia sẻ giúp đỡ nhau. Thành lập các nhóm học tập, sinh hoạt để cùng nhau tiến bộ, tạo điều kiện để HS khá giỏi kèm cặp, giúp đỡ các bạn học yếu, các anh chị lớn tuổi giúp đỡ, chia sẻ với các em trong việc sắp xếp phòng ở, nhà ăn, tổ chức đời sống nội trú. Khi có hiện tượng mất đoàn kết, hành vi không đúng mực xảy ra giữa các nhóm HS, cần gặp gỡ lớp, từng nhóm, từng đối tượng để thu thập thông tin, lắng nghe và tạo cơ hội cho các em được nói lên những suy nghĩ của mình về bạn bè, về thầy cô giáo, không phân biệt HS giỏi hay HS cá biệt; bình tĩnh nắm bắt tình hình, phân loại tìm ra nguyên nhân để xử lý cho phù hợp, không thiên vị, không nghe và xử lý tình huống từ một phía.

Cuối cùng, GV, NV cần giáo dục nhận thức của HS về mục tiêu, ý nghĩa của hoạt động Đoàn, Đội trong nhà trường. Động viên các em tham gia tốt các phong trào thi đua của trường, của liên đội: thi đua lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào từ thiện, nhân đạo nuôi heo đất, áo ấm tặng bạn mùa đông, mua tấm ủng hộ người khiếm thị, áo lụa tặng bà, ... Mỗi GV, NV cần giúp các em HS hiểu được mục tiêu, ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia tích cực các phong trào, các hoạt động Đoàn, sẽ giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, nhằm hình thành nhân cách, ... Thông qua các giờ học, giờ sinh hoạt

lớp, hoạt động ngoại khóa, ... khơi dậy trong các em lòng biết ơn đối với cha mẹ, thầy cô, giúp các em nhận thức được đúng đắn việc học tập, xây dựng ước mơ, hoài bão trong cho mình.

Có thể nói, bên cạnh việc chú ý nâng cao năng lực chuyên môn, mỗi GV, NV trong trường PTDTNT cần học tập, tích lũy kiến thức, kỹ năng mềm, tự rèn luyện để có tấm lòng của người cha, người mẹ và trở thành tấm gương sáng cho HS noi theo. Nâng cao năng lực tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS của đội ngũ GV, NV góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDVHUX cho HS nói riêng, kết quả giáo dục toàn diện HS nói chung.

#### *1.5.1.3. Tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của học sinh*

GDVHUX cho HS có ảnh hưởng rất lớn đến việc nâng cao chất lượng giáo dục. Văn hoá ứng xử trong nhà trường làm HS có được môi trường thuận lợi để HS phát huy được tính tích cực, sáng tạo của mình trong học tập, rèn luyện. Trong môi trường đó HS được khuyến khích phát triển khả năng, được giao tiếp trong một môi trường giáo dục nên các mối quan hệ trong nhà trường hoàn toàn lành mạnh và có tính giáo dục,... Ở chiều ngược lại, chính từ tính tích cực của HS lại có vai trò là nhân tố chính, là điều kiện quan trọng để xây dựng và phát triển giáo dục văn hoá nhà trường nói chung và văn hoá ứng xử cho HS nói riêng, cụ thể là:

- Tính tích cực, tự giác của HS trong học tập là động lực để GV đổi mới phương pháp, tăng cường các hoạt động và hình thức giáo dục, tạo môi trường thuận lợi, tốt nhất cho HS. Đồng thời chính HS lại là các nhân tố xây dựng môi trường học tập lành mạnh, xây dựng bầu không khí học tập tích cực trong lớp, trong trường.

- Tính tích cực, tự giác của HS trong giao tiếp, ứng xử kích thích các mối quan hệ cởi mở, là điều kiện để xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp trong nhà trường.

- HS tích cực tham gia các hoạt động cũng chính là tích cực xây dựng môi trường văn hoá ứng xử của nhà trường.

Như vậy, tính tích cực, tự giác của HS khi tham gia các hoạt động giáo dục, hoạt động giao tiếp trong nhà trường, có ảnh hưởng lớn tới hoạt động GDVHUX cho HS và đương nhiên là một nội dung cần quan tâm của Hiệu trưởng khi thực hiện quản lý hoạt động GDVHUX cho HS.



## **1.5.2. Yếu tố khách quan**

### **1.5.2.1. Môi trường văn hóa**

Xây dựng một tập thể đoàn kết đoàn kết, nhất trí, chia sẻ, tương trợ nhau trong công việc là hết sức cần thiết. Từ chỗ hiểu về điều kiện, hoàn cảnh, năng lực chuyên môn để giúp đỡ nhau vươn lên. Xây dựng văn hoá nhà trường là môi trường thuận lợi để GDVHUX cho HS.

Thực tế cho thấy ở nơi nào mà chế độ chính trị, xã hội ổn định, tập thể GV đoàn kết, nhất trí cao thì tại đó GV sẽ thực sự yên tâm cống hiến, phát huy hết mọi khả năng của bản thân để thực hiện công việc với hiệu quả cao nhất. Ngược lại, bản thân GV sẽ cảm thấy bị ức chế, phân tâm, thậm chí chán nản nếu tại nơi làm việc không có được sự ổn định về chính trị, xã hội, nội bộ đơn vị thường xuyên lục đục và như vậy sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến công tác quản lý hoạt động dạy học của Hiệu trưởng tại cơ sở giáo dục đó.

### **1.5.2.2. Sự phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội.**

Gia đình - Nhà trường - Xã hội cùng tác động đến HS với cùng một mục đích là giáo dục và hoàn thiện nhân cách HS, đồng thời chúng cũng có những tác động hỗ trợ nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Giáo dục trong nhà trường tuy có tính độc lập tương đối, nhưng không thể thực hiện giáo dục thành công nếu chỉ bó hẹp giáo dục trong nhà trường. HS có bao nhiêu mối quan hệ thì cũng có bấy nhiêu sự tác động đến, lẽ đương nhiên trong đó có những tác động tích cực và cũng có những tác động tiêu cực. Vì vậy Gia đình - Nhà trường - Xã hội cùng phải có vai trò trong việc GDVHUX cho HS.

- Trên thực tế, có những nội dung giáo dục phải nhờ các lực lượng xã hội mới tổ chức thành công: Công an tham gia tuyên truyền và phổ biến pháp luật, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh trong việc tổ chức các phong trào, giáo dục thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ... Nếu các tổ chức xã hội của địa phương cùng thực hiện tốt vai trò hỗ trợ GDVHUX trong nhà trường, đồng thời xây dựng môi trường xã hội tốt ngoài nhà trường thì HS sẽ rất thuận lợi trong việc biến những nhận thức về văn hóa ứng xử thành hành vi mang tính chuẩn mực.

- Gia đình là môi trường gần gũi nhất, thuận lợi nhất cho HS trong quá trình hình thành nhân cách nói chung và các hành vi chuẩn mực của văn hoá ứng xử nói

riêng. Những chuẩn mực tốt của người học (tính tích cực, văn hoá trong giao tiếp ứng xử, văn hoá trong xây dựng và bảo vệ môi trường giáo dục văn hóa học đường) đều có thể được phát huy và hoàn thiện trong môi trường gia đình.

Đối với trường PTDTNT, nhà trường là ngôi nhà thứ hai của các em. Việc xây dựng nhà trường thực sự là một môi trường tốt, ở đó có sự hoà thuận, tôn trọng nhau, thân thiện và cởi mở, cùng yêu thương, giúp đỡ và có trách nhiệm với nhau thì đó là môi trường tốt để HS học tập, rèn luyện và phát triển toàn diện nhân cách ở các em.

#### *1.5.2.3. Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện tổ chức hoạt động giáo dục*

Là yếu tố rất quan trọng ảnh hưởng tới chất lượng giáo dục nói chung và GDVHUX nói riêng, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục con người phát triển toàn diện. Ngoài cơ sở vật chất thì các nguồn lực tài chính hỗ trợ cho việc dạy và học tập là cực kỳ quan trọng, muốn thay đổi, muốn tăng cường hiện đại, muốn tổ chức được các hoạt động giáo dục phải có nguồn tài chính. Việc quản lý hoạt động GDVHUX của Hiệu trưởng sẽ mang lại hiệu quả cao nếu trường lớp được xây dựng khang trang, đúng qui định, phương tiện tổ chức các hoạt động giáo dục hiện đại được trang bị đầy đủ và đồng bộ.

## **Kết luận chương 1**

Sự nghiệp đổi mới đất nước ta trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi chúng ta phải thật sự coi trọng nhân tố con người, coi trọng cả sức khỏe, tài năng và phẩm chất đạo đức. Chăm lo giáo dục thế hệ trẻ đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp CNH - HĐH đất nước là nhiệm vụ của toàn xã hội, trong đó nhà trường giữ một vai trò đặc biệt quan trọng. GDVHUX cho HS được xem là nền tảng, gốc rễ tạo ra nội lực, tiềm năng vững chắc cho các mặt giáo dục khác. Muốn nâng cao chất lượng GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS trong giai đoạn hiện nay đòi hỏi cá nhân người làm công tác giáo dục trong đó có vai trò rất lớn của người Hiệu trưởng là phải nắm vững những định hướng về mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục, ...; đặc biệt là hiểu sâu sắc tâm lý lứa tuổi HS PTDTNT THCS ở vùng có điều kiện KT - XH đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh gia đình cũng như phong tục tập quán của các em để có một hệ thống các biện pháp GDVHUX phù hợp và hiệu quả.

Quản lý hoạt động GDVHUX cho HS là rất cần thiết và quan trọng đối với trường PTDTNT THCS bởi nhà trường không chỉ quản lý việc học tập mà còn phải quản lý toàn bộ hoạt động ăn, ở, sinh hoạt... bao gồm cả hoạt động tự học, hoạt động văn hóa, thể thao, các hành vi ứng xử trong giao tiếp và trong cuộc sống của HS. Mọi hoạt động quản lý này đều phải có tổ chức và điều hành do vậy người Hiệu trưởng phải chú trọng đến phương pháp, nội dung, hình thức tổ chức, kiểm tra, đánh giá các mặt hoạt động của HS, quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi phục vụ cho hoạt động học tập và giải trí của HS có như vậy việc đào tạo của nhà trường mới đạt hiệu quả cao nhất.

Các vấn đề trình bày ở trên chỉ là cơ sở lý luận, còn việc đưa ra các biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS một cách khoa học, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường, phù hợp với đặc điểm HS, có tính khả thi nhằm nâng cao kết quả giáo dục cần phải nghiên cứu thực trạng GD&ĐT, thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong giai đoạn hiện nay.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

#### **2.1. Khái quát về quá trình hình thành và phát triển của Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

Trường PTDTNT THCS Đại Từ được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ - UBND ngày 16 tháng 9 năm 2009 của UBND tỉnh Thái Nguyên. Trường là đơn vị giáo dục chuyên biệt trong hệ thống giáo dục công lập trực thuộc Sở GD&ĐT Thái Nguyên. Nhà trường nằm trên địa phận Xóm Bàn Cờ, thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Đây là ngôi trường đào tạo con em đồng bào DTTS, sinh sống tại các xóm (thôn, bản) đặc biệt khó khăn của huyện Đại Từ, Định Hóa, Phú Bình, thị xã Phổ Yên và thành phố Sông Công. Sự ra đời của nhà trường có ý nghĩa lớn lao, thể hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục Miền núi, vùng Dân tộc.

Năm học 2012 - 2013 nhà trường chính thức đi vào hoạt động, năm học đầu tiên của nhà trường với nhiệm vụ được giao là chăm sóc và dạy văn hóa cho 120 em HS (02 lớp 6, 02 lớp 7). Tổng số cán bộ, GV, NV: 20 (Trong đó: CBQL: 02 ; GV: 10; NV: 08).

Đến năm học 2016 - 2017 nhà trường có đầy đủ qui mô từ Khối 6 đến Khối 9 với 08 lớp (02 lớp 6, 02 lớp 7, 02 lớp 8, 02 lớp 9), 240 HS, 37 cán bộ quản lý, GV, NV (Trong đó: Cán bộ quản lí: 03 ; GV: 18 ; NV: 16).

Những năm qua, được sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Đại Từ, Sở GD&ĐT Thái Nguyên, sự ủng hộ của cấp ủy chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị và của đông đảo tầng lớp nhân dân, sự nỗ lực cố gắng của thầy và trò nhà trường nên trường PTDTNT THCS Đại Từ đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Về HS:

- Tỷ lệ HS xếp loại Học lực Khá, Giỏi của trường hằng năm đều đạt trên 90%, không có HS xếp loại học lực Yếu.

- HS tham gia thi HS giỏi các cấp và tham gia thi các môn năng khiếu: Đạt kết quả cao.

- Tỷ lệ tốt nghiệp THCS hằng năm đạt 100%.

Về GV:

- Danh hiệu LĐTT hàng năm đạt trên 90%.

- Danh hiệu CSTĐ cơ sở đạt trên 15%.

- Tham gia thi GVG các cấp: Đạt kết quả tốt.

04 năm học liên tục từ năm học 2012 - 2013 đến năm học 2015 - 2016 đơn vị đều đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động Tiên tiến, trong đó 03 năm học liên tục 2013 - 2014 đến năm học 2015 - 2016 đơn vị đạt danh hiệu thi đua Tập thể Lao động Xuất sắc của ngành GD&ĐT tỉnh Thái Nguyên. Năm học 2015 - 2016 nhà trường vinh dự được chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên tặng bằng khen đơn vị đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc 02 năm liên tục.

Để ghi nhận những kết quả của thầy và trò, đánh dấu sự trưởng thành của nhà trường UBND tỉnh Thái Nguyên có Quyết định số 589/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2017 V/v công nhận trường PTDTNT THCS Đại Từ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đạt Chuẩn Quốc gia.

## **2.2. Thực trạng giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

### **2.2.1. *Khái quát về khảo sát thực trạng***

Để tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, đề xuất một số biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS đáp ứng yêu cầu thực tiễn, mang tính phù hợp, hiệu quả, thiết thực và bền vững nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện HS, tác giả đã tiến hành khảo sát tại trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về các nội dung liên quan, trong đó nội dung cơ bản tập trung vào thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS.

#### **2.2.1.1. *Mục tiêu khảo sát***

Khảo sát thực trạng GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để thấy được điểm mạnh, điểm yếu của nhà trường trong công tác

GĐVHƯX cho HS từ đó đề ra các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động GĐVHƯX cho HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường

#### *2.2.1.2. Nội dung khảo sát*

Khảo sát về thực trạng GĐVHƯX cho HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên:

- Thực trạng nhận thức của GV và HS về GĐVHƯX: Khái niệm, ý nghĩa và vai trò GĐVHƯX cho HS.

- Thực trạng GĐVHƯX cho HS: Mục tiêu, nội dung, các con đường GĐVHƯX cho HS và kết quả giáo dục GĐVHƯX cho HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ.

- Thực trạng quản lý hoạt động GĐVHƯX cho HS: Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo triển khai, kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động GĐVHƯX cho HS.

#### *2.2.1.3. Đối tượng khảo sát*

CBQL, GV, NV và HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ.

Cán bộ quản lý: 09 (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó); GV: 14; NV: 14; HS: 240.

#### *2.2.1.4. Phương pháp khảo sát*

Khảo sát qua phiếu hỏi, bảng biểu thống kê.

Trao đổi phỏng vấn trực tiếp.

Quan sát giờ dạy của GV, tổ chức các hoạt động nội trú, các HĐGDNGLL, các hoạt động tập thể, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học của nhà trường.

Phương pháp điều tra được thực hiện theo các bước sau đây.

- Bước 1: Khảo sát thử trên một nhóm mẫu gồm CBQL, GV, NV và HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên với mục đích chính xác hóa phiếu điều tra.

- Bước 2: Xây dựng chính thức các mẫu phiếu điều tra khảo sát thực trạng các biện pháp quản lý hoạt động GĐVHƯX cho HS trường PTĐTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

#### *2.2.1.5. Cách thức xử lý kết quả khảo sát*

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu phiếu điều tra, xử lý phiếu điều tra. Tiến hành phân tích số liệu, tổng hợp số liệu, tính tỷ lệ % cho các phương án trả lời của khách thể điều tra với các mức cụ thể như sau: “Rất quan trọng” hoặc “Quan trọng” hoặc “Không quan trọng”; “Tốt” hoặc “Chưa tốt” hoặc “Không thực hiện” ; “Thường xuyên” hoặc “Không thường xuyên” hoặc “Không thực hiện” ; “Tốt” hoặc “Bình thường” hoặc “Chưa tốt”. Đưa ra những nhật xét, đánh giá về hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

#### ***2.2.2. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên về giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh***

##### *2.2.2.1. Nhận thức về khái niệm giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở*

VHUX là yếu tố quan trọng trong hoạt động của nhà trường, bởi nhà trường không chỉ là nơi dạy chữ mà còn là nơi dạy cách làm người cho các thế hệ trẻ. Do đó, trước khi tìm hiểu nhận thức về ý nghĩa của GDVHUX cho HS tác giả sử dụng câu 1 (phụ lục 1 đối với học sinh, phụ lục 2 đối với giáo viên) nhằm tìm hiểu nhận thức về khái niệm GDVHUX, kết quả thu được ở bảng sau:

**Bảng 2.1. Nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về khái niệm GDVHUX cho HS trường PTDNT THCS**

STT	Nội dung	CBQL, GV, NV		HS									
				Khối 6		Khối 7		Khối 8		Khối 9		Trung bình	
		SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)	SL	(%)
1	Là giáo dục cho HS cách ứng xử có văn hóa, phù hợp với phong tục và tập quán	1	2,70	9	15	6	10	4	6,67	1	1,67	20	8,33
2	Là GD cho HS biết thể ứng xử, thể hiện triết lý sống, lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cộng đồng người trong việc ứng xử và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội từ vi mô đến vĩ mô	3	8,11	9	15	7	11,67	6	10	5	8,33	27	11,25
3	Là hướng dẫn cho HS cách thức thể hiện mình với người khác	1	2,70	2	3,33	3	5	1	1,67	2	3,33	8	3,33
4	Là GD cho HS biết cách phản ứng với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định	1	2,70	5	8,33	6	10	4	6,67	3	5	18	7,5
5	Là hướng dẫn cho HS biết cách phản ứng có lựa chọn biết cách giao tiếp dựa vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả cao nhất trong giao tiếp	3	8,11	8	13,33	8	13,33	7	11,67	6	10	29	12,08
6	Là quá trình trang bị cho HS những tri thức, hiểu biết về khuôn mẫu ứng xử, những chuẩn mực hành vi đạo đức, phát triển khả năng giao tiếp, giúp HS có thái độ, cách thức quan hệ, hành động và kỹ năng lựa chọn, ứng xử linh hoạt, phù hợp trong mọi tình huống đa dạng của cuộc sống	28	75,68	27	45	30	50	38	63,33	43	71,67	138	57,5



**Kết quả:**

Đối với GV: Đa số CBQL, GV, NV của trường PTDTNT THCS Đại Từ đều nhận thức đúng về khái niệm GDVHUX (28/37 chiếm tỷ lệ 75,68%). Nhận thức đúng về khái niệm GDVHUX là nền tảng giúp cho việc thực hiện GDVHUX cho HS một cách có hiệu quả.

Đối với HS: Phần lớn các em đã nhận thức đúng về khái niệm GDVHUX (138/240 chiếm tỷ lệ 57,5%). Đi sâu vào tìm hiểu, nhận thấy HS Khối 9 có nhận thức tốt hơn về khái niệm GDVHUX so với HS các khối khác (Khối 9: 43/60 chiếm tỷ lệ 71,67% so với Khối 8: 38/60 chiếm tỷ lệ 63,33%, Khối 7: 30/60 chiếm tỷ lệ 50% và Khối 6: 27/60 chiếm tỷ lệ: 45%).

Từ số liệu điều tra về nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về khái niệm GDVHUX ta thấy còn một số NV và một bộ phận HS nhận thức chưa đầy đủ về khái niệm GDVHUX điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến vấn đề văn hóa ứng xử của HS.

*2.2.2.2. Nhận thức về ý nghĩa và vai trò của giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trung học cơ sở*

Từ nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về khái niệm GDVHUX tác giả tiến hành điều tra tiếp nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS.

Để tìm hiểu vấn đề này tác giả sử dụng câu hỏi số 2 (phụ lục 1 đối với học sinh, phụ lục 2 đối với giáo viên), kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.2. Nhận thức của CBQL, GV, NV và HS về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS**

TT	Nội dung	CBQL, GV, NV						HS					
		Mức độ						Mức độ					
		Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng		Rất quan trọng		Quan trọng		Không quan trọng	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tạo môi trường học tập tốt, giúp HS thấy tự tin, thoải mái, ham học hỏi trong môi trường văn hóa đích thực	1	2,70					16	6,67	3	1,25		
2	Tạo môi trường thân thiện giúp HS thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau	3	8,11					12	5	4	1,67		
3	Giúp HS tích cực khám phá, trải nghiệm, hợp tác, ...							2	0,83	1	0,42		
4	Giúp xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết, học hỏi lẫn nhau các cá nhân một cách tích cực	1	2,70					3	1,25	2	0,83		
5	Giúp HS hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt trong mọi tình huống, tự tin trước tập thể	1	2,70					3	1,25	1	0,42		
6	Tất cả các ý trên	31	83,78					175	72,92	18	7,5		

Từ kết quả trên, có thể nhận thấy:

Đối với CBQL, GV, NV: 31/37 chiếm tỷ lệ 83,78% CBQL, GV, NV ở trường PTDTNT THCS Đại Từ lựa chọn đúng về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS. Qua đó cho thấy, CBQL, GV, NV đã nhận thức được ý nghĩa và vai trò của việc GDVHUX cho HS trong nhà trường. Từ đó, góp phần giáo dục các em phát triển toàn diện về mọi mặt. Điều này là hoàn toàn cần thiết với thực tiễn mục tiêu giáo dục cấp THCS hiện nay nói chung và thực tiễn giáo dục ở trường PTDTNT THCS Đại Từ nói riêng, bởi VHUX học đường hiện nay mặc dù đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn bộc lộ những hạn chế. Trong những năm qua nhà trường đã quan tâm đến việc trang bị cho HS những tri thức về VHUX, để mỗi HS sau khi tốt nghiệp ra trường có thể tự tin bước vào cuộc sống của mình với những hành vi hợp chuẩn. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận HS còn yếu về kỹ năng ứng xử, có thái độ chưa đúng mực đối với thầy cô, chưa cố gắng trong tu dưỡng, rèn luyện, vẫn còn tình trạng HS vi phạm Nội quy và các Quy định của trường, lớp, Nhà ăn, Ký túc xá, ...

Đối với HS: 175/240 chiếm tỷ lệ 72,92% HS lựa chọn đúng về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS ở mức độ “*Rất quan trọng*”, 18/240 chiếm tỷ lệ 7,5% HS lựa chọn đầy đủ các nội dung về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS ở mức độ “*Quan trọng*”, điều này cho thấy bước đầu các em đã có nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX đối với bản thân mỗi HS. Xuất phát từ nhận thức và quan điểm khác nhau nên xu hướng lựa chọn của các em HS cũng khác. Tác giả tiến hành trò chuyện với một số HS lớp 8 của trường thì đa số các em lựa chọn đầy đủ các nội dung về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS, chỉ có một số ít các em cho rằng GDVHUX chỉ góp phần làm đẹp văn hóa học đường, những nội dung khác còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tính cách của HS, khả năng nhận thức, năng khiếu, ...

Như vậy có thể thấy việc đa số CBQL, GV, NV và HS của nhà trường nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS. Tuy nhiên, kết quả nhận thức của GV và HS có sự khác nhau khá rõ nét, điều đó là phù hợp với thực tế về vốn tri thức, kinh nghiệm xã hội của CBQL, GV, NV hơn hẳn so với các em HS. Qua đây, nhà trường cần có những biện pháp quản lý, giáo dục phù hợp hơn nữa để các em có nhận

thức tốt hơn nữa về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX, để các em tự mình rèn luyện có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống, tự tin thể hiện bản thân, có hành vi cử chỉ, điệu bộ, việc làm phù hợp với chuẩn mực xã hội, ... Từ đó hình thành thái độ đúng đắn, tình cảm, niềm tin đạo đức trong sáng đối với bản thân, với thầy cô giáo, với gia đình và xã hội.

### ***2.2.3. Thực trạng giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên***

#### ***2.2.3.1. Thực trạng về thực hiện mục tiêu giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên***

Để tìm hiểu thực trạng thực hiện mục tiêu GDVHUX cho HS trường PTD TNT THCS Đại Từ tác giả tiến hành điều tra trên CBQL và GV, với câu hỏi “*Theo thầy cô, GDVHUX cho HS nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?*”. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.3. Đánh giá của CBQL, GV về thực hiện mục tiêu GDVHUX cho HS**

TT	Nội dung GDVHUX	Đánh giá CBQL						Đánh giá của GV					
		Mức độ thực hiện						Mức độ thực hiện					
		Tốt		Chưa tốt		Không thực hiện		Tốt		Chưa tốt		Không thực hiện	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Giúp HS có được nhận thức đúng đắn để có hành vi ứng xử giao tiếp có văn hóa trong học tập, sinh hoạt và trong các môi trường xã hội khác nhau.							1	7,14				
2	Xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, trong sáng, đầy tính nhân văn, có sức cảm hóa, sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội từ đó góp phần hình thành và phát triển nhân cách HS.	1	11,11					1	7,14				
3	Xây dựng môi thân thiện cho HS, giúp các em cảm thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu, hoàn cảnh khác nhau, giúp các em cảm thấy tự nhiên, thoải mái, vui vẻ, tạo động lực cho các em học tập trong môi trường văn hóa đích thực.							1	7,14				
4	Tất cả những mục tiêu trên.	8	88,89					11	78,57				

Thông qua bảng số liệu trên, ta thấy cán bộ quản lí và GV nhận thức rõ việc thực hiện mục tiêu GDVHUX cho HS. Cán bộ quản lí đánh về việc thực hiện đầy đủ các mục tiêu GDVHUX cho HS ở mức độ tốt là 8/9 chiếm tỷ lệ 88,89%, GV đánh về việc thực hiện đầy đủ các mục tiêu GDVHUX cho HS ở mức độ tốt là 11/14 chiếm tỷ lệ 78,57%. Đây là điều kiện thuận lợi để GDVHUX và hoạt động quản lí văn hóa ứng xử cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ. Tuy nhiên, vẫn còn có cán bộ quản lí và GV vẫn chưa thực hiện đầy đủ tất cả những mục tiêu trên. Do vậy, cần cán bộ quản lí và GV nhận thức đầy đủ các mục tiêu trên để GDVHUX và hoạt động quản lí văn hóa ứng xử cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ đạt kết quả tốt.

#### *2.2.3.2. Thực trạng về thực hiện nội dung giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*

Tìm hiểu nội dung GDVHUX cho HS tác giả sử dụng câu 3 phụ lục 1 đối với HS và câu 4 phụ lục 2 đối với GV. Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.4. Đánh giá của GV và HS về thực hiện nội dung GDVHUX cho HS**

TT	Nội dung GDVHUX	Đánh giá của GV						Đánh giá của HS					
		Mức độ thực hiện						Mức độ thực hiện					
		Thường xuyên		Không thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	GDVHUX trong mối quan hệ với thầy/cô như: Kính trọng thầy/cô; thấy được công lao to lớn của thầy/cô đối với sự nghiệp giáo dục nói chung với thế hệ trẻ nói riêng từ đó có lòng biết ơn đối với thầy/cô; cư xử đúng mực, giữ đúng đạo làm trò đối với thầy/cô.	2	14,29					11	4,58	8	3,33		
2	GDVHUX trong mối quan hệ với bạn bè như: tôn trọng, quan tâm giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn hoạn nạn; biết chia sẻ, nhường nhịn; trong giao tiếp với bạn luôn thân thiện, cởi mở, vui vẻ, hòa nhã, chân thành, trung thực; không nói tục, chửi bậy, không đánh nhau, ...	1	7,14	1	7,14			14	5,83	13	5,41		
3	GDVHUX trong việc chấp hành Nội quy, Quy chế của nhà trường như: thực hiện nghiêm các quy định về nề nếp học tập, không gian lận trong thi cử, không mắc các tệ nạn xã hội, ...	2	14,29					8	3,33	9	3,75		
4	Tất cả những nội dung trên.	8	57,14					171	71,25	6	2,5		

Qua điều tra cho thấy:

Đối với GV:

Có 57,14% các thầy/cô đã tiến hành giáo dục thường xuyên tất cả những nội dung VHUX. Kết quả này cũng thể hiện rằng nhận thức đúng là cơ sở để có hành vi đúng. Bởi đã số những thầy cô nhận thức đúng về ý nghĩa và vai trò của GDVHUX cho HS thì đều tiến hành giáo dục cho HS đầy đủ các mục tiêu của VHUX với những nội dung phong phú, đa dạng.

Việc giáo dục những nội dung về VHUX cho HS là rất thiết thực. Trong nhà trường người GV đóng vai trò trực tiếp truyền đạt tới các em. Muốn truyền đạt tốt đòi hỏi các thầy/cô cần trang bị cho mình vốn kiến thức và các kỹ năng về VHUX. Từ đó, nội dung về GDVHUX sẽ được truyền đạt đầy đủ. Tuy nhiên vẫn tồn tại một số thầy/cô giáo dục thường xuyên về VHUX nhưng chỉ tập trung vào một nội dung nào đó. Có GV thì không thường xuyên giáo dục các nội dung về VHUX.

Đối với HS:

Có 71,25% HS cho rằng thầy/cô của mình đã giáo dục cho các em đầy đủ các nội dung GDVHUX ở mức độ thường xuyên. Còn lại 28,75% HS cho rằng nội dung GDVHUX các thầy cô mới chỉ thường xuyên ở một số nội dung và thậm chí còn không thường xuyên giáo dục một số nội dung về VHUX. Thực tế cho thấy ở trường PTDTNT THCS Đại Từ do nội dung về văn hóa ứng xử có nét đặc thù nên việc giáo dục cũng có một số điểm khác biệt. Có những GV thiên về dạy chữ là chính mà ít quan tâm đến việc dạy người. Nếu như GV dạy các KHXH như Giáo dục công dân, Ngữ văn... thì còn để ý nội dung GDVHUX, GV các môn KHTN như môn Toán, Vật Lý... thì chủ yếu dành thời gian dạy kiến thức cho các em HS. Chính vì lý do này mà HS ít nhận ra được những nội dung giáo dục có liên quan đến VHUX được GV truyền đạt.

Hiện nay, ngành giáo dục đang đẩy mạnh cuộc vận động “Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực” trong bối cảnh văn hóa học đường đang có sự biến đổi sâu sắc trong lứa tuổi học trò. HS thời nay năng động, tự tin và bạo dạn hơn rất nhiều so với các thế hệ cha anh. Mối quan hệ uy quyền, một chiều theo thời xưa đã thay thế bằng mối quan hệ dân chủ, thầy trò cùng hợp tác trong dạy học và giáo dục. Tuy



nhiên do ảnh hưởng từ mặt trái của cơ chế thị trường và tai tệ nạn xã hội, nên có một bộ phận HS đã và đang có suy nghĩ và hành động lệch lạc những chuẩn mực chung về đạo đức và văn hoá ứng xử, như: Ứng xử chưa đúng mực với thầy cô, cha mẹ, bất nhã với bạn bè, vi phạm Nội quy và các Quy định của nhà trường, ... Để ngăn chặn những hiện tượng đó, cần thiết phải tiến hành giáo dục cho HS tất cả những nội dung GDVHUX ở trên. Bởi lẽ, ở bất cứ nơi đâu, cũng cần sự giao tiếp, ứng xử có văn hóa. Giao tiếp, ứng xử có văn hóa được xem là một kỹ năng sống quan trọng, góp phần tạo nên sự thành công trong cuộc sống của mỗi con người.

2.2.3.3. *Thực trạng các con đường giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.*

Để tìm hiểu những nội dung GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ được truyền tải đến HS thông qua những con đường nào tác giả tiến hành điều tra với câu hỏi: “Ở trường các thầy/cô đã GDVHUX cho HS theo con đường nào dưới đây? Mức độ thực hiện?” (Câu hỏi số 5 phần phụ lục 02). Kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.5. Đánh giá của GV về mức độ thực hiện các con đường GDVHUX cho HS**

STT	Con đường GDVHUX cho HS	Mức độ thực hiện					
		Thường xuyên		Không thường xuyên		Không thực hiện	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Thông qua hoạt động dạy học (lồng ghép vào một số môn học có ưu thế như: Giáo dục công dân; Ngữ văn; Lịch sử; Sinh học; ...)	8	57,14	6	42,86	0	0
2	Thông qua tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (Hội thi văn nghệ, kể chuyện, vẽ tranh, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, trồng và chăm sóc rau xanh, ...)	12	85,71	2	14,29	0	0
3	Thông sinh hoạt tập thể (Hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, ...)	11	78,57	3	21,43	0	0
4	Tự rèn luyện, tu dưỡng của bản thân HS (Tự học, tự chăm sóc bản thân, ...)	10	71,43	4	28,57	0	0

Mỗi một con đường GDVHUX cho HS trường PTDNT THCS Đại Từ đều mang lại kết quả nhất định. Con đường nào cũng có những ưu/nhược điểm riêng. Song trong số những con đường GDVHUX cho HS thì con đường thông qua tổ chức các hoạt động GDNGLL và thông qua sinh hoạt tập thể là con đường được GV, cho là phù hợp nhất. Mỗi tuần có một tiết chào cờ nên các chi đội sẽ thực hiện hoạt động ngoài giờ lên lớp theo chủ đề dưới nhiều hình thức phong phú, trong đó nhiều hoạt động được sân khấu hoá rất sinh động và hiệu quả như: kịch, hát, múa, trò chơi kiến thức, trò chơi giải trí, ... Trong nội dung chương trình giáo dục vào thứ 7 hàng tuần mỗi lớp đều có tiết sinh hoạt nên đây là thời gian thường xuyên để các chi đoàn sinh hoạt tập thể. Ngoài ra, vào tối thứ sáu hàng tuần Ban quản lý Nội trú tổ chức sinh hoạt nội trú với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để các em cùng tham gia, được thể hiện và khẳng định bản thân. Vào các ngày lễ lớn trong năm học như 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 26/3, 30/4, 19/5... nhà trường đều tổ chức sinh hoạt tập thể. Thông qua những hình thức đó là con đường để GDVHUX cho HS.

Khi thầy cô lên lớp để truyền đạt cho các em kiến thức, nhiều thầy cô luôn ý thức được ngoài dạy kiến thức thì cần trang bị cho em kỹ năng sống, giá trị sống trong đó có văn hóa ứng xử. Nhưng việc này cũng khó vì thời lượng các tiết học chỉ có 45 phút nên thường dạy kiến thức là hết giờ nên lồng ghép GDVHUX gặp khó khăn nếu lồng ghép được chỉ tập trung qua môn Giáo dục công dân, Ngữ văn, mức độ thực hiện thường xuyên chỉ chiếm 57,14%.

Qua tiếp xúc, trò chuyện trao đổi trực tiếp với BGH nhà trường, một số GV bộ môn, GV chủ nhiệm lớp, nhiều thầy cô cũng đều nói: “Việc lồng ghép vào các môn học đều khó nên chủ yếu giáo dục thông qua hoạt động ngoài giờ lên lớp, sinh hoạt tập thể và tự bản thân các em tu dưỡng, rèn luyện”.

Mỗi con người đều tồn tại hai mặt ưu điểm và hạn chế. Nếu có ưu điểm thì phải phát huy để tốt hơn còn hạn chế thì phải khắc phục. Muốn khắc phục thì cần thời gian để học tập trong suốt cuộc đời. Bản thân phải tự tu dưỡng, rèn luyện để vươn lên chính mình trong cuộc sống. Đây là con đường mà người GV luôn muốn rèn các em HS phải tự tu dưỡng, rèn đạo đức tác phong. Trước cạm bẫy của xã hội các em phải có bản lĩnh để vượt qua. Dù thầy cô có dạy rất nhiều điều hay lẽ phải nhưng bản thân

các em không tự rèn luyện, tự cố gắng sẽ khó trở thành người tốt. Đây là việc cần làm thường xuyên đối với các em HS nói riêng và mọi người nói chung.

Ngoài các con đường giáo dục trên, con đường sẽ tác động trực tiếp chính là thông qua tấm gương đạo đức của thầy cô: “Mỗi thầy, cô giáo là một tấm gương về đạo đức tự học và sáng tạo”. Từ đó các thầy cô nêu cao tinh thần rèn luyện, tu dưỡng đạo đức về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức và trách nhiệm thực thi pháp luật và phục vụ nhân dân trong các hoạt động dạy và học, trong coi thi, chấm thi, trong đấu tranh với các tiêu cực học đường và thực hiện nghĩa vụ công dân. Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp, yêu nghề, yêu ngành, thương yêu HS và người học; ý thức khắc phục khó khăn đi học và tự học để chuẩn hóa trình độ chuyên môn, nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ, đó chính là những tấm gương sáng để HS nhìn vào đó học tập và làm theo.

*2.2.3.4. Kết quả giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.*

Kết quả GDVHUX cho HS của GV trường PTD TNT THCS Đại Từ được thể hiện thông qua nhận thức, thái độ và hành vi của HS. Chúng tôi cho rằng kết quả đó được thể hiện rõ thông qua những biểu hiện cụ thể của HS qua kết quả xếp loại hạnh kiểm.

**Bảng 2.6. Kết quả xếp loại hạnh kiểm của HS trường PTD TNT THCS Đại Từ**

TT	Năm học	Xếp loại								Ghi chú
		Tốt		Khá		Trung bình		Yếu		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	2014-2015	225	93,75	11	4,58	04	1,67			
2	2015-2016	235	97,91	03	1,25	02	0,83			
3	HKI 2016-2017	237	98,75	02	0,83	01	0,41			

*(Nguồn: Báo cáo tổng kết năm học 2014 - 2015, năm học 2015 - 2016 và báo cáo sơ kết học kỳ I năm học 2016 - 2017)*

Qua kết quả xếp loại hạnh kiểm của HS trường PTDTNT THCS Đại Từ các năm học chúng ta có thể nhận thấy các em HS của nhà trường ngoan, có nhiều cố gắng trong tu dưỡng, rèn luyện, thể hiện ở tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt hàng năm đều trên 93%, trong khi đó tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình hàng năm đều dưới 2%, không có HS xếp loại hạnh kiểm yếu.

Để đánh giá biểu hiện hành vi VHUX của HS tác giả xây dựng các tình huống (câu hỏi số 4 phần phụ lục 01) trong phiếu điều tra để HS lựa chọn và thu được kết quả như sau:

**Bảng 2.7. Những biểu hiện hành vi VHUX của HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

<b>Câu</b>	<b>Các lựa chọn</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
1. Mối quan hệ với bạn bè	a. Luôn thân thiện với bạn	143	59,58
	b. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ tất cả các bạn khi gặp khó khăn	82	34,17
	c. Chỉ quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong lớp khi gặp khó khăn	12	5
	d. Không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn khi gặp khó khăn	3	1,25
2. Mối quan hệ với thầy/cô	a. Kính trọng và lễ phép với thầy/cô	168	70
	b. Khi gặp, em chào tất cả các thầy/cô	67	27,92
	c. Khi gặp, em chỉ chào những thầy/cô nào dạy mình	5	2,08
	d. Lảng tránh để đỡ phải giáp mặt	0	0
3. Chấp hành nội quy của nhà trường	a. Chấp hành nghiêm túc mọi lúc, mọi nơi	84	35
	b. Chỉ chấp hành nghiêm túc khi có sự giám sát chặt chẽ của thầy/cô	97	40,42
	c. Chấp hành một cách miễn cưỡng	59	24,58
	d. Không chấp hành	0	0

Khi tìm hiểu về những biểu hiện trong VHUX của HS, tác giả quan tâm đến một số hoạt động cơ bản trong đời sống của HS: Quan hệ với bạn bè, quan hệ với thầy cô, chấp hành nội quy của nhà trường.

Những hành vi biểu hiện thông qua quan hệ giao tiếp - ứng xử có thể cho chúng ta biết trình độ văn hoá, bộ mặt đạo đức của HS. Phân tích số liệu điều tra tác giả thu được kết quả:

Trong mối quan hệ với bạn bè: Các em luôn biểu hiện được sự thân thiện với bạn bè (59,58%); nhiều em đã biết quan tâm, chia sẻ giúp đỡ tất cả bạn bè khi gặp khó khăn (34,17%); Số lượng HS chỉ quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong lớp khi gặp khó khăn còn nhiều (5%); vẫn còn một bộ phận HS không có ý thức quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn khi gặp khó khăn (1,25%).

Khi giao tiếp và xưng hô trong mối quan hệ giao tiếp với thầy cô các em luôn giữ được chuẩn mực. Qua phân tích kết quả điều tra có 70% HS luôn tỏ thái độ kính trọng, lễ phép với thầy/cô giáo; 27,92% HS được hỏi trả lời các em chào tất cả các thầy/cô mà mình gặp. Tỷ lệ HS chỉ chào những thầy/cô dạy mình chiếm 2,08% và không có HS chọn cách tránh mặt thầy/cô vì ngại tiếp xúc. Có những thầy/cô được HS coi như những người cha, người mẹ. Các em có thể tâm sự những tâm tư, tình cảm thầm kín của mình với thầy cô, khi gặp khó khăn trong học tập và trong cuộc sống các em lại tìm đến thầy cô để nhờ thầy cô “tư vấn”. Đây là dấu hiệu đáng mừng của VHUX bởi lễ truyền thống “Tôn sư trọng đạo”, “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư” của người Việt Nam vẫn luôn được thế hệ trẻ trân trọng, gìn giữ và phát huy.

Khi được hỏi biểu hiện hành vi ứng xử văn hóa trong thực hiện Nội quy, Quy định của nhà trường có 35% HS chấp hành nghiêm túc mọi lúc, mọi nơi. Tỷ lệ HS chỉ chấp hành khi có sự giám sát chặt chẽ của thầy/cô giáo tương đối cao (40,42%), và có 24,58% HS chấp hành một cách khiên cưỡng vì nếu không chấp hành sẽ bị đánh giá vào rèn luyện đạo đức, xếp loại hạnh kiểm. Hỏi chuyện một số thầy/cô giáo làm công tác chủ nhiệm tác giả được biết tỷ lệ HS chấp hành nghiêm túc Nội quy, Quy chế của

nhà trường thu được ở kết quả điều tra là hoàn toàn phù hợp với thực tế những gì đang diễn ra ở các trường.

**2.2.4. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

**2.2.4.1. Thực trạng lập kế quản lý hoạch hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

Tìm hiểu nội dung này tác giả sử dụng câu 6 phụ lục 2, tiến hành điều tra trên 09 CBQL, 14 GV và 14 NV trường PTDTNT THCS Đại Từ thu được kết quả cụ thể như sau:

**Bảng 2.8. Đánh giá của CBQL, GV và NV về việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDVHUX cho HS**

STT	Các loại kế hoạch	Mức độ					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Kế hoạch tổng thể cả năm	22	59,46	10	27,03	5	13,51
2	Kế hoạch theo học kì	23	62,16	11	29,73	3	8,11
3	Kế hoạch theo từng tháng	25	67,57	9	24,32	3	8,11
4	Kế hoạch theo từng tuần	26	70,27	9	24,32	2	5,41
5	Theo chủ điểm, chủ đề	26	70,27	9	24,32	2	5,41
6	Kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động	27	72,97	9	24,32	1	2,70
7	Tính phù hợp của kế hoạch với đặc điểm, điều kiện thực tế về giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS	25	67,57	10	27,03	2	5,41
8	Tính đồng bộ của kế hoạch trong việc giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS	24	64,86	9	24,32	4	10,81
9	Tính khả thi và hiệu quả của kế hoạch	25	67,57	11	29,73	1	2,70

Qua bảng đánh giá của CBQL, GV và NV về việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDVHUX cho HS cho thấy. Việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDVHUX cho HS của nhà trường được đánh giá ở mức cao. Trong đó các đối tượng đánh giá việc: Đề ra kế hoạch tổng thể về hoạt động GDVHUX cho HS với kết quả 59,46%, thể hiện qua các biện pháp cụ thể, như việc đề ra kế hoạch: Trong cả năm học, theo học kỳ, theo tháng, theo chủ điểm, chủ đề đặc biệt kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động đạt kết quả khá cao 72,97% . Như vậy các đối tượng khẳng định để GDVHUX cho HS việc đề ra các kế hoạch được thực hiện tương đối tốt. Các đối tượng cũng tham gia đánh giá tính phù hợp của kế hoạch với đặc điểm, điều kiện thực tế về GDVHUX cho HS và tính đồng bộ của kế hoạch trong việc GDVHUX cho HS cũng được thực hiện tốt, tạo được hiệu quả nhất định trong GDVHUX cho đối tượng HS của nhà trường.

Do xác định rõ tầm quan trọng của việc GDVHUX cho HS, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, giáo dục toàn diện, trường PTDTNT THCS Đại Từ đã và đang tăng cường nhiều biện pháp, giải pháp thực hiện, trong đó đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng kế hoạch.

*2.2.4.2. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*

Để thực hiện nội dung này, tác giả sử dụng câu 7 phụ lục 2, kết quả thu được như sau:

**Bảng 2.9. Đánh giá của CBQL, GV và NV  
về việc tổ chức thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS**

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ thực hiện					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo về GDVHUX cho HS, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên	33	89,19	4	10,81	2	5,41
2	Tổ chức tập huấn cho đội ngũ về GDVHUX cho HS (Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, huy động các nguồn lực, ... GDVHUX cho HS)	31	83,78	5	13,51	1	2,70
3	Tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS ở lớp, ở trường một cách hiệu quả	31	83,78	5	13,51	1	2,70
4	Xây dựng đội ngũ GVCN, TPT đội, Bí thư chi đoàn, Giáo vụ, Quản sinh thành lực lượng GD nòng cốt	32	86,49	4	10,81	1	2,70
5	Thực hiện phối hợp một cách có hiệu quả các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia công tác GDVHUX cho HS	30	81,08	6	16,22	1	2,70
6	Ban chỉ đạo GDVHUX cho HS thực hiện giúp Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá các hoạt động GDVHUX cho HS	30	81,08	5	13,51	2	5,41

Qua bảng đánh giá của CBQL, GV và NV về việc tổ chức thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS cho thấy. Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo về GDVHUX cho HS,



phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên được đánh giá ở mức cao 89,19%, tiếp đó là Xây dựng đội ngũ GVCN, TPT đội, Bí thư chi đoàn, Giáo vụ, Quản sinh thành lực lượng GD nòng cốt 86,48%. Kết quả điều tra phản ánh thực tế một hoạt động muốn đạt hiệu quả tốt ngoài việc có một bản kế hoạch tốt còn phải huy động được tối đa các nguồn nhân lực, vật lực, tài lực, ... cho hoạt động. Việc bố trí, sắp xếp con người khoa học, hợp lý, đúng người, đúng việc giúp các cá nhân phát huy được hết năng lực, sở trường hoàn thành công việc với kết quả cao nhất.

Kết quả đánh giá các nội dung đều cùng ở mức khá cao, song kết quả đánh giá gần như có sự tương đồng, vì việc thực hiện nội dung trên dựa trên sự chỉ đạo của Hiệu trưởng và GV, NV là người tổ chức thực hiện, nên có sự phối hợp chặt chẽ giữa CBQL, GV, NV. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa đánh giá GV và NV, trong đó kết quả đánh giá của GV thể hiện sự nổi trội so với kết quả đánh giá của NV. Điều này cũng hoàn toàn phù hợp vì do đặc thù nhà trường là trường PTDTNT ngoài lực lượng giáo viên (Được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm), còn một bộ phận đông đảo (Chiếm trên 40% viên chức, người lao động của nhà trường) là nhân viên làm các công việc Văn thư, Kế toán, Giáo vụ, Y tế, Thiết bị, Thư viện, Cấp dưỡng, Bảo vệ, Lao công nên kết quả đánh giá có sự chênh lệch khá rõ nét.

#### *2.2.4.3. Thực trạng chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*

Các biện pháp chỉ đạo trên của Hiệu trưởng được đánh giá với kết quả cùng ở mức cao, tuy nhiên có sự chênh lệch về kết quả đánh giá giữa các biện pháp. Biện pháp chỉ đạo các bộ phận triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động GDVHUX cho HS đạt kết quả cao nhất 86,47% so với kết quả đánh giá các biện pháp khác. Từ kết quả trên cho thấy việc chỉ đạo các bộ phận triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động được thực hiện với kết quả tốt nhất. Ngược lại biện pháp chỉ đạo việc đầu tư trang thiết bị, huy động các nguồn kinh phí từ nhà trường, gia đình HS và các lực lượng xã hội (xã hội hóa giáo dục) dành cho việc GDVHUX cho HS được đánh giá với kết quả thấp nhất 70,27%. Công tác huy động các nguồn kinh phí từ cha/mẹ học sinh kết quả chưa cao xuất phát từ thực tế học sinh của nhà trường là con em đồng bào DTTS đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoàn cảnh kinh tế của

gia đình gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, vẫn còn một bộ phận cha/mẹ học sinh còn tư tưởng ỷ lại, phó mặc con/em mình cho nhà trường, trông chờ các chế độ ưu tiên của nhà nước.

**Bảng 2.10. Đánh giá của CBQL, GV và NV về thực hiện các biện pháp chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động GDVHUX cho HS**

TT	Nội dung chỉ đạo triển khai	Mức độ thực hiện					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Chỉ đạo các bộ phận triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.	32	86,49	3	8,11	2	5,41
2	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận thực hiện đầy đủ các nội dung GDVHUX cho HS (Trong mối quan hệ GV - HS, HS - HS và trong việc chấp hành nội quy của nhà trường)	30	81,08	5	13,51	2	5,41
3	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận vận dụng linh hoạt các phương pháp GDVHUX cho HS	29	78,38	4	10,81	4	10,81
4	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức GDVHUX cho HS (Qua môn học, qua HĐGDNGLL, qua sinh hoạt tập thể, ...)	30	81,08	6	16,22	1	2,70
5	Chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tổ chức giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.	28	75,68	6	16,22	3	8,11
6	Chỉ đạo xây, dựng các quy định quy ước về giáo dục dục văn hóa ứng xử: theo dõi, kiểm tra, xếp loại, đánh giá việc xếp loại, khen thưởng, kỉ luật về dục văn hóa ứng xử cho HS.	31	83,78	5	13,51	1	2,70
7	Chỉ đạo việc đầu tư trang thiết bị, huy động các nguồn kinh phí từ nhà trường, gia đình HS và các lực lượng xã hội (xã hội hóa giáo dục) dành cho việc giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.	26	70,27	8	21,62	3	8,11

2.2.4.4. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên*

**Bảng 2.11. Đánh giá của CBQL và GV về việc kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS**

TT	Các biện pháp kiểm tra, đánh giá	Mức độ thực hiện					
		Tốt		Bình thường		Chưa tốt	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Qua việc tích hợp, lồng ghép giáo dục văn hóa ứng xử vào việc giảng dạy các môn học trong chương trình môn học	18	78,26	3	13,04	2	8,70
2	Qua giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của nhà trường, của địa phương	19	82,61	2	8,70	2	8,70
3	Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường góp phần giáo dục văn hóa ứng xử cho HS	18	78,26	4	17,39	1	4,35
4	Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại HS theo bộ tiêu chuẩn về văn hóa ứng xử và xếp loại điểm đạo đức	20	86,96	2	8,70	1	4,35
5	Căn cứ vào đánh giá, xếp loại của GV chủ nhiệm lớp, tham khảo ý kiến đánh giá xếp loại qua ý kiến các GV bộ môn, các lực lượng giáo dục trong nhà trường, cha mẹ HS, đại diện địa phương	18	78,26	3	13,04	2	8,70
6	Nêu gương, khen thưởng các cá nhân, tập thể HS có thành tích phấn đấu	20	86,96	2	8,70	1	4,35
7	Kiểm tra, nhắc nhở, uốn nắn, thi hành kỉ luật các HS có hành vi văn hóa ứng xử xấu vi phạm chuẩn mực đạo đức	21	91,3	1	4,35	1	4,35
8	Kiểm tra việc HS tự đánh giá, tự xếp loại	17	73,91	4	17,39	2	8,70
9	Đề ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về GDVHUX cho HS	18	78,26	4	17,39	1	4,35

Từ kết quả bảng trên, rút ra nhận xét:

Đa số các hình thức kiểm tra, đánh giá trên được đánh giá với kết quả thực hiện ở mức cao. Điều này cho thấy nhà trường rất chú trọng đến việc đề ra và triển khai thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với việc GDVHUX cho các em, với các hình thức phong phú và đa dạng như: Qua việc tích hợp, lồng ghép giáo dục văn hóa ứng xử vào việc giảng dạy các môn học trong chương trình môn học ; Qua giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của nhà trường, của địa phương ; Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường góp phần giáo dục văn hóa ứng xử cho HS ; Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại HS theo bộ tiêu chuẩn về văn hóa ứng xử và xếp loại điểm đạo đức. Những hình thức này có tác dụng và hiệu quả thiết thực tác động đến nhận thức và hành vi văn hóa ứng xử của HS.

Đánh giá kết quả thực hiện các hình thức còn lại đều ở mức cao. Như vậy, có sự tương đồng về nhận thức cũng như đánh giá của các loại khách thể về kết quả thực hiện các hình thức GDVHUX cho HS qua việc tích hợp, lồng ghép giáo dục văn hóa ứng xử vào việc giảng dạy các môn học trong chương trình dạy học ; Qua giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của nhà trường, của địa phương ; Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường góp phần giáo dục văn hóa ứng xử cho HS ; Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại HS theo bộ tiêu chuẩn về văn hóa ứng xử và xếp loại điểm đạo đức ; Nêu gương, khen thưởng các cá nhân, tập thể HS có thành tích phấn đấu ; Kiểm tra, nhắc nhở, uốn nắn, thi hành kỉ luật các HS có hành vi văn hóa ứng xử xấu vi phạm chuẩn mực đạo đức. Có được sự tương đồng trên là xuất phát từ khâu lập kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả. Như vậy có sự thống nhất trong đánh giá của các khách thể về việc thực hiện các hình thức GDVHUX cho HS ở mức cao.

Như vậy việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GDVHUX cho HS ở các hình thức trên được đánh giá cao. Hình thức HS tự đánh giá, tự xếp loại kết quả thấp hơn. Đây là cơ sở thuận lợi cho việc đề ra các biện pháp cũng như việc phối hợp trong quản lý GDVHUX cho HS.

## **2.3. Đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

### **2.3.1. Về ưu điểm**

Các cấp quản lý đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của hoạt động GDVHUX cho HS. Có sự chỉ đạo của Ban Chi ủy, Ban Giám hiệu về việc chủ động xây dựng các kế hoạch giáo dục toàn diện và các kế hoạch GDVHUX cho HS.

Ngay từ đầu các năm học, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của các cấp quản lý và tình hình giáo dục thực tiễn, nhà trường đã chủ động xây dựng hệ thống các văn bản chỉ đạo triển khai nhiệm vụ giáo dục chung trong đó có nhiệm vụ GDVHUX cụ thể, kịp thời và hiệu quả, như: Kế hoạch chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ năm học; Chiến lược phát triển giáo dục theo giai đoạn; Thành lập Ban chỉ đạo và phân công nhiệm vụ các thành viên; Nghị quyết của tổ chức Đảng và Hội nghị cán bộ công chức, viên chức đầu năm; Kế hoạch thực hiện theo từng chủ điểm, đợt thi đua; Bộ tiêu chuẩn và tiêu chí xếp loại đạo đức và tiêu chí thi đua - khen thưởng đối với cán bộ quản lý, đảng viên, GV, NV và HS.

Việc lập kế hoạch đã gắn liền với việc đề ra được các giải pháp thực hiện đảm bảo tính khả thi, hiệu quả nhất.

Quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đã cơ bản đảm bảo được tính đồng bộ, khoa học, sát thực tế, huy động được nhiều bộ phận, lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường cùng tham gia thực hiện.

Kết quả và hiệu quả thực hiện đã bước đầu đem lại hiệu quả thiết thực và tích cực, đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường, đặc biệt là đã xây dựng và duy trì tốt được kỷ cương nề nếp học đường; xây dựng được môi trường giáo dục đảm bảo văn hóa, an toàn; giảm thiểu, đẩy lùi được các biểu hiện tiêu cực về đạo đức, văn hóa ứng xử xảy ra trong quan hệ giữa các thành viên trong nhà trường - nhất là đối với đối tượng HS.

Trong quá trình triển khai thực hiện đều có những giải pháp bổ sung phù hợp nhằm ngày càng nâng cao hơn chất lượng công tác GDVHUX cho HS. Việc tổ chức đã được tiến hành thông qua nhiều hình thức phong phú, hấp dẫn và hiệu quả hơn.

Trong quá trình thực hiện, nhà trường đã chú trọng và có các biện pháp kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất đảm bảo kịp thời, để từ đó đề ra được những giải pháp kịp thời, phù hợp.

Nhà trường đã bước đầu xây dựng được các bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại về đạo đức, lối sống, về văn hóa ứng xử đối với các tập thể, cá nhân GV và HS trong đơn vị tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỷ cương, nề nếp, giáo dục đạo đức trong đơn vị ngày càng tốt hơn

Đã chú ý tăng cường các biện pháp chỉ đạo triển khai kế hoạch, sự phối hợp các lực lượng, huy động CSVC, trang thiết bị phục vụ cho công tác GDVHUX.

Các bộ phận, các đoàn thể, CMHS và HS đã nhận thức được tầm quan trọng của GDVHUX đã chủ động tham gia vào các hoạt động và đánh giá chất lượng GDVHUX của nhà trường.

### **2.3.2. Hạn chế**

Việc nhận thức đầy đủ, thấu đáo và việc nắm vững bản chất lý luận còn hạn chế, nên việc lập kế hoạch ở nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, đó là sự bối rối, thiếu toàn diện, thiếu cơ sở lý luận và thực tiễn. Đặc biệt là ở khâu xây dựng các biện pháp triển khai thực hiện còn chưa thực sự khoa học, chưa có chiều sâu và tầm chiến lược.

Trong các kế hoạch, GDVHUX đều được đề cập tới, nhưng chưa thực sự được coi là một nhiệm vụ trọng tâm và chưa có những giải pháp tương ứng cao. Phần lớn vẫn chỉ là những nhiệm vụ bộ phận trong tổng thể kế hoạch lớn, chưa trở thành một kế hoạch riêng, kế hoạch chuyên sâu.

GDVHUX chưa là một hoạt động độc lập, vẫn mang tính lồng ghép, nên việc bố trí thời gian, các nguồn lực cho hoạt động giáo dục này còn gặp nhiều khó khăn.

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ GDVHUX còn chưa thực sự đồng bộ, toàn diện do nhiều yếu tố, như việc hoạch định kế hoạch, thiếu kinh nghiệm, chưa thường xuyên, chưa sâu sát, thiếu các biện pháp kịp thời và đủ mạnh khi có các tình huống phát sinh.

Sự nhận thức và phối hợp giữa các bộ phận, các lực lượng về GDVHUX còn chưa thường xuyên, chưa nhuần nhuyễn; ý thức chấp hành của một bộ phận không nhỏ của HS chưa tốt, sự nhận thức và phối hợp của nhiều gia đình HS chưa kịp thời,... đã dẫn tới tình trạng vẫn còn có một bộ phận HS vi phạm nề nếp, Nội quy của nhà trường.

Sự tác động, ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội đang ngày càng có nguy cơ xâm lấn, tác động tiêu cực vào HS tuổi học đường. Trong khi nhiều HS chưa được sống trong môi trường giáo dục gia đình tốt, bản thân lứa tuổi chưa có sự đề kháng tốt trước cái xấu, cái tiêu cực, thiếu hiểu biết về kỹ năng sống, giá trị sống,... dẫn tới việc GDVHUX cho HS của các nhà trường còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

Tiêu chí đánh giá về văn hóa ứng xử thường chỉ được lồng ghép hoặc là tiêu chí bộ phận trong hệ thống tiêu chí đánh giá, xếp loại chung (trong đợt, phong trào thi đua, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học) nên hiệu lực và hiệu quả còn chưa cao.

### **2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả quản lý hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

Để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tác giả đã thực hiện bảng khảo sát sau đối với 37 CBQL, GV và NV:

**Bảng 2.12. Các yếu tố ảnh hưởng tới kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS**

TT	Nội dung đánh giá	Mức độ ảnh hưởng					
		Rất ảnh hưởng		Ảnh hưởng		Ít ảnh hưởng	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Năng lực quản lý của Hiệu trưởng	31	83,78	5	13,51	1	2,70
2	Năng lực tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS của đội ngũ giáo viên, nhân viên	25	67,57	10	27,03	2	5,41
3	Môi trường văn hóa	25	67,57	11	29,73	1	2,70
4	Sự chủ động, tích cực, tự giác và ý thức tự rèn luyện VHUX của HS	26	70,27	9	24,32	2	5,41
5	Sự phối giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong việc quản lý hoạt động GDVHUX cho HS	17	45,95	14	37,84	5	13,51
6	Điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện tổ chức hoạt động giáo dục	25	67,57	10	27,03	2	5,41

Kết quả khảo sát cho thấy: Năng lực quản lý của Hiệu trưởng có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS (*Mức rất ảnh hưởng 83,78% trong khi đánh giá ít ảnh hưởng 2,7%*). Sự chủ động, tích cực, tự giác và ý thức tự rèn luyện VHUX của HS cũng có ảnh hưởng lớn đến kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS (*Mức độ rất ảnh hưởng 70,27%*). Năng lực tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS của đội ngũ giáo viên, nhân viên (*Mức độ rất ảnh hưởng 67,57%*), điều này cũng phản ánh đúng thực tế ở trường PTDTNT ngoài lực lượng giáo viên (được đào tạo bài bản về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm) còn đông đảo lực lượng nhân viên (trên 40% viên chức, người lao động của nhà trường) làm các công việc Kế toán, Văn thư, Giáo vụ, Thư viện, Thiết bị - Thí nghiệm, Y tế, Cấp dưỡng, Bảo vệ, Lao công do đó năng lực tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS còn nhiều hạn chế; Khó khăn lớn nhất là thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong việc quản lý hoạt động GDVHUX cho HS (*Mức độ rất ảnh hưởng 45,95%*), đây cũng là một thực tế vì CMHS đều là người DTTS, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên phụ huynh còn mãi lo làm ăn, ít có điều kiện quan tâm, giáo dục con cái.

Kết quả khảo sát trên phù hợp với thực tế cũng như lý luận về GDVHUX, bởi vì trong quá trình giáo dục, nhân tố quyết định hiệu quả chính là hoạt động nhận thức, hoạt động tự tu dưỡng, rèn luyện của người học. Năng lực quản lý của Hiệu trưởng, năng lực của đội ngũ GV, NV có ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng hiệu quả của việc GDVHUX cho HS. Ngoài ra, các yếu tố năng lực của đội ngũ, môi trường văn hóa, điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện tổ chức hoạt động giáo dục cũng được đề cập đến, song những yếu tố này có thể khắc phục được trong quá trình quản lý hoạt động GDVHUX cho HS.



## **Kết luận chương 2**

Qua điều tra thực trạng GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tác giả thấy nhà trường đã tổ chức nhiều nội dung GDVHUX cho HS, vận dụng tương đối linh hoạt các phương pháp, phương tiện để GDVHUX cho HS, kết quả của HS cơ bản đáp ứng được sự đòi hỏi của xã hội và của cha mẹ HS. Song vẫn còn một bộ phận HS có những hành vi, ứng xử thiếu chuẩn mực. Đồng thời trong chương 2 tác giả đã nêu được thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS ở trường PTDTNT THCS Đại Từ trên nhiều góc độ: Thực trạng xây dựng kế hoạch; Thực trạng tổ chức thực hiện; Thực trạng chỉ đạo triển khai; Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS,... Thực trạng này là cơ sở, nền tảng để tác giả đưa ra những biện pháp quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên trong chương 3.

### **Chương 3**

## **BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VĂN HÓA ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TRUNG HỌC CƠ SỞ ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

### **3.1. Nguyên tắc đề xuất các biện pháp**

#### ***3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo phù hợp với mục đích giáo dục và đào tạo nói chung và mục tiêu giáo dục của nhà trường***

Các biện pháp giáo dục phải xuất phát và phù hợp với quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hoá, giáo dục trong thời kì CNH, HĐH, hội nhập hiện nay đồng thời phải xuất phát từ mục tiêu GD&ĐT, đặc thù của trường PTDTNT THCS Đại Từ và căn cứ vào chương trình đào tạo, đặc điểm tâm sinh lý của HS và những điều kiện về kinh tế - xã hội, cụ thể là các điều kiện về cơ sở vật chất, tâm lý, tập quán cho việc thực hiện áp dụng các biện pháp.

#### ***3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống***

Các biện pháp đưa ra cần đảm bảo tính hệ thống, được xác định trên một trục thống nhất là: Hướng vào bộ mặt đạo đức, VHUX của HS, giúp HS biết cách ứng xử có văn hoá. Hơn thế, các biện pháp đưa ra nằm trong một mối quan hệ chặt chẽ với nhau, biện pháp này là tiền đề, cơ sở cho biện pháp kia và kế thừa lẫn nhau.

Bên cạnh đó cần xác định giáo dục đạo đức nói chung, GDVHUX nói riêng cho con người là quá trình diễn ra liên tục, thường xuyên, chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên các biện pháp giáo dục phải phát huy được tiềm năng, ảnh hưởng tích cực của các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường; tạo ra sự thống nhất giữa quá trình giáo dục của nhà trường với giáo dục xã hội và gia đình của HS; làm cho những đối tượng từ chỗ nhận thức đúng đắn về vai trò của GDVHUX đi đến chủ động phối hợp trong tổ chức, thực hiện, rèn luyện cho mình có những hành vi văn hoá phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội quy định.

#### ***3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa***

Các biện pháp đưa ra dựa trên cơ sở xem xét, kế thừa những thành tựu đã đạt được trong việc nghiên cứu lý luận trước đây, và dựa trên cơ sở tổng kết các kinh nghiệm thực tiễn trong VHUX của người Việt Nam nói chung, của HS nói riêng.

Đánh giá tính hiệu quả của những biện pháp giáo dục đã được sử dụng nhằm chất lọc và kế thừa những điểm mạnh có thể để từ đó xây dựng, phát triển, hoàn thiện chúng trong điều kiện hiện nay.

#### **3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi**

Khi lựa chọn sử dụng một phương pháp nào đó, cần cân nhắc đến các điều kiện có thể đáp ứng cho biện pháp đó và hiệu quả mà biện pháp đem lại.

Việc sử dụng các biện pháp trong quá trình GDVHUX cho HS không được phép gây ra những ảnh hưởng đến giá trị bản sắc văn hoá dân tộc của người Việt Nam.

### **3.2. Biện pháp quản lý giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

#### **3.2.1. Biện pháp 1: Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh về tầm quan trọng của giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh**

##### **3.2.1.1. Mục tiêu biện pháp**

Nhằm nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ CBQL, GV, NV các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, các lực lượng liên quan về công tác GDVHUX cho HS, làm cho họ thấy rõ tầm quan trọng và sự cấp thiết của hoạt động GDVHUX cho HS trong giai đoạn hiện nay. Từ đó nâng cao tinh thần trách nhiệm, tích cực tham gia hoạt động nhằm góp phần nâng cao chất lượng GDVHUX cho HS nói riêng và chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường nói chung.

##### **3.2.1.2. Nội dung biện pháp**

Đối với cán bộ quản lý: Phải quán triệt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương. Các Quy chế của Bộ GD&ĐT, Văn bản chỉ đạo của Sở GD&ĐT Thái Nguyên về công tác GDVHUX cho HS, giáo dục tư tưởng chính trị và công tác quản lý GDVHUX cho HS trong nhà trường. Đối với cán bộ Đoàn - Đội: Phải nắm bắt mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính quyền, của các cơ quan,... để có định hướng hoạt động xuyên suốt trong năm học với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, thiết thực nhằm góp phần GDVHUX cho HS.

Đối với GV giảng dạy: Nâng cao ý thức trách nhiệm GDVHUX cho HS thông qua bài giảng trên lớp và cách ứng xử, lối sống gương mẫu và chuẩn mực của người thầy.

Đối với GV chủ nhiệm: Một trong những lực lượng trực tiếp GDVHUX có vai trò quan trọng trong quá trình hoàn thiện nhân cách HS, GVCN là người thay Hiệu trưởng quản lý HS một lớp học. Vì vậy GVCN phải có nhận thức đúng đắn về mục tiêu giáo dục và tầm quan trọng của việc GDVHUX cho HS. Từ đó vận dụng linh hoạt các phương pháp và kinh nghiệm để GDVHUX cho HS.

#### *3.2.1.3. Cách tiến hành biện pháp*

Từ đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng phải có kế hoạch cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ:

Việc GDVHUX cho HS là trách nhiệm của tất cả cán bộ GV nhà trường và của Ban đại diện CMHS.

Tổ chức hội thảo, tọa đàm về hoạt động GDVHUX để các thành viên trao đổi chia sẻ kinh nghiệm và học tập kinh nghiệm thực tế của đồng nghiệp.

Thông tin tới các lực lượng tham gia GDVHUX về tình hình KT-XH của địa phương, các thông tin về HS: Kết quả giáo dục năm trước, chất lượng đầu vào, phân tích các kết quả đó.

Chính quyền kết hợp với Công đoàn tuyên truyền vận động cán bộ GV tham gia GDVHUX cho HS. Phát động phong trào thi đua xuyên suốt năm học: ví dụ như: “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương về đạo đức, tự học và sáng tạo”.

Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, các hoạt động ngoại khóa, phát động các đợt thi đua chào mừng các ngày: 20/10; 20/11; 03/02; 26/3; 19/5... với nhiều hình thức hoạt động phong phú, đa dạng, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ GV về GDVHUX cho HS xuyên suốt năm học.

#### *3.2.1.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Phải có sự chỉ đạo, định hướng của chi bộ Đảng, sự quản lý điều hành của Ban giám hiệu, sự đồng tình của toàn bộ cán bộ công NV trong trường, các đoàn thể trong nhà trường phải phối hợp đồng bộ, sự cộng tác nhiệt tình và có chất lượng của Ban đại diện CMHS.

Có kinh phí và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động GDVHUX cho HS.

Tổ chức bộ máy phải đảm bảo tính đồng bộ, đảm bảo tập trung dân chủ và ổn định cao, tập thể hội đồng giáo dục phải thể hiện sự đoàn kết, nhất trí thực hiện nhiệm vụ.

### **3.2.2. Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên năng lực giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh**

#### **3.2.2.1. Mục tiêu biện pháp**

Giúp GV nhận thức đúng đắn, đầy đủ về mục tiêu, ý nghĩa và vai trò của hoạt động GDVHUX cho HS, trang bị, cập nhật, nâng cao kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS, có khả năng thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức, thu hút đông đảo HS tham gia, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động GDVHUX cho HS của nhà trường.

#### **3.2.2.2. Nội dung biện pháp**

Làm cho mỗi GV nhận ra một cách đầy đủ, sâu sắc các vấn đề liên quan đến phát triển chuyên môn của mình.

GV cần hiểu đúng và áp dụng được phương pháp giáo dục mới vào thực tế giảng dạy hàng ngày.

Đổi mới cách tiếp cận và phương thức tổ chức thực hiện sinh hoạt chuyên môn ở nhà trường. Tạo cơ hội cho GV được thường xuyên tham gia sinh hoạt chuyên môn.

Nêu cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các lực lượng. Phát huy tính tự học, sáng tạo của các cá nhân. Khuyến khích cá nhân có khả năng tổ chức, phát huy hiệu quả các nguồn lực của nhà trường.

Đưa ra và sử dụng các biện pháp quản lý một cách hiệu quả.

#### **3.2.2.3. Cách tiến hành biện pháp**

Lập kế hoạch bồi dưỡng GV dựa trên năng lực và các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng cá nhân, từng công việc.

Cử cán bộ GV tham gia các lớp nghiệp vụ, các đợt tập huấn do cấp trên tổ chức. Tạo điều kiện cho cán bộ đi học các lớp đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp.

Tự mở các chuyên đề bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng hoạt động, kinh nghiệm GDVHUX cho HS cho đội ngũ CBGV.

#### **3.2.2.4. Điều kiện thực hiện biện pháp**

Phải xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và đào tạo cán bộ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được yêu cầu, tình hình thực tế tại đơn vị.

Tạo điều kiện về tài chính và thời gian hợp lý cho việc nâng cao nghiệp vụ và kích thích sự hăng say công việc của cán bộ.

Mỗi cá nhân phải xác định việc thường xuyên tự học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực công tác của bản thân.

### **3.2.3. Biện pháp 3: Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh**

#### **3.2.3.1. Mục tiêu biện pháp**

Tạo sự thống nhất cao giữa các lực lượng trong và ngoài nhà trường về GDVHUX cho HS, phát huy sức mạnh tổng hợp, khai thác tiềm năng của các lực lượng chính trị - xã hội trong việc GDVHUX cho HS nhằm đạt mục tiêu giáo dục.

#### **3.2.3.2. Nội dung biện pháp**

Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để quản lý giáo dục đạo đức cho HS gồm:

- Tăng cường phối hợp các tổ chức, thành viên trong nhà trường, tạo sự thống nhất từ mục đích, nội dung, phương pháp hình thức thực hiện đến đánh giá đạo đức trong đó có đánh giá văn hoá ứng xử của HS. Phân công và chỉ rõ vai trò nhiệm vụ từng tập thể, cá nhân.

- Tăng cường phối hợp giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội trong chỉ đạo quản lý và giáo dục đạo đức, GDVHUX cho HS.

#### **3.2.3.3. Cách tiến hành biện pháp**

Phối hợp các lực lượng trong nhà trường.

Quán triệt mục tiêu, nội dung, phương pháp quản lý giáo GDVHUX phân công rõ trách nhiệm của tập thể, từng thành viên:

Hiệu trưởng:

Chịu trách nhiệm chính, tiếp thu các văn bản, hướng dẫn của cấp trên để xây dựng các kế hoạch thực hiện.

Chỉ đạo chung mọi hoạt động nhằm khai thác hiệu quả GDVHUX.

Tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục, thực hiện nhiệm vụ giáo dục chung trong Nhà trường và GDVHUX nói riêng.

Phó Hiệu trưởng: (Phụ trách trực tiếp GDVHUX) giúp Hiệu trưởng theo dõi giám sát kết quả GDVHUX, trực tiếp cố vấn cho Ban đại diện CMHS, liên hệ trực tiếp với các lực lượng tham gia GDVHUX ngoài nhà trường để phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Chủ tịch công đoàn nhà trường: Phó ban thi đua của nhà trường, chịu trách nhiệm phát động các đợt thi đua, các cuộc vận động, phát huy vai trò gương mẫu về đạo đức, tác phong, ứng xử, xây dựng nếp sống sư phạm lành mạnh, phát động phong trào xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường.

Bí thư Đoàn thanh niên, Tổng phụ trách Đội thiếu niên:

Chỉ đạo, quản lý trực tiếp phong trào thi đua của HS.

Tổ chức các hoạt động sinh hoạt tập thể, cùng ban chuyên môn phụ trách các hoạt động ngoài giờ lên lớp, bồi dưỡng, giáo dục các chuẩn mực đạo đức, văn hoá ứng xử cho HS.

GV chủ nhiệm: Với đặc thù của HS trường PTDTNT THCS, 100% HS ăn, ở, sinh hoạt và học tập tại trường, các em lại đang ở độ tuổi “*dậy thì*” như vậy thì vai trò của nhà trường, của GV chủ nhiệm là vô cùng quan trọng.

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng giáo dục, trước Hiệu trưởng về chất lượng GDVHUX cho HS. GV chủ nhiệm là quản lý giáo dục và một nhà lãnh đạo của tập thể lớp được phân công. GVCN không chỉ quản lý về mặt hành chính: Như tên tuổi, hoàn cảnh gia đình, trình độ các hoàn cảnh đặc của HS mà còn dự báo được xu hướng phát triển nhân cách của HS từ đó có phương hướng tổ chức dạy học, giáo dục đạo đức, GDVHUX phù hợp với điều kiện khả năng của mỗi HS.

Tổ chức tập thể lớp thành một lực lượng giáo dục, GVCN đóng vai trò là cố vấn, huấn luyện khả năng tự quản của HS.

GVCN là cầu nối giữa tập thể lớp với gia đình HS, giữa nhà trường với gia đình HS.

GV bộ môn: Trong quá trình giảng dạy phải tích hợp việc dạy tri thức và giáo dục ý thức HS, hình thành nhân cách phát triển tình cảm, văn hoá ứng xử cho HS. Mỗi thầy cô phấn đấu là tấm gương sáng về đạo đức, tự học và sáng tạo cho HS.

Phối hợp với các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường: Các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường gồm có: Gia đình HS, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, công an, đoàn thanh niên địa phương, các đơn vị kết nghĩa, hội cựu chiến binh,...

Với gia đình HS:

Gia đình là môi trường sống, môi trường giáo dục các em từ nhỏ cho tới suốt cuộc đời, gia đình là “trường học” đầu tiên của HS, cũng sẽ là trường học suốt đời của HS.

Trong năm học nhà trường tổ chức họp với phụ huynh định kỳ ít nhất 3 lần/năm với các nội dung định hướng sẵn: Đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của các em ở trường, nêu rõ sự tiến bộ hoặc khó khăn của từng em trong hoạt động ở trường ở lớp, xác định nhiệm vụ, nội dung, phương pháp giáo dục thống nhất giữa nhà trường và gia đình các biện pháp giáo dục, phải thường xuyên trao đổi trực tiếp với phụ huynh HS hoặc gặp gỡ trực tiếp để tìm các biện pháp tháo gỡ.

Với Ban đại diện CMHS:

Ban đại diện CMHS là cầu nối giữa nhà trường với các gia đình HS, là đại diện mang tiếng nói của phụ huynh với nhà trường và ngược lại. Ban đại diện CMHS nắm được các kế hoạch giáo dục của nhà trường tham gia vào các hoạt động giáo dục đạo đức, GDVHUX của nhà trường, đồng thời là tổ chức hỗ trợ một phần kinh phí hoạt động trong nhà trường nói chung và hoạt động GDVHUX nói riêng.

Ban đại diện CMHS có nhiệm vụ tham mưu trong việc xếp loại hạnh kiểm HS, trong việc đánh giá văn hoá ứng xử của các em, lập kế hoạch hoạt động của Ban trong năm, hỗ trợ cơ sở vật chất, tham gia hoạt động ngoại khóa, khen thưởng kỷ luật HS.

Phối hợp với các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Công an ở địa phương: Nhà trường tham mưu cho cấp ủy Đảng, Chính quyền để tranh thủ sự giúp đỡ của các cấp, chỉ đạo đường lối, tạo hành lang pháp lý, tạo cơ sở vật chất cho nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục.

Nhà trường tổ chức các buổi ký cam kết xây dựng nền nếp kỷ cương, cam kết không vi phạm các tệ nạn xã hội với công an, chính quyền địa phương.

Kết hợp với công an tổ chức tuyên truyền về pháp luật, an toàn giao thông, phòng chống các tệ nạn xã hội, ngăn chặn các hành vi xấu của HS.

Phối hợp với các tổ chức quần chúng ở địa bàn dân cư, với các tổ chức xã hội làm tốt công tác GDVHUX.

#### *3.2.3.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Hiệu trưởng cùng với các bộ phận giúp việc phải có kế hoạch thống nhất sự phối hợp giữa các lực lượng một cách khoa học hợp lý từ nội dung phối hợp, các hình thức hoạt động ở thời gian cụ thể.



Các lực lượng tham gia giáo dục đều phải thấm nhuần nguyên lý giáo dục: Kết hợp chặt chẽ 3 môi trường giáo dục Gia đình - Nhà trường - Xã hội.

Tạo điều kiện về mặt thời gian và cơ chế hợp lý để phát huy tính chủ động tự giác của các tổ chức, cá nhân thì kết quả hoạt động phối hợp mới đạt kết quả cao.

#### **3.2.4. Biện pháp 4: Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục văn hóa ứng xử cho học sinh**

##### *3.2.4.1. Mục tiêu biện pháp*

Nhằm tạo ra các môi trường khác nhau để HS được trải nghiệm nhiều nhất, để các em thể hiện hết khả năng sáng tạo của mình, phát huy tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo cho HS.

Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục tạo ra cơ hội cho HS được kinh qua thực tế, tham gia vào hoặc tiếp xúc đến sự vật hoặc sự kiện nào đó và tạo ra những giá trị mới về vật chất hoặc tinh thần, tìm ra cái mới, cách giải quyết mới không bị gò bó, phụ thuộc vào cái đã có.

Nhằm định hướng, tạo điều kiện cho HS quan sát, suy nghĩ và tham gia các hoạt động thực tiễn, qua đó tổ chức khuyến khích, động viên và tạo điều kiện cho các em tích cực nghiên cứu, tìm ra những giải pháp mới, sáng tạo những cái mới trên cơ sở kiến thức đã học trong nhà trường và những gì đã trải qua trong thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức, phẩm chất, kỹ năng sống và năng lực cho HS.

##### *3.2.4.2. Nội dung biện pháp*

Các hoạt động có nội dung rất đa dạng và mang tính tích hợp, tổng hợp kiến thức, kỹ năng của nhiều môn học, nhiều lĩnh vực học tập và giáo dục như: GD VHUX, GD đạo đức, GD trí tuệ, GD kỹ năng sống, GD giá trị sống, GD nghệ thuật, thẩm mỹ, GD thể chất, GD lao động, GD an toàn giao thông, GD môi trường, v.v...

Nội dung của các hoạt động thiết thực và gần gũi với cuộc sống thực tế, đáp ứng được nhu cầu hoạt động của HS, giúp các em vận dụng những hiểu biết của mình vào trong thực tiễn cuộc sống một cách dễ dàng, thuận lợi. Các hoạt động có thể tổ chức theo các quy mô khác nhau như: theo nhóm, theo lớp, theo khối lớp, theo trường. Tuy nhiên, tổ chức theo quy mô nhóm và quy mô lớp có ưu thế hơn về nhiều mặt như đơn giản, không tốn kém, mất ít thời gian, HS tham gia được nhiều hơn và

có nhiều khả năng hình thành, phát triển các năng lực cho HS hơn. Các hoạt động có khả năng thu hút sự tham gia, phối hợp, liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Bí thư Chi Đoàn, Tổng phụ trách Đội, Ban Giám hiệu nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở địa phương, các nhà hoạt động xã hội, những nghệ nhân, những người lao động tiêu biểu ở địa phương,...

#### *3.2.4.3. Cách tiến hành biện pháp*

Các hoạt động được tiến hành song song với hoạt động dạy học trong nhà trường, là một bộ phận của quá trình giáo dục, được tổ chức ngoài giờ học các môn văn hóa ở trên lớp và có mối quan hệ bổ sung, hỗ trợ cho hoạt động dạy học, thông qua các hoạt động thực hành, những việc làm cụ thể và các hành động của HS. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động GD có mục đích, có tổ chức, được thực hiện trong hoặc ngoài nhà trường nhằm phát triển, nâng cao các tố chất và tiềm năng của bản thân HS, nuôi dưỡng ý thức sống tự lập, đồng thời quan tâm, chia sẻ tới những người xung quanh. Thông qua việc tham gia vào các hoạt động, HS được phát huy vai trò chủ thể, tính tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo của bản thân. Các em được chủ động tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động: từ thiết kế hoạt động đến chuẩn bị, thực hiện và đánh giá kết quả hoạt động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi và khả năng của bản thân. Các em được trải nghiệm, được bày tỏ quan điểm, ý tưởng, được đánh giá và lựa chọn ý tưởng hoạt động, được thể hiện, tự khẳng định bản thân, được tự đánh giá và đánh giá kết quả hoạt động của bản thân, của nhóm mình và của bạn bè, v.v... Từ đó, hình thành và phát triển cho các em những giá trị sống và các năng lực cần thiết. Các hoạt động về cơ bản mang tính chất của hoạt động tập thể trên tinh thần tự chủ, với sự nỗ lực giáo dục nhằm phát triển khả năng sáng tạo và cá tính riêng của mỗi cá nhân trong tập thể.

Các hoạt động được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau như hoạt động câu lạc bộ, tổ chức trò chơi, diễn đàn, sân khấu tương tác, tham quan ngoại khóa, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, sân khấu hóa (kịch, thơ, hát, múa rối, tiểu phẩm,

kịch tham gia,...), thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội,... Mỗi hình thức hoạt động trên đều mang ý nghĩa giáo dục nhất định. Dưới đây là một số hình thức tổ chức.

*Hình thức tổ chức hoạt động câu lạc bộ.*

Tạo môi trường giao lưu thân thiện, tích cực giữa các HS với nhau và giữa HS với thầy cô giáo, với những người lớn khác. HS được chia sẻ những kiến thức, hiểu biết của mình về các lĩnh vực mà các em quan tâm, qua đó phát triển các kỹ năng của HS như: kỹ năng giao tiếp, ứng xử, kỹ năng lắng nghe và biểu đạt ý kiến, kỹ năng trình bày suy nghĩ, ý tưởng, kỹ năng viết bài, kỹ năng hợp tác, làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, v.v... Thông qua hoạt động của các CLB, GV hiểu thêm và quan tâm nhiều hơn đến nhu cầu, nguyện vọng mục đích chính đáng của học sinh.

*Hình thức tổ chức trò chơi:*

Trò chơi giúp phát huy tính sáng tạo, hấp dẫn và gây hứng thú cho HS; giúp HS dễ tiếp thu kiến thức mới; giúp chuyển tải nhiều tri thức của nhiều lĩnh vực khác nhau; tạo được bầu không khí thân thiện; tạo cho các em tác phong nhanh nhẹn,...

*Hình thức tổ chức diễn đàn:*

Thông qua diễn đàn, HS có cơ hội bày tỏ suy nghĩ, ý kiến, quan niệm hay những câu hỏi, đề xuất của mình về một vấn đề nào đó có liên quan đến nhu cầu, hứng thú, nguyện vọng của các em. Đây cũng là dịp để các em biết lắng nghe ý kiến, chia sẻ, học tập lẫn nhau.

Qua các diễn đàn, thầy cô giáo, cha mẹ HS và những người lớn có liên quan nắm bắt được những băn khoăn, lo lắng và mong đợi của các em về bạn bè, thầy cô, nhà trường và gia đình,... tăng cường mối quan hệ giữa GV với HS, giữa HS với HS.

*Hình thức tổ chức sân khấu tương tác:*

Mục đích của hoạt động này là nhằm tăng cường nhận thức, thúc đẩy để HS đưa ra quan điểm, suy nghĩ và cách xử lý tình huống thực tế gặp phải trong bất kỳ nội dung nào của cuộc sống. Tạo cơ hội cho HS rèn luyện những kỹ năng như: kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng phân tích vấn đề, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, khả năng sáng tạo khi giải quyết tình huống và khả năng ứng phó với những thay đổi của cuộc sống,...

### *Hình thức tổ chức tham quan, ngoại khóa:*

Tham quan, ngoại khóa là để các em HS được đi thăm, tìm hiểu và học hỏi kiến thức, tiếp xúc với các di tích lịch sử, văn hóa, công trình, nhà máy, ... ở xa nơi các em đang sống, học tập, giúp các em có được những kinh nghiệm thực tế, từ đó có thể áp dụng vào cuộc sống của chính các em. Nội dung tham quan, ngoại khóa có tính giáo dục tổng hợp đối với HS như: Giáo dục lòng yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước, giáo dục truyền thống cách mạng, truyền thống lịch sử, truyền thống của Đảng, của Đoàn, của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, ...

### *Hình thức tổ chức hội thi/cuộc thi:*

Nhằm lôi cuốn HS tham gia một cách chủ động, tích cực vào các hoạt động giáo dục của nhà trường; đáp ứng nhu cầu về vui chơi giải trí cho HS; thu hút tài năng và sự sáng tạo của HS; phát triển khả năng hoạt động tích cực và tương tác của HS, góp phần bồi dưỡng cho các em động cơ học tập tích cực, kích thích hứng thú trong quá trình nhận thức. Hội thi/cuộc thi có thể được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thi vẽ, thi viết, thi tìm hiểu, thi đố vui, thi giải ô chữ, thi tiểu phẩm, thi thời trang, thi kể chuyện, thi kể chuyện theo tranh, hội thi học tập, hội thi thời trang dân tộc, hội thi HS thanh lịch, v.v... có nội dung giáo dục về một chủ đề nào đó. Nội dung của hội thi rất phong phú, bất cứ nội dung giáo dục nào cũng có thể được tổ chức dưới hình thức hội thi/cuộc thi. Điều quan trọng khi tổ chức hội thi là phải linh hoạt, sáng tạo khi tổ chức thực hiện, tránh máy móc thì cuộc thi mới hấp dẫn.

### *Hình thức tổ chức sự kiện:*

Tạo cơ hội cho HS được thể hiện những ý tưởng, khả năng sáng tạo của mình, thể hiện năng lực tổ chức hoạt động, thực hiện và kiểm tra giám sát hoạt động. Thông qua hoạt động tổ chức sự kiện HS được rèn luyện tính tỉ mỉ, chi tiết, đầu óc tổ chức, tính năng động, nhanh nhẹn, kiên nhẫn, có khả năng thiết lập mối quan hệ tốt, có khả năng làm việc theo nhóm, có sức khỏe và niềm đam mê. Khi tham gia tổ chức sự kiện HS sẽ thể hiện được sức bền cũng như khả năng chịu được áp lực cao của mình. Ngoài ra, các em còn phải biết ứng xử trong mọi tình huống bất kì xảy đến. Các sự kiện HS có thể tổ chức trong nhà trường như: Lễ khai mạc, lễ nhập học, lễ tốt nghiệp, lễ kỉ niệm, buổi giới thiệu, hội diễn nghệ thuật, Đại hội thể dục thể thao, hoạt động học tập thực tế, hoạt động tìm hiểu về di sản văn hóa, về phong tục tập quán, v.v...

#### *Hình thức tổ chức hoạt động giao lưu:*

Nhằm tạo ra các điều kiện cần thiết để cho HS được tiếp xúc, trò chuyện và trao đổi thông tin với những nhân vật điển hình trong các lĩnh vực hoạt động nào đó. Qua đó, giúp các em có tình cảm và thái độ, cách ứng xử phù hợp, có được những lời khuyên đúng đắn để vươn lên trong học tập, rèn luyện và hoàn thiện nhân cách.

#### *Hình thức tổ chức hoạt động chiến dịch:*

HS có cơ hội khẳng định mình trong cộng đồng, qua đó hình thành và phát triển ý thức “*mình vì mọi người, mọi người vì mình*”. Việc HS tham gia các hoạt động chiến dịch nhằm tăng cường sự hiểu biết và sự quan tâm của HS đối với các vấn đề xã hội như vấn đề môi trường, an toàn giao thông, an toàn xã hội,... giúp HS có ý thức hành động vì cộng đồng; tập dượt cho HS tham gia giải quyết những vấn đề xã hội; phát triển ở HS một số kỹ năng cần thiết như kỹ năng hợp tác, kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng đánh giá và kỹ năng ra quyết định.

#### *Hình thức tổ chức hoạt động nhân đạo/ từ thiện*

Là hoạt động tác động đến trái tim, tình cảm, sự đồng cảm của HS trước những con người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Thông qua hoạt động nhân đạo, HS biết thêm những hoàn cảnh khó khăn của người nghèo, người nhiễm chất độc da cam, trẻ em mồ côi, người tàn tật, khuyết tật, người già cô đơn không nơi nương tựa, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, những đối tượng dễ bị tổn thương trong cuộc sống,... để kịp thời giúp đỡ, giúp họ từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống, vươn lên hòa nhập với cộng đồng. Hoạt động nhân đạo giúp các em HS được chia sẻ những suy nghĩ, tình cảm và giá trị vật chất của mình với những thành viên trong cộng đồng, giúp các em biết quan tâm hơn đến những người xung quanh từ đó giáo dục các giá trị cho HS như: tiết kiệm, tôn trọng, chia sẻ, cảm thông, yêu thương, trách nhiệm,... Hoạt động nhân đạo được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như: Thắp sáng niềm tin - Tiếp sức em tới trường, Tết vì người nghèo, Áo ấm tặng bạn, Xuân trao yêu thương; Vì nạn nhân chất độc da cam, ...

#### *3.2.4.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Nhà trường cần tạo được sự đồng thuận, khơi gợi được tính tự giác, tích cực, lòng nhiệt tình và sức sáng tạo của CBQL, GV, NV và HS trong xây dựng, đa dạng các hình thức tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS.

Tạo điều kiện thuận lợi về vật lực, tài lực để tổ chức các hoạt động theo hướng tăng cường các nội dung GDVHUX cho HS.

### **3.2.5. Biện pháp 5: Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh**

#### **3.2.5 1. Mục tiêu biện pháp**

Tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, thuận lợi hỗ trợ việc dạy và học, khuyến khích GV, HS nỗ lực trong giảng dạy, học tập đạt thành tích mong đợi.

Môi trường giáo dục bao hàm các điều kiện vật chất và tinh thần chứa đựng hệ thống các giá trị của hoạt động giáo dục, tạo nên niềm tin, giá trị về thái độ của các thành viên tham gia vào hoạt động này trong trường học và ảnh hưởng đến quá trình giáo dục.

Những điều kiện vật chất của môi trường văn hóa giáo dục bao gồm các điều kiện tự nhiên nơi trường đóng, cơ sở vật chất cho mọi hoạt động của trường, trong đó nổi bật là cơ sở vật chất của hoạt động dạy và học.

Những yếu tố tinh thần của môi trường văn hóa giáo dục bao gồm bầu không khí tâm lý trong trường, những nét truyền thống, các giá trị cùng với quan niệm và thái độ của thầy/cô giáo và học sinh trong hoạt động dạy học, trong các quan hệ, cung cách ứng xử của các thành viên, quan điểm chỉ đạo của cán bộ quản lý, ... Quan điểm chỉ đạo này có ảnh hưởng đến mọi yếu tố phi vật chất và chi phối mối quan hệ của nó với những yếu tố vật chất trong môi trường văn hóa giáo dục.

Phát triển môi trường giáo dục là quá trình hoạch định các giá trị và xây dựng chuẩn cho các hoạt động giáo dục, phát triển các giá trị và chuẩn này nhằm gia tăng vai trò điều tiết của chúng đối với nhận thức và hành vi của các cá nhân, nhà trường.

Nội dung phát triển môi trường giáo dục bao gồm: Hoạch định giá trị và định chuẩn cho các hoạt động giáo dục; giáo dục giá trị và phát triển chuẩn.

Phát triển chuẩn là một quá trình bao gồm nhiều nội dung và được thực hiện bởi những bước xác định. Khi đã xây dựng được chuẩn cho các hoạt động, chủ thể quản lý sẽ thực hiện phổ biến chuẩn, tiếp đó quản lý việc thực hiện chuẩn và cuối cùng là đánh giá việc thực hiện chuẩn.

### 3.2.5.2. Nội dung biện pháp

Đánh giá lại mục tiêu của nhà trường: Xem xét lại các mục tiêu hoạt động và vị thế của nhà trường trong môi trường hiện tại và xu hướng trong tương lai. Cần đưa ra tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục của nhà trường.

Nhận diện môi trường giáo dục hiện tại của nhà trường: Thu thập thông tin và phân tích về hiện trạng môi trường giáo dục nhà trường, xác định các giá trị truyền thống, tìm ra sự kết nối mục tiêu, mong muốn và hành động,... là bước khởi đầu của quá trình xây dựng môi trường giáo dục nhà trường. Nội dung thông tin cần tập trung vào việc hiểu về bản chất của môi trường giáo dục nhà trường, ảnh hưởng của môi trường giáo dục nhà trường đến đời sống và hoạt động của các thành viên trong trường.

Thông nhất nhận thức về môi trường giáo dục trong nhà trường: Cung cấp, chia sẻ thông tin cho toàn thể các thành viên của nhà trường, sau đó thảo luận để thống nhất ý kiến.

Nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến môi trường giáo dục nhà trường: Tình hình địa phương; Kinh tế và nhu cầu phát triển; Sứ mệnh của nhà trường; Điều kiện vật chất cho thực thi; Năng lực của lãnh đạo, quản lý; ...

Xây dựng quy chế văn hóa cho nhà trường: Dự thảo quy chế; Lấy ý kiến đóng góp cho dự thảo quy chế và ban hành.

Rà soát, hoàn chỉnh hệ thống quy trình, thủ tục làm việc.

Hoàn thiện hoạt động quản lý và phát triển nguồn nhân lực: Phân công công việc và các tiêu chuẩn đánh giá thực thi đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Hình thành chuẩn mực giao tiếp liên nhân cách: Giao tiếp, ứng xử cần đảm bảo nguyên tắc tôn trọng, bình đẳng, công khai, tin cậy, hợp tác, ...

Hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý: Nhằm cung cấp các thông tin chính xác và kịp thời cho quá trình ban hành và tổ chức thực hiện các quyết định quản lý.

Xây dựng các hình mẫu: Điển hình tiên tiến, tấm gương tiêu biểu,...

Phát huy năng lực và vai trò làm gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý: Văn hóa quản lý, quyền lực và uy tín, phân cấp trong quản lý,...

### 3.2.5.3. Cách tiến hành biện pháp

Tích cực công tác tham mưu với lãnh đạo các cấp, tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục nhằm huy động nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học, cải tạo cảnh quan nhà trường.

Xây dựng quy chế sử dụng tài sản công, nêu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả các thành viên trong trường. Đồng thời, thường xuyên rà soát, sửa chữa cơ sở vật chất, bổ sung các thiết bị dạy học theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nhu cầu thiết yếu trước.

Quy định mỗi CBQL, GV, NV trong trường đều có bản mô tả công việc rõ ràng, cụ thể thể hiện rõ trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ.

Xây dựng bầu không khí dân chủ: Cởi mở, hợp tác, cùng chia sẻ hỗ trợ lẫn nhau; mọi người đều được tôn trọng, luôn được coi trọng và có cơ hội thể hiện, phát triển khả năng của mình;

Xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá, khen thưởng hợp lý thúc đẩy mọi người nỗ lực làm việc;

Tăng cường dự giờ, trao đổi chuyên môn với GV đứng lớp về cách dạy và học;

Làm cho HS biết là các em được yêu thương, được quan tâm chăm sóc;

Cố gắng bảo đảm cho HS có một tương lai xứng đáng với sự đầu tư của cha/mẹ các em;

Chia sẻ quyền lực, mạnh dạn trao quyền cho GV trong đó đề cao vai trò lãnh đạo hoạt động dạy học của GV;

Cho mọi người thấy là bạn đang làm việc với cương vị là một Hiệu trưởng, đầy nhiệt tâm, luôn trách nhiệm và đầy tình yêu thương học trò;

Hiệu trưởng nên có mặt thường xuyên trong trường và lớp học; tham gia dự càng nhiều những sinh hoạt của HS thì càng tốt;

Hiệu trưởng thường xuyên trau dồi kỹ năng giao tiếp; lắng nghe tất cả mọi người;

Khuyến khích HS tham gia vào các hoạt động giáo dục của trường và làm cho HS hiểu rõ vai trò của các em;

Hiệu trưởng luôn suy nghĩ để học hỏi, để đổi mới và nâng cao uy tín của mình trong trường.

#### *3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Các thành viên trong trường hành động như một khối thống nhất, thực thi công việc với tinh thần trách nhiệm cao.

Nhà trường biết coi trọng sự hài hòa về lợi ích ngắn hạn, lâu dài thông qua việc xây dựng các mối quan hệ của nhà trường.



### ***3.2.6. Biện pháp 6: Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích học sinh tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý***

#### ***3.2.6.1. Mục tiêu biện pháp***

Nắm bắt kịp thời thực trạng của hoạt động GDVHUX cho HS; kiểm soát, đánh giá mục tiêu GDVHUX cho HS từ đó có những phương án điều chỉnh phù hợp.

Hình thành khả năng, ý thức tự kiểm tra, tự đánh giá ở HS.

Thông qua kiểm tra, đánh giá xây dựng được một hành lang pháp lý, chế độ khen thưởng hợp lý nhằm kích thích đội ngũ cán bộ, GV, NV và HS tham gia hoạt động hiệu quả. Mặt khác, cũng xây dựng những quy định nhằm hạn chế những tiêu cực ảnh hưởng đến GDVHUX và quản lý GDVHUX cho HS.

#### ***3.2.6.2. Nội dung biện pháp***

Xây dựng kế hoạch kiểm tra trên cơ sở các tiêu chí cụ thể về nhà trường văn hóa. Đánh giá phải dựa trên kết quả của kiểm tra làm cơ sở.

Xây dựng các tiêu chí thi đua của CBQL, GV, NV và HS trong hoạt động GDVHUX cho HS trong đó quy định rõ về khen thưởng và kỉ luật. Chế độ khen thưởng, kỉ luật phải phù hợp với điều kiện thực tế và có tác dụng kích thích, động viên các cá nhân, tập thể tích cực, song cũng nghiêm khắc xử lý những biểu hiện tiêu cực gây ảnh hưởng đến hoạt động GDVHUX cho HS.

#### ***3.2.6.3. Cách tiến hành biện pháp***

Kiểm tra thường xuyên, định kì việc thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS: Kiểm tra hành vi, cách giao tiếp ứng xử của HS với thầy/cô và bạn bè, việc chấp hành nội quy của HS, các quan hệ xã hội,... Kiểm tra, đánh giá để kịp thời thu được những thông tin phản hồi về nhiều vấn đề, để từ đó có biện pháp giáo dục hợp lý và hiệu quả. Việc kiểm tra, đánh giá như vậy sẽ có tác dụng ngăn chặn từ xa đối với những thái độ đi ngược lại chuẩn mực đạo đức, ứng xử.

Việc kiểm tra đánh giá phải được tiến hành một cách thường xuyên, liên tục, có kế hoạch, khoa học và hợp lý; tuyệt đối tránh bệnh hình thức đối phó, chiếu lệ; phát huy tinh thần tự giác, chủ động của HS; biến quá trình kiểm tra, đánh giá của các lực lượng giáo dục thành hoạt động kiểm tra, đánh giá của HS; cần có sự tham gia

phối hợp của nhiều lực lượng giáo dục, giúp cho hoạt động này phản ánh đúng thực trạng vấn đề cần kiểm tra, đánh giá.

Yêu cầu GV tự đánh giá thực hiện nhiệm vụ GDVHUX cho HS; HS tự đánh giá kết quả GDVHUX vào cuối mỗi học kì và cuối năm học.

Bên cạnh việc kiểm tra đánh giá, cần có biện pháp khen thưởng, khuyến khích động viên những HS có thành tích cao trong học tập, gương mẫu trong việc thực hiện các quy định của nhà trường trong lối sống, trong giao tiếp ứng xử. Tổ chức sơ kết các cuộc vận động, các phong trào thi đua nhân các ngày lễ lớn trong năm học, trong đó có khen thưởng công bằng, kịp thời có tác dụng khích lệ, động viên HS, đồng thời có mức độ trách phạt và xử lý nghiêm khắc đối với những biểu hiện tiêu cực (lối sống thực dụng, chủ nghĩa cá nhân, phân biệt dân tộc, vùng miền, vi phạm nội quy, quy định của trường, gian lận trong thi cử, vô lễ với CBQL, GV, NV, ...).

Tạo điều kiện tốt nhất về tài chính cho công tác thi đua, khen thưởng. Bên cạnh việc ưu tiên dành nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên do nhà nước cấp, nhà trường phải nỗ lực trong việc huy động các nguồn lực tài chính từ cha mẹ HS, các cấp chính quyền địa phương, các nhà tài trợ, ... để có nguồn kinh phí phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, tạo động lực thúc đẩy hoạt động GDVHUX cho HS đạt được mục tiêu đề ra. Xây dựng quỹ khen thưởng, có mục riêng chi cho hoạt động GDVHUX.

#### *3.2.6.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Hiệu trưởng nhà trường và bộ phận kế toán phải nắm rõ các văn bản quy định về chế độ, chính sách, quyền lợi đối với các lực lượng tham gia vào hoạt động.

Xây dựng quy chế khen thưởng, trách phạt hợp lý với các lực lượng tham gia khi đánh giá kết quả hoạt động.

Khen thưởng, trách phạt phải đảm bảo khách quan, công bằng, công khai, có tính giáo dục và phát triển; tính kế hoạch và tính hệ thống; kết hợp khen thưởng thường xuyên và khen thưởng quá trình.

#### **3.2.7. Biện pháp 7: Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học**

##### *3.2.7.1. Mục tiêu biện pháp*

Xây dựng môi trường văn hóa nhà trường văn minh, hiện đại, phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước cũng như điều kiện cụ thể và đặc thù của mỗi nhà trường.

Xây dựng chuẩn mực ứng xử của CBQL, GV, NV trong mọi hoạt động, bao gồm những việc phải làm và những việc không được làm... góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, GV, NV có tác phong mô phạm, có cách giao tiếp ứng xử và lối sống văn hóa, có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bảo đảm tính nghiêm túc trong hoạt động giáo dục hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS; thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng mọi người và tôn trọng bản thân của HS; góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh; tạo lập phong cách ứng xử chuẩn mực cho HS.

### *3.2.72. Nội dung biện pháp*

Xây dựng quy tắc ứng xử áp dụng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Quan hệ ứng xử của người học (Đối với bản thân; đối với bạn bè; đối với khách và người lớn tuổi; đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong trường; đối với môi trường sống và học tập; ứng xử ở trường, ở lớp và ở nơi công cộng)

Quan hệ ứng xử của nhà giáo, cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên, người lao động (Đối với bản thân; đối với trẻ em, học sinh; đối với cấp trên, đồng nghiệp, cấp dưới; đối với cha mẹ học sinh, đối với cơ quan, đơn vị, khách đến trường công tác, liên hệ công việc; đối với CSVC, môi trường sư phạm nhà trường)

### *3.2.6.3. Cách tiến hành biện pháp*

Việc xây dựng quy tắc ứng xử cần dựa vào các căn cứ:

Quyết định số 129/2007/QĐ - TTg, ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước.

Căn cứ Thông tư Số: 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư Số: 01/2016/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 01 năm 2016 Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Quy định VHHD của một số trường khác nhằm tham khảo nội dung cũng như cách đưa ra các chế tài.

Tài liệu, sách, báo nghiên cứu về văn hóa ứng xử.

Quan điểm của các thành viên trong nhà trường về “hình mẫu” văn hóa và những biểu hiện của nó đang hiện diện trong nhà trường. Thông tin này giúp người lãnh đạo, quản lý biết được xuất phát điểm của đơn vị mình, giúp cho các quy định trở nên thiết thực và khả thi hơn.

Việc soạn thảo và ban hành quy tắc ứng xử được thực hiện như sau:

Lựa chọn đội ngũ, thành lập Ban soạn thảo;

Tổ chức cho Ban soạn thảo nghiên cứu sâu về văn hóa ứng xử;

Dự thảo quy tắc ứng xử áp dụng trong trường PTDTNT THCS Đại Từ trên cơ sở tiếp thu và chỉnh sửa các yêu cầu về hình thức, thể thức và nội dung;

Lấy ý kiến góp ý của các thành viên trong nhà trường;

Tổng hợp các ý kiến, nghiên cứu, chỉnh sửa các quy định cho phù hợp;

Ban hành văn bản quy định; tuyên truyền, phổ biến đến tất cả các đối tượng trong phạm vi điều chỉnh của quy định.

Nội dung quy tắc ứng xử đối với cán bộ, GV, NV cần tập trung vào các vấn đề chính sau:

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng bao gồm những quy định về trang phục, giao tiếp và ứng xử của CBQL, GV, NV khi làm nhiệm vụ; ý thức bảo vệ tài sản chung, giữ gìn và bảo vệ cảnh quan môi trường, ... tại nhà trường;

Nguyên tắc thực hiện: Phải phù hợp với truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc và điều kiện kinh tế - xã hội địa phương và điều kiện thực tế của nhà trường; phù hợp với định hướng xây dựng đội ngũ cán bộ, viên chức ngành giáo dục; phù hợp với các quy định của pháp luật;

Mục đích: Xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực cho đội ngũ cán bộ, GV, NV trong mọi hoạt động của nhà trường, hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, GV, NV có phẩm chất đạo đức tốt, hoàn thành tốt nhiệm vụ và công việc được giao;

Các quy định về trang phục, lễ phục;

Các quy định về giao tiếp và ứng xử: Trong giao tiếp và ứng xử (bao gồm giao tiếp, ứng xử trong quan hệ lãnh đạo, với đồng nghiệp, với HS, với các bên liên quan, giao tiếp qua điện thoại...), CBQL, GV, NV nhà trường phải có thái độ lịch sự, tôn trọng; ngôn ngữ giao tiếp phải rõ ràng, mạch lạc; không nói tục, nói tiếng lóng hoặc quát nạt;

Các quy định về ứng xử với môi trường tự nhiên, về cách bài trí phù hợp, khoa học, giữ gìn và tạo dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả và an toàn;

Các hành vi bị cấm: hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn trong trường (trừ trường hợp được sự đồng ý của lãnh đạo nhà trường vào các dịp liên hoan, lễ tết, tiếp khách, ...).

Các nội dung quy tắc ứng xử đối với HS được tập trung vào các vấn đề chính sau:

Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: quy định về trang phục, giao tiếp, ứng xử, trách nhiệm bảo vệ tài sản và giữ gìn vệ sinh môi trường của học sinh;

Mục đích: Đảm bảo tính nghiêm túc và hiệu quả hoạt động giáo dục hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện cho người học; thể hiện tính văn minh, lịch sự, tôn trọng mọi người và tôn trọng bản thân của người học; góp phần giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh, hình thành phong ứng xử chuẩn mực cho người học;

Quy định trang phục của học sinh: Đồng phục học sinh có màu sắc, kiểu dáng riêng gắn phù hiệu, logo của trường trên cánh tay trái của áo;

Quy định về giao tiếp và ứng xử: có thái độ lịch sự, tôn trọng. Ngôn ngữ giao tiếp phải trong sáng, rõ ràng, mạch lạc.

Trong giao tiếp và ứng xử với các học sinh khác, HS phải có thái độ trung thực, thân thiện, hòa nhã, hợp tác, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau trên tinh thần vì sự tiến bộ của mỗi người và của tập thể.

Trong giao tiếp với GV, NV của nhà trường:

Gặp GV, NV phải chào hỏi lễ phép. Khi GV vào lớp học làm nhiệm vụ và sau khi xong công việc ra khỏi lớp học sinh phải đứng lên chào;

Trong giờ học, thi, kiểm tra, thực hành và trong các hoạt động khác... học sinh phải thực hiện nghiêm túc các quy định của nhà trường đặc biệt là quy định về giao tiếp, ứng xử với GV, NV;

Học sinh có những kiến nghị, ý kiến với CBQL, GV, NV của nhà trường, học sinh phải xung hô và có thái độ đúng mực; nội dung ý kiến phải xuất phát từ lợi ích chung của tập thể và những yêu cầu chính đáng của người học; nhã nhặn lắng nghe ý kiến trả lời; được tiếp tục phản ánh, đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết nếu chưa thỏa mãn với trả lời của GV, NV nhà trường.

Quy định về bảo vệ tài sản và giữ gìn vệ sinh môi trường:

Học sinh có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn tài sản của nhà trường trong lớp học, ký túc xá, nhà ăn, thư viện, khu vui chơi, tập luyện, thực hành,... Cụ thể: không hủy hoại, phá phách, làm hỏng các trang thiết bị, đồ dùng học tập và các tài sản khác của nhà trường; phải kê, xếp bàn ghế gọn gàng, ngay ngắn; chốt cửa sổ, tắt các thiết bị điện sau khi ra khỏi phòng; sử dụng hợp lý, tiết kiệm điện nước và các vật dụng khác;

Học sinh phải thực hiện nghiêm túc các quy định về vệ sinh môi trường trong khuôn viên trường; không có hành động, tác phong thiếu văn hóa gây mất trật tự, gây ô nhiễm môi trường; không viết, vẽ, dán... lên tường, lên bàn học...

Các hành vi bị cấm:

Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể nhà giáo, nhân viên và học sinh khác;

Đến muộn giờ học, nghỉ học không xin phép; mất trật tự trong các giờ học, giờ thực hành, khi tham gia các hoạt động giáo dục khác;

Gian lận trong học tập: quay cốp, mang tài liệu vào phòng thi, chép bài của học sinh khác...

Say rượu, bia khi đến lớp; hút thuốc lá, sử dụng điện thoại, máy nghe nhạc, ăn quà vặt, làm việc riêng trong giờ học, trong thư viện;

Gây rối an ninh, trật tự; gây mất vệ sinh trong và ngoài nhà trường; lời nói, hành động thiếu văn hóa, gây mất đoàn kết;

Tham gia hoặc bao che cho việc sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển, phát tán, sử dụng vũ khí, chất nổ, các chất ma túy, các loại hóa chất cấm sử dụng, các tài liệu, ấn phẩm, thông tin phản động, đòi trụ và các tài liệu cấm khác theo quy định của nhà nước; tổ chức, tham gia, truyền bá các hoạt động mê tín dị đoan, các hoạt động tôn giáo trong nhà trường và các hành vi vi phạm đạo đức, lối sống khác.

#### *3.2.7.4. Điều kiện thực hiện biện pháp*

Cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên, học sinh: Thực hiện tốt các quy định tại Quy tắc ứng xử. Nếu phát hiện cá nhân vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý, đồng thời phản ánh với Lãnh đạo nhà trường để xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Lãnh đạo nhà trường: Quán triệt, tổ chức thực hiện các nội dung của Quy tắc ứng xử tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Kiểm tra giám sát cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh thực hiện Quy tắc; phê bình, chấn chỉnh việc vi phạm nội dung Quy tắc và kịp thời biểu dương, khen thưởng các cá nhân thực hiện tốt Quy tắc ứng xử trong nhà trường.

### **3.3. Mỗi quan hệ giữa các biện pháp**

Biện pháp quản lý là một hệ thống đa dạng, linh hoạt, không có biện pháp nào là vạn năng. Mỗi biện pháp quản lý đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Do đó các biện pháp nêu trên phải được thực hiện một cách đồng bộ và linh hoạt.

Biện pháp: “Nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia GDVHUX cho HS” có ý nghĩa rất quan trọng, tiên quyết vì trong mọi hoạt động không chỉ là hoạt động GDVHUX, có nhận thức đúng, có tình cảm đúng dẫn đến hành động đúng, còn làm như thế nào để mọi người đều nâng cao nhận thức về GDVHUX cho HS là phụ thuộc cách làm của CBQL và điều kiện thực hiện. Biện pháp 2 mang tính công cụ giúp nâng cao năng lực cho các cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ, Biện pháp 3 mang tính đặc thù đối với các lực lượng tham gia, các biện pháp còn lại mang tính cụ thể hóa hỗ trợ cho các biện pháp trên. Quan hệ giữa các biện pháp là biện chứng với nhau.

### **3.4. Khảo nghiệm các biện pháp**

#### ***3.4.1. Kết quả khảo nghiệm biện pháp theo ý kiến đánh giá của chuyên gia***

Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp:

Mục tiêu: Đánh giá tính cấp thiết và tính khả thi của các biện pháp GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ mà đề tài đã xây dựng.

Nội dung khảo nghiệm

Khảo nghiệm tính khả thi và tính cấp thiết của 6 biện pháp GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ mà đề tài đã xây dựng

Cách thức khảo nghiệm:

Tác giả đã tiến hành thăm dò ý kiến bằng phiếu hỏi đến: 09 CBQL giáo dục (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng, Tổ phó); 14 GV của trường PTDTNT THCS Đại Từ. Khi xử lý kết quả tác giả tính theo cách cho điểm đối với từng ý kiến đánh giá mức độ, cụ thể:

Rất cần thiết, rất khả thi: 3đ.

Khả thi, cần thiết: 2đ.

Không khả thi, không cần thiết: 1đ.

- Xử lý và phân tích kết quả:

Sử dụng công thức tính điểm trung bình:

$$\bar{X} = \frac{\sum X_i \cdot Y_i}{\sum Y_i} = \frac{\sum X_i \cdot Y_i}{n}$$

Trong đó:

$\bar{X}$  là điểm trung bình;

$X_i$  là điểm ở mức độ  $X_i$  ;

$Y_i$  là số người cho điểm ở mức độ  $X_i$  ;

$n$  là số người tham gia đánh giá.

Kết quả khảo nghiệm:

Kết quả khảo nghiệm của các biện pháp GDVHUX cho HS trường PTĐNT THCS Đại Từ mà đề tài đề xuất được thể hiện trên 2 bảng số liệu như sau:

**Bảng 3.1. Đánh giá của CBQL, GV trường PTĐNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái nguyên về tính cần thiết của các biện pháp GDVHUX cho HS**

TT	Tên biện pháp	Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Điểm TB	Xếp thứ bậc
1	Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và HS về tầm quan trọng của GDVHUX cho HS	22	1	0	2,96	1
2	Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ GV năng lực GDVHUX cho HS	20	3	0	2,87	4
3	Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc GDVHUX cho HS	19	4	0	2,83	6
4	Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động GDVHUX cho HS	21	2	0	2,91	2
5	Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh	18	5	0	2,78	7
6	Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích HS tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý	21	2	0	2,91	2
7	Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học	20	3	0	2,87	4



**Bảng 3.2. Đánh giá của CBQL, GV trường PTDNT THCS Đại Từ về tính khả thi của các biện pháp GDVHUX cho HS**

TT	Tên biện pháp	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi	Điểm TB	Xếp thứ bậc
1	Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và HS về tầm quan trọng của GDVHUX cho HS	22	1	0	2,96	1
2	Tổ chức bồi dưỡng năng lực GDVHUX cho HS cho đội ngũ GV	20	3	0	2,87	4
3	Phối hợp các lực lượng trong việc GDVHUX cho HS	18	5	0	2,78	5
4	Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động GDVHUX cho HS	21	2	0	2,91	2
5	Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh	18	5	0	2,78	5
6	Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích HS tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý	21	2	0	2,91	2
7	Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học	20	3	0	2,87	4

### **3.4.2. Nhận xét**

Qua các số liệu ở 2 bảng trên cho thấy, các biện pháp GDVHUX cho HS trường PTDNT THCS Đại Từ mà tác giả xây dựng đáp ứng được yêu cầu về tính cấp thiết và có thể mang lại hiệu quả cao. Theo đánh giá chung của các khách thể, điểm trung bình chung của các biện pháp đạt từ 2,78 đến 2,96/3 đối với tính cấp thiết và đối với tính khả thi.

Kết quả đánh giá trên là có cơ sở lý luận và thực tiễn. Hiện nay sự can thiệp để làm thay đổi về chương trình là một việc làm không dễ thực hiện cả về mặt pháp

lý, kế hoạch và quy trình thực hiện. Chính vì lẽ đó mà xét về tính cấp thiết, các biện pháp đưa ra ở trên đều rất quan trọng, mỗi biện pháp đều có vị trí, vai trò và tác động riêng nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện nói chung, GDVHUX nói riêng cho HS.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện các biện pháp GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ gặp những khó khăn nhất định. Vì vậy cần phải áp dụng đồng bộ các biện pháp GDVHUX cho HS nhằm mang lại hiệu quả giáo dục cao.

### **Kết luận chương 3**

Khi đề xuất các biện pháp quản lý GDVHUX cho HS tác giả dựa vào chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo và giáo dục toàn diện con người Việt Nam, đồng thời cũng theo sự chỉ đạo của các cấp chính quyền ở địa phương. Bên cạnh đó, các biện pháp tuân thủ theo các nguyên tắc: Đảm bảo tính mục tiêu, tính hệ thống, tính kế thừa và tính khả thi.

Trên cơ sở nghiên cứu lí thuyết và điều tra thực trạng về GDVHUX và thực trạng quản lý GDVHUX ở trường PTDTNT THCS, trong chương 3 tác giả đã đề ra 6 biện pháp quản lý GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS: Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và HS về tầm quan trọng của GDVHUX cho HS; Tổ chức bồi dưỡng năng lực GDVHUX cho HS cho đội ngũ GV; Phối hợp các lực lượng trong việc GDVHUX cho HS; Đa dạng hoá các hình thức tổ chức hoạt động GDVHUX cho HS; Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích HS tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý.

Để khảo nghiệm tính cần thiết và khả thi của các biện pháp trên tác giả đã xây dựng phiếu trưng cầu ý kiến của các cán bộ quản lý trong các nhà trường. Kết quả điều tra cho thấy hệ số tương quan thứ bậc nằm trong khoảng giá trị tương quan thuận chặt chẽ. Điều đó khẳng định các biện pháp mà tác giả đưa ra hoàn toàn mang tính cần thiết và khả thi.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Trong thời đại ngày nay, VHUX có vai trò hết sức quan trọng đối với đời sống của mỗi con người cũng như toàn xã hội. VHUX thể hiện thái độ, cách thức quan hệ, hành động giữa con người với con người, con người với tự nhiên. VHUX là yếu tố thuộc chuẩn mực đạo đức cơ bản của xã hội. Đó là nét đẹp của con người thể hiện qua lời nói, hành động, suy nghĩ đối với người khác, đối với tự nhiên. VHUX đòi hỏi con người phải được học tập, rèn luyện và tu dưỡng. Đây là những tiền đề nhận thức cần thiết để xác định quan niệm về VHUX và GDVHUX cho HS trong mỗi nhà trường nhất là bậc THCS. Tăng cường quản lý hoạt động GDVHUX cho HS là nhiệm vụ của nhà trường trong cả nước nói chung và của trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nói riêng nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển con người toàn diện về Đức, Trí, Thể, Mỹ. Đồng thời tạo ra môi trường văn hoá trong nhà trường, góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. GDVHUX còn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, giúp HS có nhận thức và hành vi đúng trong ứng xử với mọi người xung quanh và với bản thân mình.

Quá trình nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ cho thấy phần lớn CB, GV và HS đều nhận thức được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của việc GDVHUX cho HS; nhà trường đã tổ chức đa dạng hoá được các hoạt động GDVHUX, HĐGDNGLL, sinh hoạt tập thể với nội dung và hình thức phù hợp GDVHUX cho HS, đã tăng cường mối quan giữa Gia đình - Nhà trường - Xã hội, ... tham gia vào quá trình GDVHUX cho HS và bước đầu đã có tác động tích cực, giúp HS rèn luyện và hình thành lối sống phù hợp với chuẩn mực về văn hoá, đạo đức. Tuy nhiên, do GDVHUX chưa phải là môn học, chưa có bộ sách giáo khoa cụ thể nên chỉ dạy lồng ghép qua các môn học, HĐGDNGLL và sinh hoạt tập thể vẫn chưa đảm bảo được tính hệ thống, kế hoạch và thường xuyên. Do vậy, nhiều khi kết quả GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ chưa được như mong muốn.

Quá trình nghiên cứu lý luận và thực tiễn là cơ sở để tác giả xây dựng được 6 biện pháp cơ bản quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, văn hoá và giáo dục toàn diện trong nhà trường. Kết quả khảo nghiệm cho thấy, các biện pháp được sử dụng trong khảo nghiệm đã có tác dụng tích cực trong GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ. Đây là nền tảng giúp các em hoàn thiện về nhân cách và phát triển toàn diện.

## **2. Khuyến nghị**

Từ thực tiễn trình quá trình nghiên cứu quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, trong khuôn khổ một luận văn, tác giả xin có một số khuyến nghị như sau:

### **2.1. Với Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên**

Quan tâm, đầu tư kinh phí xây dựng CSVC, mua sắm trang thiết bị cho nhà trường.

Xây dựng chương trình chung về GDVHUX cho HS để trình Bộ GD&ĐT xem xét. Có văn bản, hướng dẫn các trường thực hiện công tác GDVHUX cho HS thông qua tổ chức các hoạt động.

Chỉ đạo các đơn vị trường học thực hiện tốt việc giáo dục kỹ năng sống cho HS các trường nói chung và các trường PTDTNT nói riêng trong đó có GDVHUX.

Tổ chức cho các trường PTDTNT chức trao đổi, học tập kinh nghiệm, cách làm hay về công tác quản lý HS nội trú, giáo dục HS nói chung và GDVHUX cho HS nói riêng.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, xếp loại các trường nói chung và các trường PTDTNT nói riêng trong việc xây dựng trường học “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.

### **2.2. Với Ủy ban nhân dân huyện Đại Từ**

Đồng ý phương án xin cấp đất của nhà trường để nhà trường mở rộng khuôn viên, bố trí mặt bằng xây dựng Nhà sinh hoạt, giáo dục văn hóa dân tộc (Theo Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường Phổ thông Dân tộc Nội trú).

Hỗ trợ kinh phí trong việc tổ chức các hoạt động cho học sinh.

### **2.3. Với Phòng Giáo dục & Đào tạo huyện Đại Từ**

Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các kì thi, cuộc thi/hội thi, trao đổi, sinh hoạt chuyên môn, xây dựng chương trình giáo dục địa phương, ...

#### **2.4. Với Ban Giám hiệu Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ**

Chỉ đạo các tổ chức, bộ phận, cá nhân thực hiện tốt chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, các cuộc vận động, các phong trào thi đua do ngành GD&ĐT phát động.

Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ GV, NV.

Phải nhận thức được tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc GDVHUX nói chung, VHUX cho HS nói riêng. Phải thực sự xem đây là một trong những vấn đề cơ bản, quan trọng trong thực hiện mục tiêu giáo dục của nhà trường.

GDVHUX cho HS vào một trong những nội dung giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống cho HS phải có kế hoạch triển khai thực hiện cụ thể, quản lý chặt chẽ hơn, sâu sát.

Hàng tháng phải tổng kết, đánh giá văn hoá ứng xử của HS và đưa vấn đề này vào trong báo cáo đánh giá hàng tháng để thông báo trước tiết chào cờ tuần đầu tiên của tháng, đồng thời có biện pháp xử lý, uốn nắn những lệch lạc về chuẩn mực ứng xử đối với cán bộ, GV, NV của HS.

#### **2.5. Với giáo viên Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ**

Giáo viên giảng dạy các bộ môn có thể mạnh như dạy môn Ngữ văn, Giáo dục công dân, Lịch sử, Sinh học, cán bộ Đoàn TNTS Hồ Chí Minh, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh cần phát huy vai trò, tổ chức và cố vấn về nội dung, hình thức GDVHUX cho HS.

Công tác đánh giá kết quả của HS cần dựa vào quá trình tham gia và tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện đạo đức, lối sống văn hoá một cách tích cực; không nên chỉ dựa vào kết quả học tập của HS, có như vậy mới kích thích được đông đảo HS tích cực, chủ động rèn luyện nhân cách, tích cực tham gia và tổ chức các hoạt động giáo dục.

Tích cực tự học, tự rèn, thường xuyên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Thường xuyên kiểm tra việc ăn ở, thực hiện nề nếp Nội quy của nhà trường, Nội quy nhà ăn, Nội quy Ký túc xá.

## ***2.6. Với học sinh Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Đại Từ***

Tích cực, chủ động, tự giác và sáng tạo trong học tập và rèn luyện, tham gia vào các hoạt động. Thường xuyên chú ý đến các thông tin về thực trạng VHUX và lối sống hiện nay của giới trẻ trên các phương tiện thông tin vì nó rất có ích cho bản thân mỗi HS.

Phải thường xuyên trau dồi, tu dưỡng bản thân để có những kiến thức hiểu biết sâu sắc về chuẩn mực đạo đức xã hội. Từ đó có tình cảm tốt đẹp và phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Duy Anh (1948), *Văn hóa là gì?* Nxb Tân Việt.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Đại Từ (2007), *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1936 - 2015)*, Công ty cổ phần sách và truyền thông văn hóa Việt.
3. Hoàng Chí Bảo, *Văn hóa đạo đức Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị Quốc gia.
4. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường (2014), *Cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.
5. Nguyễn Ngọc Bích (1998), *Tâm lý học nhân cách*, Nxb Giáo dục, Hà Nội
6. Hoàng Hòa Bình (2015), "Năng lực và đánh giá theo năng lực", *Tạp chí khoa học ĐHSP TP.HCM*, số 6(71) năm 2015, tr.21- 32.
7. Lê Thị Bùng - Hải Vang, (1997), *Tâm lý học ứng xử*, ĐHQG Hà Nội, tr.11.
8. Lê Thị Bùng (1997), *Tâm lý học ứng xử*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2006), *Cơ sở khoa học quản lý - Bài giảng cho hệ cao học quản lý giáo dục*, Hà Nội.
10. Hoàng Thị Chiến, "*Thực trạng hành vi giao tiếp có văn hóa của sinh viên trường Cao đẳng sư phạm Cà Mau*", luận văn thạc sĩ Tâm lý học - Trường Đại học sư phạm TP.HCM.
11. Nguyễn Viết Chức (chủ biên) (2002), *Những giá trị lịch sử văn hóa 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
12. Nguyễn Viết Chức (2002), *VHUX của Người Hà Nội với môi trường thiên nhiên*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
13. Đoàn Thị Cúc (2015), *Phát triển môi trường giao tiếp cho sinh viên sư phạm ở các trường Cao đẳng miền núi phía Bắc*, Luận án tiến sĩ khoa học giáo dục, Đại học Thái Nguyên.
14. Võ Thị Cúc (1997), *Văn hóa gia đình với việc hình thành và phát triển nhân cách trẻ em*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
15. Phạm Vũ Dũng (1996), *Văn hóa giao tiếp*, Nxb văn hóa thông tin, Hà Nội.
16. Thành Duy (2007), *Văn hóa Việt Nam trước xu thế toàn cầu - Thời cơ và thách thức*, Nxb Văn hóa thông tin, HN.



17. Phạm Thị Kiều Duyên (2015), "Sử dụng bài tập thực tiễn trong dạy học hóa học nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho HS", *Tạp chí Khoa học giáo dục*, số 118, tháng 7/2015, tr. 33.
18. *Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc* (1993), Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội, tr.15.
19. Dương Tụ Đàm (1999), *Những phương pháp tiếp cận thanh niên hiện nay*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
20. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.126.
21. Đảng Cộng sản Việt Nam (2012), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
22. Nguyễn Minh Đạo (1997), *Cơ sở khoa học quản lý*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
23. *Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.*
24. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
25. Nguyễn Minh Đường (1996), *Bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nhân lực trong điều kiện mới*, Chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước K07, Hà Nội.
26. E.B. Tylor (2001), "Văn hóa nguyên thủy", Huyền Giang dịch từ tiếng Nga, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, Hà Nội.
27. Nguyễn Hồng Hà (2001), *Văn hóa truyền thống dân tộc với việc giáo dục thế hệ trẻ*, viện văn hóa-văn hóa thông tin.
28. Nguyễn Hồng Hà (2005), *Môi trường văn hóa với việc xây dựng lối sống con người Việt Nam*, Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội.
29. Phạm Minh Hạc (Chủ biên) (1998), *Văn hóa và giáo dục, giáo dục và văn hóa*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.123 - 124.
30. Phạm Minh Hạc, Nguyễn Khoa Điềm (2003), *Về sự phát triển và xây dựng con người thời kỳ CNH - HĐH*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
31. Harold Koontz, Cyril O'Donnell, Heinz Weirich (1994), *Những vấn đề cốt yếu về quản lý*, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội
32. Đoàn Thị Hồng Hiệp (2015), "Giáo dục, rèn luyện ứng xử có văn hóa cho HS các trường trung học phổ thông hiện nay", *Tạp chí giáo dục* số 359, tr.22-24.

33. Nguyễn Văn Hộ (2004), *Giáo dục học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, t2, tr.3 - 4.
34. Nguyễn Văn Hộ (2013), *Phát triển năng lực thích ứng nghề cho sinh viên trong quá trình đào tạo ở các trường đại học sư phạm*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên, tr.2- 8
35. Lê Như Hoa (chủ biên) (2002), *Văn hóa ứng xử của các dân tộc Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin.
36. Ngô Công Hoàn (1995), *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*, NXB Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
37. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (1993), *Văn Hóa xã hội chủ nghĩa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.32.
38. Lê Văn Hồng (2008), *Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
39. Trần Thị Minh Huệ (2010), *Giáo dục bản sắc văn hóa dân tộc cho sinh viên sư phạm thông qua tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Luận án tiến sĩ, ĐHSP - ĐHTN.
40. Nguyễn Khắc Hùng (chủ biên) (2011), *Văn hóa và văn hóa học đường*, NXB Thanh Niên, Hà Nội.
41. Nguyễn Thế Hùng (2007), *Cẩm nang ứng xử bí quyết trẻ lâu sống lâu*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.31.
42. Nguyễn Thị Hương (2013), “Rèn luyện một số kỹ năng nhằm hạn chế, ngăn ngừa hành vi bạo lực đối với bạn bè của HS trung học cơ sở”, *Tạp chí giáo dục số 321*, tr.11-13.
43. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Trần Thanh Nga (2012), “Một số giải pháp GDVHUX cho sinh viên trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật Việt Bắc”, *Tạp chí giáo dục*, số 277 (kỳ 1-1/2012).
44. [https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment\\_data/file/](https://www.gov.uk/government/uploads/system/uploads/attachment_data/file/)
45. <http://laodong.com.vn> (2008), *Bàn tròn Văn hoá học đường*.
46. Trần Ngọc Khuê (1998), *Xu hướng biến đổi tâm lý xã hội trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
47. Nguyễn Văn Lê (2006), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội
48. Thùy Linh - Việt Trinh (2013), *Văn hóa ứng xử & nghệ thuật giao tiếp nơi công sở*, NXB Lao động, TP.Hồ Chí Minh.

49. Thanh Loan (2011), *Trăn trở với VHUX học đường*, <http://tamnhin.net/daotao/>.
50. Đỗ Long, *Tâm lý học với văn hóa ứng xử*, Nxb Văn hóa thông tin.
51. Hồ Chí Minh Toàn tập (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t3, tr.431.
52. Hồ Chí Minh Toàn tập (1996), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, t10, tr.311.
53. Hồ Chí Minh (2009), *Toàn tập*, tập 3, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
54. Nguyễn Ngọc Nam (2004), *Án tượng phút đầu giao tiếp*, Nxb TN, Hà Nội.
55. Dương Thị Nga (2014), "Các kỹ năng mềm giúp sinh viên sư phạm thích ứng với hoạt động học tập - rèn luyện nghề nghiệp", *Tạp chí giáo dục* số 325 (kỳ 1-1/2014).
56. Trần Thanh Nga (2011), *GDVHUX cho sinh viên trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật Việt Bắc*, luận văn thạc sĩ Giáo dục học, Trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
57. Nguyễn Thị Kim Ngân (2011), *Văn hóa giao tiếp trong nhà trường*, Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
58. Nguyễn Thị Nhân (2015), *Rèn luyện kỹ năng dạy học cho sinh viên đại học sư phạm theo tiếp cận linh hoạt trong thực tập sư phạm* - Luận án tiến sĩ Giáo dục học, Hà Nội.
59. Nhiều tác giả, *Mấy vấn đề văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
60. Lê Văn Quán (2007), *Văn hóa ứng truyền thống của người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin.
61. Nguyễn Dục Quang (2010), *Hướng dẫn thực hiện Giáo dục kỹ năng sống cho HS phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
62. Nguyễn Ngọc Quang (1989), *Những khái niệm cơ bản về lý luận QLGD*, Trường Cán bộ QLGD Trung ương I.
63. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 38/2005/QH 11, Luật giáo dục, ban hành ngày 14 tháng 6 năm 2005.
64. Kim Thanh, Hoàng Anh (1995), *Giao tiếp sư phạm*, Giáo trình đại học sư phạm Hà Nội.
65. Phạm Minh Thảo (2000), *Nghệ thuật ứng xử của người Việt*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.

66. Nguyễn Ngọc Thêm (1997), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
67. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (1999), Nxb Giáo dục, tái bản lần thứ 2, tr.16 - 17.
68. Trần Ngọc Thêm - Phạm Hồng Quang (2004), *Văn hóa học và văn hóa Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
69. Lê Thi (2012), *Vài suy nghĩ về nếp sống văn hóa hiện nay*, Thông tin Khoa học xã hội, số 4-2012.
70. Trần Văn Tính (2013), *Kỹ năng và các tình huống ứng xử sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
71. Đỗ Hoàng Toàn - chủ biên (2000), *Giáo trình khoa học quản lý*, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
72. Lê Ngọc Trà (2013), “Giáo dục văn hóa giao tiếp trong nhà trường”, *Tạp chí Đại học Sài Gòn*, Quyền số 17 - Tháng 11/2013.
73. Nguyễn Thanh Tuấn (2005), *Văn hóa ở các nước tư bản phát triển - đặc điểm và dự báo*, Viện Văn hóa và Nxb Văn hóa- Thông tin, Hà Nội, tr.9 - 13.
74. Thái Duy Tuyên (1995), *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam*, tr.3.
75. Nguyễn Quang Uẩn (2007), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
76. Phạm Thái Việt, Đào Ngọc Tuấn, *Đại cương về văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin.
77. Huỳnh Khánh Vinh (2001), *Một số vấn đề về lối sống, đạo đức, chuẩn giá trị xã hội*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
78. Phạm Viết Vượng (2000), *Giáo dục học*, NXb Đại học Quốc gia Hà Nội.

# PHỤ LỤC PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN

## Phụ lục 01

### Dành cho học sinh trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Để có cơ sở thiết thực cho đề tài nghiên cứu “**Quản lý hoạt động GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**”, từ đó có những đề xuất nhằm giúp các bạn HS có VHUX phù hợp, các em vui lòng trả lời một số câu hỏi của tác giả bằng cách lựa chọn đáp án mà em cho là đúng nhất của các câu hỏi trong phiếu điều tra.

**Em cho biết đôi điều về bản thân:**

Em đang học lớp nào: .....

Giới tính: Nam/Nữ

**Câu 1:** Theo em GDVHUX là:

1. Là giáo dục cho HS cách ứng xử có văn hóa, phù hợp với phong tục và tập quán.
2. Là GD cho HS biết thế ứng xử, thể hiện triết lý sống, lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cộng đồng người trong việc ứng xử và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội từ vi mô đến vĩ mô.
3. Là hướng dẫn cho HS cách thức thể hiện mình với người khác.
4. Là GD cho HS biết cách phản ứng với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định.
5. Là hướng dẫn cho HS biết cách phản ứng có lựa chọn biết cách giao tiếp dựa vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả cao nhất trong giao tiếp.
6. Là quá trình trang bị cho HS những tri thức, hiểu biết về khuôn mẫu ứng xử, những chuẩn mực hành vi đạo đức, phát triển khả năng giao tiếp, giúp HS có thái độ, cách thức quan hệ, hành động và kỹ năng lựa chọn, ứng xử linh hoạt, phù hợp trong mọi tình huống đa dạng của cuộc sống.

**Câu 2:** Theo em GDVHUX có ý nghĩa và vai trò như thế nào?

STT	Nội dung	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Tạo môi trường học tập tốt, giúp HS thấy tự tin, thoải mái, ham học hỏi trong môi trường văn hóa đích thực.			
2	Tạo môi trường thân thiện giúp HS thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau.			

STT	Nội dung	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
3	Giúp HS tích cực khám phá, trải nghiệm, hợp tác, ...			
4	Giúp xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết, học hỏi lẫn nhau các cá nhân một cách tích cực.			
5	Giúp HS hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt trong mọi tình huống, tự tin trước tập thể.			
6	Tất cả các ý trên.			

**Câu 3:** Trong những nội dung GDVHUX dưới đây, các thầy/cô trường em đã giáo dục cho HS những nội dung nào?

TT	Nội dung GDVHUX	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	GDVHUX trong mối quan hệ với thầy/cô như: kính trọng thầy/cô; thấy được công lao to lớn của thầy/cô đối với sự nghiệp giáo dục nói chung với thế hệ trẻ nói riêng từ đó có lòng biết ơn đối với thầy/cô; cư xử đúng mực, giữ đúng đạo làm trò đối với thầy/cô.			
2	GDVHUX trong mối quan hệ với bạn bè như: tôn trọng, quan tâm giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn hoạn nạn; biết chia sẻ, nhường nhịn; trong giao tiếp với bạn luôn thân thiện, cởi mở, vui vẻ, hòa nhã, chân thành, trung thực; không nói tục, chửi bậy, không đánh nhau, ...			
3	GDVHUX trong việc chấp hành Nội quy, Quy chế của nhà trường như: thực hiện nghiêm các quy định về nề nếp học tập, không gian lận trong thi cử, không mắc các tệ nạn xã hội, ...			
4	Tất cả những nội dung trên.			

**Câu 4:** Bạn hãy lựa chọn phương án trả lời mà em cho rằng phù hợp với mình nhất đối với những câu hỏi dưới đây.

**1. Khi gặp bạn, bạn gặp hoàn cảnh khó khăn, em sẽ**

- a. Luôn thân thiện với bạn.
- b. Biết quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ tất cả các bạn khi gặp khó khăn.
- c. Chỉ quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn trong lớp khi gặp khó khăn.
- d. Không quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ các bạn khi gặp khó khăn.

**2. Khi gặp thầy/cô em thường**

- a. Kính trọng và lễ phép.
- b. Khi gặp bạn chào tất cả các thầy/cô trong trường.
- c. Chỉ chào những thầy/cô nào dạy mình.
- d. Lảng tránh để đỡ phải giáp mặt.

**3. Trong việc chấp hành nội quy, quy chế của nhà trường em luôn**

- a. Chấp hành nghiêm túc mọi lúc, mọi nơi.
- b. Chỉ chấp hành nghiêm túc khi có sự giám sát chặt chẽ của thầy/cô.
- c. Chấp hành một cách khiên cưỡng.
- d. Ý kiến khác.

*Chân thành cảm ơn em!*

**Phụ lục 02**  
**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**  
**Dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**  
**Trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên**

Để có cơ sở khoa học và biện pháp GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ được tốt hơn, tác giả rất mong nhận được ý kiến của quý thầy/cô về vấn đề này. Xin thầy/cô vui lòng trả lời một số câu hỏi của tác giả bằng cách lựa chọn đáp án mà thầy/cô cho là đúng nhất hoặc ghi ý kiến của thầy/cô vào các dòng trống của các câu hỏi trong phiếu điều tra.

**Câu 1:** Theo Thầy/ cô GDVHUX cho HS:

STT	Nội dung	Đúng	Sai
1	Là giáo dục cho HS cách ứng xử có văn hóa, phù hợp với phong tục và tập quán.		
2	Là GD cho HS biết thể hiện triết lý sống, lối sống, lối suy nghĩ, lối hành động của một cộng đồng người trong việc ứng xử và giải quyết những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên, với xã hội từ vi mô đến vĩ mô.		
3	Là hướng dẫn cho HS cách thức thể hiện mình với người khác		
4	Là giúp HS biết cách phản ứng đối với sự tác động của người khác đến mình trong một tình huống cụ thể nhất định.		
5	Là hướng dẫn cho HS biết cách phản ứng có lựa chọn biết cách giao tiếp dựa vào tri thức, kinh nghiệm và nhân cách của mỗi người nhằm đạt kết quả cao nhất trong giao tiếp.		
6	Là quá trình trang bị cho HS những tri thức, hiểu biết về khuôn mẫu ứng xử, những chuẩn mực hành vi đạo đức, phát triển khả năng giao tiếp, giúp HS có thái độ, cách thức quan hệ, hành động và kỹ năng lựa chọn, ứng xử linh hoạt, phù hợp trong mọi tình huống đa dạng của cuộc sống.		



**Câu 2:** Theo thầy/cô GDVHUX có ý nghĩa và vai trò như thế nào?

STT	Nội dung	Mức độ		
		Rất quan trọng	Quan trọng	Không quan trọng
1	Tạo môi trường học tập tốt, giúp HS thấy tự tin, thoải mái, ham học hỏi trong môi trường văn hóa đích thực.			
2	Tạo môi trường thân thiện giúp HS thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu và hoàn cảnh khác nhau.			
3	Giúp HS tích cực khám phá, trải nghiệm, hợp tác.			
4	Giúp xây dựng mối quan hệ ứng xử tôn trọng, hiểu biết, học hỏi lẫn nhau các cá nhân một cách tích cực.			
5	Giúp HS hình thành kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt trong mọi tình huống, tự tin trước tập thể.			
6	Tất cả các ý trên.			

**Câu 3:**Đánh giá của thầy/cô về thực hiện mục tiêu GDVHUX cho HS?

TT	Nội dung GDVHUX	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Chưa tốt	Không thực hiện
1	Giúp HS có được nhận thức đúng đắn để có hành vi ứng xử giao tiếp có văn hóa trong học tập, sinh hoạt và trong các môi trường xã hội khác nhau.			
2	Xây dựng được môi trường văn hóa lành mạnh, trong sáng, đầy tính nhân văn, có sức cảm hóa, sức lan tỏa sâu rộng trong xã hội từ đó góp phần hình thành và phát triển nhân cách HS.			
3	Xây dựng môi trường thân thiện cho HS, giúp các em cảm thấy an toàn, cởi mở, biết chia sẻ và chấp nhận các nhu cầu, hoàn cảnh khác nhau, giúp các em cảm thấy tự nhiên, thoải mái, vui vẻ, tạo động lực cho các em học tập trong môi trường văn hóa đích thực.			
4	Tất cả những mục tiêu trên.			

**Câu 4:** Trong nội dung GDVHUX dưới đây, các thầy/cô đã giáo dục cho HS những nội dung nào?

TT	Nội dung GDVHUX	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	GDVHUX trong mối quan hệ với thầy/cô như: kính trọng thầy/cô; thấy được công lao to lớn của thầy/cô đối với sự nghiệp giáo dục nói chung với thế hệ trẻ nói riêng từ đó có lòng biết ơn đối với thầy/cô; cư xử đúng mực, giữ đúng đạo làm trò đối với thầy/cô.			
2	GDVHUX trong mối quan hệ với bạn bè như: tôn trọng, quan tâm giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn hoạn nạn; biêtchia sẻ, nhường nhịn; trong giao tiếp với bạn luôn thân thiện, cởi mở, vui vẻ, hòa nhã, chân thành, trung thực; không nói tục, chửi bậy, không đánh nhau, ...			
3	GDVHUX trong việc chấp hành Nội quy, Quy chế của nhà trường như: thực hiện nghiêm các quy định về nề nếp học tập, không gian lận trong thi cử, không mắc các tệ nạn xã hội, ...			
4	Tất cả những nội dung trên.			

**Câu 5:** Ở trường thầy/cô đã GDVHUX cho HS theo con đường nào dưới đây? Mức độ thực hiện?

TT	Con đường GDVHUX	Mức độ thực hiện		
		Thường xuyên	Không thường xuyên	Không thực hiện
1	Thông qua hoạt động dạy học (lồng ghép vào một số môn học có ưu thế như Giáo dục công dân, Ngữ văn, Lịch sử, Sinh học, ...)			
2	Thông qua tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (Hội thi văn nghệ, kể chuyện, vẽ tranh, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, TDTT, trồng và chăm sóc rau xanh, ...)			
3	Thông qua sinh hoạt tập thể (Hoạt động học tập ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo, ...)			
4	Tự rèn luyện tu dưỡng bản thân của HS (Tự học, tự chăm sóc bản thân, ...)			

**Câu 6:**Đánh giá của thầy/cô về việc xây dựng kế hoạch hoạt động GDVHUX cho HS?

TT	Các loại kế hoạch	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Kế hoạch tổng thể cả năm.			
2	Kế hoạch theo học kì.			
3	Kế hoạch theo từng tháng.			
4	Kế hoạch theo từng tuần.			
5	Theo chủ điểm, chủ đề.			
6	Kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động.			
7	Tính phù hợp của kế hoạch với đặc điểm, điều kiện thực tế về giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.			
8	Tính đồng bộ của kế hoạch trong việc giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.			
9	Tính khả thi và hiệu quả của kế hoạch.			

**Câu 7:**Đánh giá của thầy/cô về việc tổ chức thực hiện hoạt động GDVHUX cho HS?

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Tổ chức thành lập Ban chỉ đạo về GDVHUX cho HS, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho từng thành viên			
2	Tổ chức tập huấn cho đội ngũ về GDVHUX cho HS (Xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, huy động các nguồn lực, ... GDVHUX cho HS)			
3	Tổ chức các hoạt động GDVHUX cho HS ở lớp, ở trường một cách hiệu quả			
4	Xây dựng đội ngũ GVCN, TPT đội, Bí thư chi đoàn, Giáo vụ, Quản sinh thành lực lượng GD nòng cốt			
5	Thực hiện phối hợp một cách có hiệu quả các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia công tác GDVHUX cho HS			
6	Ban chỉ đạo GDVHUX cho HS thực hiện giúp Hiệu trưởng kiểm tra, đánh giá các hoạt động GDVHUX cho HS			

**Câu 8:** Đánh giá của thầy/cô về thực hiện các biện pháp chỉ đạo triển khai quản lý hoạt động GDVHUX cho HS?

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Chỉ đạo các bộ phận triển khai kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.			
2	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận thực hiện đầy đủ các nội dung GDVHUX cho HS (Trong mối quan hệ GV - HS, HS - HS và trong việc chấp hành nội quy của nhà trường)			
3	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận vận dụng linh hoạt các phương pháp GDVHUX cho HS			
4	Chỉ đạo các cá nhân, bộ phận thực hiện đa dạng hóa các hình thức tổ chức GDVHUX cho HS (Qua môn học, qua HĐGDNGLL, qua sinh hoạt tập thể, ...)			
5	Chỉ đạo việc phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tổ chức giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.			
6	Chỉ đạo xây, dựng các quy định quy ước về giáo dục dục văn hóa ứng xử: theo dõi, kiểm tra, xếp loại, đánh giá việc xếp loại, khen thưởng, kỉ luật về dục văn hóa ứng xử cho HS.			
7	Chỉ đạo việc đầu tư trang thiết bị, huy động các nguồn kinh phí từ nhà trường, gia đình HS và các lực lượng xã hội (xã hội hóa giáo dục) dành cho việc giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS.			

**Câu 9:** Đánh giá của thầy/cô về việc kiểm tra, đánh giá kết quả quản lý hoạt động GDVHUX cho HS?

STT	Nội dung đánh giá	Mức độ		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1	Qua việc tích hợp, lồng ghép giáo dục dục văn hóa ứng xử vào việc giảng dạy các môn học trong chương trình môn học			
2	Qua giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa của nhà trường, của địa phương			
3	Tổ chức các hoạt động giáo dục toàn diện trong nhà trường góp phần giáo dục dục văn hóa ứng xử cho HS			
4	Kiểm tra việc đánh giá, xếp loại HS theo bộ tiêu chuẩn về văn hóa ứng xử và xếp loại điểm đạo đức			
5	Căn cứ vào đánh giá, xếp loại của GV chủ nhiệm lớp, tham khảo ý kiến đánh giá xếp loại qua ý kiến các GV bộ môn, các lực lượng giáo dục trong nhà trường, cha mẹ HS, đại diện địa phương			
6	Nêu gương, khen thưởng các cá nhân, tập thể HS có thành tích phấn đấu			
7	Kiểm tra, nhắc nhở, uốn nắn, thi hành kỉ luật các HS có hành vi văn hóa ứng xử xấu vi phạm chuẩn mực đạo đức			
8	Kiểm tra việc HS tự đánh giá, tự xếp loại			
9	Đề ra các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về GDVHUX cho HS			

Xin thầy/cô cho biết một số thông tin về bản thân:

Tổ chuyên môn:..... ; Dạy môn:.....

*Xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp của quý thầy/cô!*

**Phụ lục 03**  
**PHIẾU KHẢO NGHIỆM TÍNH CẦN THIẾT VÀ KHẢ THI**  
**(Về các biện pháp quản lý GDVHUX cho HS**  
**trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên)**

Qua nghiên cứu lý luận về VHUX và GDVHUX, đồng thời khảo sát thực trạng GDVHUX cho HS trường PTDTNT THCS Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, tác giả đề xuất một số biện pháp GDVHUX cho HS.

Mong quý thầy/cô vui lòng đọc kỹ và cho biết ý kiến của mình về sự cần thiết và tính khả thi của các biện pháp (Phiếu khảo nghiệm có in chi tiết tên, mục tiêu, nội dung, cách thức tiến hành, điều kiện thực hiện của 7 biện pháp) bằng cách đánh dấu (x) vào ô mà thầy/cô lựa chọn ở bảng dưới đây.

<b>Mức độ cần thiết</b>	<b>Tính khả thi</b>
<b>1. Nâng cao nhận thức cho CBQL, GV, NV và HS về tầm quan trọng của GDVHUX cho HS</b>	
- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi
<b>2. Tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên năng lực GDVHUX cho HS</b>	
- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi
<b>3. Phối hợp các lực lượng giáo dục trong việc GDVHUX cho HS</b>	
- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi
<b>4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức hoạt động GDVHUX cho HS</b>	
- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi
<b>5. Xây dựng môi trường giáo dục nhà trường lành mạnh</b>	
- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi

**6. Tăng cường kiểm tra, đánh giá; khuyến khích HS tự kiểm tra, tự đánh giá; xây dựng và thực hiện quy chế khen thưởng và trách phạt rõ ràng, hợp lý**

- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi

**7. Xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học**

- Rất cần thiết	- Rất khả thi
- Cần thiết	- Khả thi
- Không cần thiết	- Không khả thi

Xin thầy/cô vui lòng cho biết một số thông tin cá nhân:

Họ và tên:.....

Chức vụ:.....

Số năm công tác:.....

Số năm làm cán bộ quản lý:.....

Trình độ chuyên môn:.....

*Xin trân trọng cảm ơn sự đóng góp của quý Thầy/Cô!*